*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**CHỦ ĐỀ 3: BÀI 3**

**HỒN NƯỚC NẰM TRONG TIẾNG MẸ CHA**

**THỂ LOẠI TRUYỆN THƠ NÔM**

**TUẦN …. - Tiết: ....**

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết các đặc điểm của thể thơ song thất lục bát.

- Năng lực đọc hiểu các văn bản thơ song thất lục bát ngoài SGK.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI TRUYỆN THƠ NÔM**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của thể loại truyện thơ Nôm.

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện thơ Nôm như: chữ viết, yếu tố tự sự, yếu tố trữ tình trong truyện thơ Nôm…….

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ: chơi chữ, điệp thanh và điệp vần.

* Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**HOẠT ĐỘNG 1.1: GV CHỐT MỘT SỐ LƯU Ý KHI ĐỌC HIỂU TRUYỆN THƠ NÔM**

**1. Các đặc điểm của truyện thơ Nôm**

- Đây là một loại hình tự sự có khả năng phản ánh về hiện thực của xã hội và con người với một phạm vi tương đối rộng, vì vậy có người gọi truyện thơ Nôm là trung thiên tiểu thuyết (tiểu thuyết vừa).

- Nội dung của truyện thơ Nôm thường phản ánh đời sống xã hội cũng như thể hiện quan niệm, lí tưởng nhân sinh của tác giả thông qua việc miêu tả và thường là miêu tả chi tiết, tường thuật lại một cách tương đối trọn vẹn cuộc đời, tính cách nhân vật bằng một cốt truyện với chuỗi các biến cố, sự kiện nổi bật.

- Truyện thơ Nôm tiêu biểu cho văn học cổ điển Việt Nam, nở rộ vào cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, do viết bằng tiếng Việt dùng chữ Nôm nên được gọi là *truyện Nôm*.

- Truyện thơ Nôm có nhiều nguồn gốc cốt truyện khác nhau:

* Một số tác phẩm sử dụng cốt truyện dân gian (lấy từ cổ tích, thần tích, Phật thoại...) vốn lưu hành trong dân gian như:[*Tấm Cám*](https://www.duhoctrungquoc.vn/wiki/vi/T%E1%BA%A5m_C%C3%A1m)*,*[*Thạch Sanh*](https://www.duhoctrungquoc.vn/wiki/vi/Th%E1%BA%A1ch_Sanh_(truy%E1%BB%87n_th%C6%A1))*,*[*Quan Âm Thị Kính*](https://www.duhoctrungquoc.vn/wiki/vi/Quan_%C3%82m_Th%E1%BB%8B_K%C3%ADnh_(truy%E1%BB%87n_th%C6%A1))*,*[*Tống Trân – Cúc Hoa*](https://www.duhoctrungquoc.vn/wiki/vi/T%E1%BB%91ng_Tr%C3%A2n_C%C3%BAc_Hoa)*,*[*Trương Chi*](https://www.duhoctrungquoc.vn/wiki/vi/Tr%C6%B0%C6%A1ng_Chi)*...*
* Một số tác phẩm lấy cốt truyện trong văn học viết Trung Quốc ([tiểu thuyết chương hồi](https://www.duhoctrungquoc.vn/wiki/vi/Ti%E1%BB%83u_thuy%E1%BA%BFt_ch%C6%B0%C6%A1ng_h%E1%BB%93i), truyện truyền kì, ca bản), như: *Song Tinh – Bất Dụ, Hoa tiên,*[*Truyện Kiều*](https://www.duhoctrungquoc.vn/wiki/vi/Truy%E1%BB%87n_Ki%E1%BB%81u)*, Nhị độ mai, Tì bù quốc âm tân truyện...*
* Một số tác phẩm lấy cốt truyện từ chính cuộc đời tác giả và thực tiễn đời sống (có thông qua hư cấu, sáng tạo) như: S*ơ kính tân trang, Truyện Lục Vân Tiên, Vợ ba Cai Vàng,*[*Chàng Lía*](https://www.duhoctrungquoc.vn/wiki/vi/Ch%C3%A0ng_L%C3%ADa)...

***Dù cốt truyện xuất phát từ nguồn nào thì các truyện thơ Nôm vẫn ít nhiều phản ánh các vấn đề của thực tại xã hội và con người đương thời cũng như phản ánh tâm tư, nguyện vọng của tác giả về những điều tốt đẹp hơn cho những nhân vật trong truyện.***

– Kết cấu: Truyện thơ Nôm thường kết cấu theo mô hình: Gặp gỡ (Hội ngộ) – Tai biến (Lưu lạc) – Đoàn tụ {Đoàn viên). Tuỳ vào chủ đề của tác phẩm mà phần nào sẽ được nhấn mạnh. Đối vói các truyện thơ Nôm mang chủ đề giải phóng tình yêu đôi lứa, thì “gặp gỡ” thường được nhấn mạnh, tác giả dành nhiều trang viết để đi sâu vào miêu tả và tán dương tình yêu tự do, say đắm. Đối với các truyện thơ Nôm mang chủ đề đấu tranh cho công lí xã hội thì “tai biến” (và sự đấu tranh vượt qua “tai biến”) là phần quan trọng. Tuy nhiên, cả hai loại truyện này đều cơ bản có kết thúc gi bản có kết thúc giống nhau: kết thúc có hậu, kết thúc có tính chất lí tưởng. (Tất nhiên, cũng có những tác phẩm có hậu chỉ là bề ngoài, thực chất là kết thúc bi kịch, chẳng hạn như Truyện Kiều, phản ánh khát vọng (đồng thời cũng là sự bế tắc, bất lực) của tác giả trước thực tại bất công, nghiệt ngã.)

– Nhân vật:

+ Nhân vật của truyện thơ Nôm thường được chia thành hai tuyến rõ ràng: nhân vật chính diện (đại diện cho cái tốt, cái tiến bộ) và nhân vật phản diện (đại diện cho cái xấu, cái ác, cái bảo thủ). Ở những truyện thơ Nôm xuất sắc (chẳng hạn Truyện Kiều), lại có những nhân vật lưỡng diện, khó xác quyết là chính diện hay phản diện (như Thúc Sinh trong Truyện Kiều). Có những truyện thơ Nôm lại không có nhân vật phản diện do không đặt ra vấn để đấu tranh giai cấp hoặc đấu tranh tư tưởng (Hoa tiên, Mai đình mộng kí). Cũng có những nhân vật chỉ có ý nghĩa chức năng, không cần xếp vào loại nào (chẳng hạn nhân vật nàng hầu, nhân vật người dẫn đường, thầy bói,…).

+ Nhân vật truyện thơ Nôm cũng thường được xây dựng theo khuôn mẫu, các môtip như: chàng trai nghèo, học giỏi (sau thành đạt), chung tình; cô gái (nhà giàu) nết na, đảm đang, hiếu thảo;… Tuy nhiên, cũng đã có một vài nhân vật truyện thơ Nôm được xây dựng đa chiều, sinh động hơn (có tính cách cá thể, có đời sống tâm lí phong phú,…), điển hình là nhân vật Thuý Kiều trong Truyện Kiều.

+ Ngoại hình các nhân vật cũng được chú ý miêu tả, nhưng nhìn chung vẫn theo lối ước lệ, tượng trưng. Ở những truyện thơ Nôm thành công nhất, ngoại hình nhân vật đã có những nét cá thể hoá, biểu thị tính cách, số phận.

+ Các nhân vật cũng thường được xây dựng theo khuôn mẫu, các môtip như: chàng trai nghèo, học giỏi (sau thành đạt), chung tình; cô gái (nhà giàu) nết na, đảm đang, hiếu thảo;… Tuy nhiên, cũng đã có một vài nhân vật truyện thơ Nôm được xây dựng đa chiều, sinh động hơn (có tính cách cá thể, có đời sống tâm lí phong phú,…), điển hình là nhân vật Thuý Kiều trong Truyện Kiều.

+ Ngoại hình các nhân + Ngoại hình các nhân vật cũng được chú ý miêu tả, nhưng nhìn chung vẫn theo lối ước lệ, tượng trưng. Ở những truyện thơ Nôm thành công nhất, ngoại hình nhân vật đã có những nét cá thể hoá, biểu thị tính cách, số phận.

+ Các nhân vật cũng được khắc hoạ thống qua ngôn ngữ đối thoại. Một số nhân vật (ở truyện thơ Nôm bác học) đã được khắc hoạ đời sống tâm lí thông qua việc tả cảnh ngụ tình hoặc miêu tả trực tiếp tâm trạng, tâm lí (ngôn ngữ độc thoại).

– Ngôn ngữ:

+ Tuỳ theo tài năng của tác giả cũng như trình độ phát triển văn học của các vùng miền nơi sản sinh tác phẩm mà ngôn ngữ truyện thơ Nôm hoặc còn thô sơ, mộc mạc hay đã đạt đến mức độ tinh tế, hoàn thiện.

+ Truyện thơ Nôm luôn có sự kết hợp của hai loại ngôn ngữ: ngôn ngữ bình dân và ngôn ngữ bác học. Ngôn ngữ bình dân là lời ăn tiếng nói hằng ngày, ngôn ngữ đời sống (khẩu ngữ, thành ngữ, tục ngữ, phương ngữ,…). Ngôn ngữ bác học là ngôn ngữ được trau chuốt, dùng phổ biến trong nền văn học viết trung đại, thiên về ước lệ tượng trưng, sử dụng nhiều từ Hán Việt, điển tích, điển cố,,văn thi liệu Hán học, nhiều thủ pháp tu từ phức tạp. Mỗi loại ngôn ngữ có ưu thế riêng: ngôn ngữ bình dân thì cụ thể, chi tiết, cá thể hoá; ngôn ngữ bác học thì trang trọng, tao nhã, thâm thuý. Tuỳ từng tác phẩm của từng tác giả mà tỉ lệ hai loại ngôn ngữ này có khác nhau và sự kết hợp, bổ trợ cho nhau cũng khác nhau. Những truyện thơ Nôm thành công là những tác phẩm sử dụng hài hoà, kết hợp nhuần nhuyễn và tận dụng được ưu thế của cả hai loại ngôn ngữ trên.

**2. Phân loại truyện thơ Nôm:**

* - Căn cứ vào thể thơ dùng để sáng tác, người ta chia truyện thơ Nôm thành hai loại là truyện thơ Nôm Đường luật và truyện thơ Nôm lục bát.
* + Truyện thơ Nôm Đường luật không có nhiều, cũng như bị thất truyền, chỉ có một số tác phẩm như: *Tô Công phụng sứ, Chiêu Quân cống hồ, Lâm tuyền kì ngộ*.
* + Truyện thơ Nôm lục bát chiếm ưu thế với số lượng và thành tựu lớn, đại diện cho truyện thơ Nôm nói chung.
* + Các tác phẩm tiêu biểu có: T*ruyện Kiều, Hoa tiên, Truyện Lục Vân Tiên, Tống Trân – Cúc Hoa, Phạm Tải Ngọc Hoa...*

**-** Căn cứ vào đối tượng sáng tác, người ta chia truyện thơ Nôm thành hai loại là truyện thơ Nôm bình dân và truyện thơ Nôm bác học.

**-** Truyện thơ Nôm bình dân do các tác giả trong giới bình dân (thường là khuyết danh) sáng tác do được truyền miệng hoặc qua ghi chép thô sơ trong dân gian nên khó xác định tác giả. Loại tác phẩm này cũng chủ yếu lưu hành trong dàn gian. Nội dung của chúng thường phản ánh khát vọng của người dân tầng lớp dưới (bình đẳng xã hội, thay đối vị thế trong xã hội, ước mơ ấm no, hòa bình, hạnh phúc, những điều tốt đẹp trong cuộc sống... Chất lượng nghệ thuật của loại truyện này cũng ở mức vừa phải, ngôn ngữ bình dân gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân, ít có các biện pháp tu từ cũng như sử dụng những từ ngữ thể hiện quyền thế. Nhóm này có các tác phẩm như: *Phạm Tải – Ngọc Hoa,*[*Tống Trân – Cúc Hoa*](https://www.duhoctrungquoc.vn/wiki/vi/T%E1%BB%91ng_Tr%C3%A2n_C%C3%BAc_Hoa)*, Thoại Khanh – Châu Tuấn...*

**- T**ruyện thơ Nôm bác học do các tác giả là trí thức Nho học (thường có tên tuổi, lai lịch rõ ràng), thường là tầng lớp nho gia trong xã hội sáng tác và lưu hành rộng rãi nhưng chủ yếu vẫn trong giới trí thức tinh hoa. Nội dung của chúng thường phản ánh nhu cầu của giới trí thức lớp trên (giải phóng tình cảm, khẳng định tài năng, phẩm hạnh). Chất lượng nghệ thuật của truyện thơ Nôm bác học khá cao. Nhóm này có những tác phẩm như: *Truyện Kiều, Hoa tiên, Phan Trần, Sơ kính tản trang, Truyện Lục Vân Tiên...*

**2. So sánh sự giống và khác nhau giữa truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm.**

**a. Đặc trưng của truyện thơ dân gian**

- Truyện thơ dân gian thường có hình thức đơn giản, thường chỉ bao gồm một số câu thơ ngắn, không có cốt truyện dài, trong khi truyện thơ Nôm thường có cấu trúc phức tạp hơn, có thể bao gồm nhiều câu thơ, tạo thành cốt truyện dài hơn.

- Truyện thơ dân gian thường kể về các chuyện tình cảm, tâm linh, tình bạn, trong khi truyện thơ Nôm thường kể về các chủ đề lịch sử, nhân vật lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng dân gian.

- Truyện thơ dân gian thường được sử dụng để giải trí, thư giãn trong các dịp hội hè, lễ hội dân gian, trong khi truyện thơ Nôm có tính giáo dục, truyền bá các giá trị lịch sử, văn hóa của dân tộc.

b. Truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm là **hai thể loại văn học truyền thống của Việt Nam**. **Chúng có một số điểm khác biệt:**

- Truyện thơ dân gian thường được viết bằng ngôn ngữ thông thường, dễ hiểu và phổ biến trong dân gian, trong khi truyện thơ Nôm được viết bằng chữ Nôm, sử dụng từ vựng phong phú hơn và phức tạp hơn.

- Truyện thơ dân gian thường có hình thức đơn giản, thường chỉ bao gồm một số câu thơ ngắn, không có cốt truyện dài, trong khi truyện thơ Nôm thường có cấu trúc phức tạp hơn, có thể bao gồm nhiều câu thơ, tạo thành cốt truyện dài hơn.

- Truyện thơ dân gian thường kể về các chuyện tình cảm, tâm linh, tình bạn, trong khi truyện thơ Nôm thường kể về các chủ đề lịch sử, nhân vật lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng dân gian.

- Truyện thơ dân gian thường được sử dụng để giải trí, thư giãn trong các dịp hội hè, lễ hội dân gian, trong khi truyện thơ Nôm có tính giáo dục, truyền bá các giá trị lịch sử, văn hóa của dân tộc.

**GIỚI THIỆU MỘT SỐ TÁC PHẨM TRUYỆN THƠ NÔM TIÊU BIỂU**

**TRUYỆN KIỀU VÀ NGUYỄN DU**

1. **Giới thiệu về tác giả Nguyễn Du**

Nguyễn Du sinh ngày 3 tháng 1 năm 1766, tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, quê ở làng Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Ông sinh ra trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn chương. Cha của Nguyễn Du là Nguyễn Nghiễm (1708- 1775), sinh ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh, tên tự Hy Tư, hiệu Nghị Hiên, biệt hiệu là Hồng Ngự cư sĩ, thi đỗ tiến sĩ, từng làm Tể tướng 15 năm, tước Xuân Quận công. Mẹ là bà Trần Thị Tần (1740- 1778), con gái một người làm chức Câu kế. Bà Tần quê ở làng Hoa Thiều, xã Minh Đạo, huyện Tiên Du (Đông Ngàn), xứ Kinh Bắc, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh; cũng văn hay chữ tốt. Bà Tần là vợ thứ ba của Nguyễn Nghiễm. Anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản làm quan đến chức Tham Tụng từ dưới thời Lê Trịnh. Với truyền thống gia đình dòng dõi, Nguyễn Du có điều kiện tiếp xúc với nhiều vùng văn hóa, dùi mài kinh sử, vốn sống, vốn hiểu biết phong phú.

Thế nhưng, thời cuộc đổi thay, loạn lạc xảy ra, gia đình ông cũng bị sa sút dần rồi rơi vào loạn ly khi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ. Nguyễn Du sớm phải gánh chịu những nỗi đau mất mát, thăng trầm. Lên 10 tuổi, Nguyễn Du mất cha. Hai năm sau, mẹ ông cũng qua đời. Nguyễn Du lưu lạc khắp nơi trong nhân gian và theo anh Nguyễn Khản, lúc về quê mẹ, lúc tại về thành Thăng Long. Cuộc đời gian nan, lận đận, phải gánh chịu không biết bao nhiêu cực khổ. Cộng thêm vào giai đoạn đó lịch sử nước nhà có nhiều rối ren, khủng hoảng xã hội, đất nước chia cắt, các thế lực phong kiến chém giết và tàn sát lẫn nhau, nông dân nổi dậy khởi nghĩa khắp nơi mà tiêu biểu là phong trào Tây Sơn do Nguyễn Huệ lãnh đạo. Những yếu tố đó đã ảnh hưởng đến tư tưởng trong sáng tác của ông. Bởi thế ông luôn nhận thức trung thành với triều Lê, căm thù sâu sắc với quân Tây Sơn. Nguyễn Du phải trải qua cuộc sông mười năm phiêu bạt, từng mưu đồ chống Tây Sơn nhưng thất bại, lui về ẩn dật. Khi phong trào Tây Sơn thất bại, nhà Nguyễn phục hưng, Nguyễn Du có ra làm quan triều Nguyễn. Khi cao sang tột bực, lúc cơ hàn cùng cực. Nguyễn Du ốm, mất ở Huế năm 1820. Hoàn cảnh đó cũng tác động lớn tới cuộc đời và tính cách của Nguyễn Du. Cuộc đời thăng trầm, đi nhiều đã giúp ông có hiểu biết sâu rộng, am hiểu văn hóa vùng miền, văn hóa dân tộc và văn chương Trung Quốc.

Nguyễn Du là người thông minh, tài trí, có năng khiếu văn học bẩm sinh, ham học hỏi, có hiểu biết sâu rộng và từng trải. Ông có vốn sống phong phú với nhiều năm lưu lạc, tiếp xúc với nhiều cảnh đời khổ, nhiều con người và số phận khác nhau, sớm chịu cảnh mồ côi. Ông từng đi sứ sang Trung Quốc, qua nhiều vùng đất Trung Hoa rộng lớn với nền văn hoá rực rỡ. Chính những vốn sống thực tế phong phú và niềm cảm thông sâu sắc đã tạo ho ông cảm hứng để sáng tác nhiều tác phẩm văn học giá trị.

Truyền thống thi thư của gia đình đã cho Nguyễn Du năng khiếu văn chương. Hơn nữa, ông là con người có trái tim giàu lòng yêu thương và tâm hồn nhạy cảm, tinh tế luôn cảm thông ho những đau thương, cực khổ của nhân dân. Chính nhà thơ đã từng viết trong Truyện Kiều “Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”. Nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời thì tài nào có cái bút lực ấy. Ông còn là người thanh liêm và có nhân cách sống cao thượng.

**2. Giới thiệu về tác phẩm "Truyện Kiều"**

Truyện Kiều hay còn có tên gọi là Đoạn trường Tân Thanh được nhà thơ sáng tác vào đầu thế kỉ XIX ( 1805 -1809). Đây là một tác phẩm tiêu biểu viết bằng chữ Nôm dựa trên cốt truyện tiểu thuyết của Thanh Tâm tài nhân (Trung Quốc). Với cảm hứng nhân đạo và xuát phát từ thực tế cuộc sống, xã hội cũng như con người, Nguyễn Du đã có những sáng tạo tài tình cải biến để phù hợp với xã hội Việt Nam. Đây là câu truyện được kể bằng 3254 câu thơ chia làm 3 phần chính: Gặp gỡ và đính ước, Gia biến và lưu lạc, Đoàn tụ. Đề tài của truyện là viết về cuộc đời Kiều nhưng thông qua đó tố cáo xã hội phong kiến lúc bấy giờ đã chà đạp, xô đẩy người phụ nữ vào bước đường cùng; đồng thời ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của Thuý Kiều và của người phụ nữ nói chung. Tác phẩm còn thể hiện rất rõ hiện thực cuộc sống đương thời với "con mắt trông thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ tới muôn đời" của nhà thơ.

**TÓM TẮT NỘI DUNG TRUYỆN KIỀU**

*Truyện Kiều kể về một gia đình viên ngoại họ Vương có 3 người con : Thúy Kiều, Thúy Vân và Vương Quan. Cả hai người con gái đều có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành. Trong lễ hội đạp thanh Thúy Kiều gặp Kim Trọng cả hai người nguyền thề sống chết. Kim Trọng về Liễu Dương chịu tang chú, gia đình Thúy Kiều gặp nạn. Kiều phải bán mình chuộc cha, nhường mối tơ duyên cho em gái Thúy vân. Từ đây bắt đầu 15 năm lưu lạc đầy nước mắt của Kiều “thanh y mấy lượt, thanh lâu mấy lần”. Sau đó Thúy Kiều may măn gặp Từ Hải một người anh hùng đầu đội trời chân đạp đất, Kiều trả ân, báo oán. Kiều và Từ Hải mắc mưu Hồ Tôn Hiến, Từ Hải chết đứng. Kiều bị Hồ Tôn Hiến bắt gả cho viên thổ quan, vì quá nhục nhã Kiều nhảy xuống sông Tiền Đường nhưng may mắn được sư vãi Giác Duyên cứu sống và đi tu. Sau đó Kim Trọng và Vương Quan đỗ đạt làm quan lớn, may mắn gặp sư vãi Giác Duyên và đoàn tụ gia đình sau 15 năm lưu lạc.*

**MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ TRUYỆN KIỀU**

\*Có thể nói ngoài việc thể hiện được tài năng và nghệ thuật điều khiển ngôn từ cao tay của Nguyễn Du, Truyện Kiều còn mang giá trị hiện thực và nhân đạo vô cùng sâu sắc.

1.**Về giá trị hiện thực: Truyện Kiều** là bức tranh xã hội đầy rối ren với bộ mặt tàn bạo của giai cấp thống trị. Sức mạnh của đồng tiền và số phận những con người bị áp bức, nạn nhân của đồng tiền, đặc biệt là người phụ nữ. Đẩy gia đình Vương vào cảnh tan cửa nát nhà, đồng tiền cũng khiến Thúy Kiều dăm lần bảy lượt vào lầu xanh chịu sự sỉ nhục, đánh đập của Hoạn Thư, Bạc Bà, Bạc Hạnh. Số phận nhân phẩm bị chà đạp, bị tuosc đoạt những quyền cơ bản nhất của con người. Cuộc đời đầy nước mắt của Kiều chính là bằng chứng đanh thép nhất để tố cáo xã hội phong kiến đầy bất lương và tàn nhẫn.

2.**Về giá trị nhân đạo:** **Truyện Kiều** chính là tiếng nói, sự trân trọng đề cao con người từ ngoại hình, phẩm chất cao đẹp, tài năng khát vọng công lí đến ước mơ và tình yêu chân chính, tự do. Nó là sự thương cảm với những kiếp người bất hạnh, đồng thời cũng là khát vọng ước mơ về một hạnh phúc tình yêu chân chính của con người. Bên cạnh đó niềm khát khao công lí về chiến thắng thế lực bạo tàn còn được nhà thơ gửi gắm qua hình tượng nhân vật Từ Hải.

\*Có thể nói đên Truyện Kiều thì tài năng của Nguyễn Du như được khẳng định một cách trọn vẹn nhất. bằng cách điều khiển ngôn từ, xây dựng cốt truyện hấp dẫn , nghệ thuật miêu tả- tả cảnh ngụ tình… ông đã khiến cho Truyện Kiều trở thành một thi phẩm xuất sắc, một kiệt tác muôn đời truyền tải ý nghĩa nhân văn, khơi gợi tình yêu thương sự công bình giữa người với người trong xã hội.

**CÁC ĐỀ ĐỌC HIỂU DẠNG TRẮC NGHIỆM XOAY QUANH TRUYỆN KIỀU**

**TRẮC NGHIỆM VỀ TÁC GIẢ NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU**

**Câu 1:** Ý nào sau đây không đúng về nghệ thuật của “Truyện Kiều”?

A. Có nghệ thuật dẫn chuyện hấp dẫn.

B. Trình bày diễn biến sự việc theo chương hồi.

C. Sử dụng ngôn ngữ dân tộc và thể thơ lục bát một cách điêu luyện.

D. Nghệ thuật khắc họa tính cách và miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc.

**Câu 2:** Truyện Kiều gồm mấy phần?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

**Câu 3:** Đoạn trường tân thanh có nghĩa là gì?

A. Đứt từng mảnh ruột

B. Tiếng kêu mới

C. Con đường dài màu xanh đứt đoạn

D. Tiếng kêu mới tới đứt từng khúc ruột

**Câu 4:** Dòng nào nói đúng về những tủi nhục mà Thuý Kiều đã trải qua ?

A. Thanh lâu ba lượt, thanh y hai lần.

B. Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần.

C. Thanh lâu hai lượt, thanh y ba lần.

D. Thanh lâu bốn lượt, thanh y hai lần.

**Câu 5**: Thể loại của Truyện Kiều là

A. Truyện Nôm

B. Kí

C. Tiểu thuyết chương hồi

D. Truyền kì

**Câu 6:** Truyện Kiều có nguồn gốc từ đâu ?

A. Từ trong dân gian.

B. Từ một tác phẩm tự sự của Trung Quốc.

C. Thương những con người tài hoa bị chà đạp nên tác giả đã sáng tạo ra.

D. Từ cuộc đời một người con gái có tên là Tiểu Thanh.

**Câu 7:** Giá trị hiện thực của Truyện Kiều là :

A. Tác phẩm phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời với bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị.

B. Tác phẩm cũng thể hiện rõ số phận của những con người bị áp bức, đặc biệt là số phận bi kịch của người phụ nữ.

C. Tố cáo lễ giáo phong kiến khắc nghiệt đã đẩy người phụ nữ vào cảnh oan trái, tàn khốc.

D. Cả A và B.

**Câu 8:** Giá trị về mặt nội dung của Truyện Kiều là gì?

A. Giá trị nhân đạo, hiện thực

B. Bức tranh về xã hội bất công, tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người

C. Đề cao tài năng, nhân phẩm của con người

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 9**: Nguyễn Du sống ở thế kỷ bao nhiêu?

A. XVIII

B. XIX

C. XVII

D. XVI

**Câu 11:** Truyện Kiều là tên gọi do ai đặt?

A. Thanh Tâm tài nhân

B. Nguyễn Du

C. Người dân

D. Không rõ

**Câu 12:** Đặc sắc nhất về mặt nghệ thuật của Truyện Kiều là gì?

A. Được dịch ra nhiều thứ tiếng, được giới thiệu ở nhiều nơi trên thế giới

B. Ngôn ngữ văn học dân tộc và thể thơ lục bát đã đạt đến đỉnh cao rực rỡ

C. Nghệ thuật tự sự có bước phát triển vượt bậc

D. Cách khắc họa tính cách con người độc đáo

**Câu 13:** Ý nào sau đây có trình tự đúng diễn biến của các sự kiện trong “Truyện Kiều” là:

A. Gặp gỡ và đính ước – Gia biến và lưu lạc – Đoàn tụ

B. Gia biến và lưu lạc - Gặp gỡ và đính ước - Đoàn tụ

C. Gia biến và lưu lạc - Đoàn tụ - Gặp gỡ và đính ước

D. Gặp gỡ và đính ước – Đoàn tụ - Gia biến và lưu lạcCâu 2: Nguyễn Du có tên hiệu là gì?

**Câu 14:** Quê hương của Nguyễn Du ở đâu?

A. Thanh Miện, Hải Dương

B. Nghi Xuân, Hà Tĩnh

C. Can Lộc, Hà Tĩnh

D. Thọ Xuân, Thanh Hóa

**TRẮC NGHIỆM ĐOẠN TRÍCH CHỊ EM THÚY KIỀU**

**Câu 1:** Câu thơ “Một hai nghiêng nước nghiêng thành”, có sử dụng thủ pháp nghệ thuật gì ?

A.Nghệ thuật phóng đại.

B. hình ảnh tượng trưng.

C. Sử dụng điển tích, điển cố.

D. Nghệ thuật hoán dụ.

**Câu 2:** Tác giả sử dụng bút pháp nào khi miêu tả vẻ đẹp của hai chị em Thúy Kiều?

A. Bút pháp phóng đại

B. Bút pháp ước lệ tượng trưng

C. Bút pháp tả cảnh ngụ tình

D. Bút pháp trần thuật

**Câu 3:** Vẻ đẹp của Thúy Vân khiến tự nhiên, tạo hóa phải thua, nhường dự báo trước cuộc đời của Thúy Vân sẽ thế nào?

A. Sóng gió, gập ghềnh, trắc trở

B. Cuộc đời êm ả, bình lặng, suôn sẻ sau này

C. Cuộc đời gặp nhiều tai họa, sóng gió

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 4:** Thúy Kiều được miêu tả như thế nào?

A. Là một trang tuyệt thế giai nhân, sắc sảo, mặn mà về trí tuệ và tâm hồn

B. Là người có vẻ đẹp đoan trang, hiền dịu

C. Là người có đôi mắt đẹp (làn thu thủy) gợi vẻ đẹp trong sáng, lanh lợi, sắc sảo hơn người.

D. Cả A và C

**Câu 5:** Qua những câu thơ miêu tả Thúy Kiều trong đoạn trích, Nguyễn Du dự báo cuộc đời nàng diễn ra theo chiều hướng nào?

A. Hạnh phúc, vinh hiển

B. Bình lặng, suôn sẻ

C. Trắc trở, khổ đau

D. Giàu sang, phú quý

**Câu 6:** Trong bức chân dung tả Thúy Kiều tác giả đặc tả tài năng của Thúy Kiều như thế nào?

A. Tài năng của Thúy Kiều xếp thứ hai, sau nhan sắc

B. Tài cầm, kì, thi, họa theo chuẩn mực vẻ đẹp thời phong kiến

C. Tài năng của Thúy Kiều nổi trội hơn hẳn là ở tài chơi đàn

D. Tất cả đều đúng

**Câu 7:** Khi miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân, tác giả không sử dụng phép tu từ nào?

A. Nhân hóa

B. So sánh

C. Ẩn dụ

D. Liệt kê

**Câu 8:** Qua cung đàn Kiều sáng tác, em hiểu gì về nhân vật này?

A. Là người tươi vui, lạc quan

B. Là người có trái tim đa sầu, đa cảm

C. Là người gắn bó với gia đình

D. Là người có tình yêu thủy chung

**Câu 9:** Từ “tố nga” để nói về ai?

A. Chỉ Thúy Kiều

B. Chỉ Hoạn Thư

C. Chỉ Thúy Vân

D. Đáp án A và C

**Câu 10:** Hai chữ “trang trọng ” ở câu thơ miêu tả vẻ đẹp của Thuý Vân có ý nghĩa gì ?

A. Nói lên sự giàu sang trọng của Thuý Vân.

B. Thể hiện vẻ đẹp cao sang, quý phái của Thuý Vân.

C. Thể hiện vẻ đẹp hài hoà, êm đềm của Thuý Vân.

D. Thể hiện vẻ đẹp tao nhã, dịu dàng của Thuý Vân.

**Câu 11:** Vẻ đẹp nhan sắc của Thuý Kiều được nhà thơ gợi tả qua những chi tiết nào ?

A. Khuôn mặt, làn da.

B. Giọng nói, ánh mắt.

C. Vẻ đẹp trong sáng, linh hoạt, của đôi mắt.

D. Dáng vẻ thanh cao, cốt cách tronng sáng.

**Câu 12:** Câu thơ “Mai cốt cách tuyết tinh thần” nói lên nội dung gì?

A. Nói lên cốt cách và tinh thần trong sáng của nhà thơ.

B. Miêu tả vẻ đẹp của cây hoa mai và tuyết trắng.

C. Giới thiệu vẻ đẹp chung của những người phụ nữ trong xã hội cũ.

D. Gợi tả vẻ đẹp duyên dáng, thanh cao, trong trắng của người thiếu nữ.

**Câu 13:** Những câu thơ sau cho thấy Thúy Kiều là con người như thế nào?

Thông minh vốn sẵn tính trời,  
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.  
Cung thương làu bậc ngũ âm,  
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.  
Khúc nhà tay lựa nên chương,  
Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân.

A. Có tài cầm, kì, thi, họa.

B. Có sự thông minh, sắc sảo.

C. Có vẻ đẹp hình dáng bên ngoài.

D. Ý A và B đúng

**Câu 14:** Đoạn trích Chị em Thúy Kiều nằm trong phần nào?

A. Gia biến và lưu lạc

B. Gặp gỡ và đính ước

C. Đoàn tụ

D. Phần đề từ

**Câu 15:** Vì sao tác giả lại miêu tả vẻ đẹp của Thuý Vân trước Thuý Kiều ?

A. Vì Thuý Vân là nhân vật phụ.

B. Vì Thuý Vân không đẹp bằng Thuý Kiều.

C. Vì tác giả muốn làm nổi bật vẻ đẹp tuyệt thế của Kiều.

D. Vì tác giả thích vẻ đẹp tròn đầy nhân hậu êm đềm của Thuý Vân.

**TRẮC NGHIỆM ĐOẠN TRÍCH CẢNH NGÀY XUÂN**

**Câu 1:** Nhận định nào nói đúng nhất nội dung của hai câu thơ sau:

*Ngày xuân con én đưa thoi/ Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.*

A. Khung cảnh sáng mùa xuân tuyệt đẹp .

B. Vừa nói về thời gian xuân trôi mau, vừa gợi tả được không gian xuân trong sáng.

C. Ngày xuân thấm thoắt trôi mau, mới đó đã bước sang tháng ba.

D. Gợi tả những cánh én rộn ràng bay liệng như thoi đưa giữa bầu trời bầu trời trong sáng.

**Câu 2:** Nguyễn Du đã sử dụng những yêú tố nghệ thuật nào để miêu tả lễ hội mùa xuân ?

A. Danh từ, động từ, tính từ xuất hiện liên tiếp để tả, để gợi lên không khí rộn ràng, nhộn nhịp, tấp nập của lễ hội.

B. Cách nói ẩn dụ “nô nức yến anh” gợi lên hình ảnh từng đoàn người nhộn nhịp đi chơi xuân như chim én, chim oanh bay ríu rít.

C. Dùng nhiều tính từ, nhịp thơ dồn dập để thể hiện tâm trạng náo nức của người đi hội.

D. A và B đúng

**Câu 3:** Cảnh thiên nhiên được miêu tả trong 6 câu thơ cuối là cảnh như thế nào?

A. Ảm đạm, hiu hắt

B. Thanh nhẹ, dịu dàng nhưng buồn

C. Đẹp và tươi sáng

D. Khô cằn, héo úa

**Câu 4:** Chữ  “điểm ” trong câu "Cành lê trắng điểm một vài bông hoa." đã đạt được hiệu quả nghệ thuật nào trong việc tả cảnh mùa xuân ?

A. Khung cảnh sáng mùa xuân tuyệt đẹp thêm sinh động.

B. Vừa nói về thời gian xuân trôi mau, vừa gợi tả được không gian xuân trong sáng.

C. Làm cho cảnh vật sinh động có hồn chứ không tĩnh tại.

D. Gợi tả những cánh én rộn ràng bay liệng như thoi đưa giữa bầu trời bầu trời trong sáng.

**Câu 5:** Nhận định nào nói đầy đủ nhất đặc sắc nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du ở 4 câu thơ cuối ?

A. Sử dụng nhiều từ láy.

B. Tạo dựng không gian và thời gian( có sự biến đổi so với bốn câu đầu.

C. Cảnh được miêu tả qua tâm trạng của con người.

D. Tất cả đều đúng .

**Câu 6:** Khung cảnh mùa xuân được miêu tả với đặc điểm  thế nào trong 4 câu thơ đầu ?

A. Là bức tranh xuân với thảm cỏ non trải rộng tới tận chân trời.

B. Màu sắc cảnh xuân có sự hài hoà đến tuyệt diệu.

C. Thể hiện vẻ đẹp riêng của mùa xuân : mới mẻ tinh khôi, giàu sức sống, khoáng đạt, trong trẻo, nhẹ nhàng thanh khiết.

D. Chữ “điểm ” tả màu sắc cảnh xuân có sự hài hoà đến tuyệt diệu, làm cho cảnh vật sinh động có hồn chứ không tĩnh tại.

**Câu 7:** Nội dung chính của đoạn trích Cảnh ngày xuân là gì?

A.Tả lại vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều.

B. Tả lại cảnh chị em Thuý Kiều đi chơi xuân.

C. Tả lại cảnh mọi người đi lễ hội trong tiết Thanh minh.

D. Tả lại cảnh thiên nhiên mùa xuân rực rỡ.

**Câu 8:** Cụm từ “nô nức yến anh” trong câu thơ “Gần xa nô nức yến anh” biểu thị phép tu từ gì?

A. Nhân hóa

B. Hoán dụ

C. Ẩn dụ

D. Liệt kê

**Câu 9:** Phép tu từ ẩn dụ được dùng trong câu thơ *Gần xa nô nức yến anh* có tác dụng gì?

A. Miêu tả hình dáng bên ngoài của những người đi tảo mộ.

B. Nhấn mạnh tâm trạng vui mừng của người đi hội.

C. Gợi tả sự nhộn nhịp, đông vui của ngày hội.

D. Miêu tả từng đoàn người đi chơi như chim én, chim oanh ríu rít.

**Câu 10:** Nguyễn Du đã gợi tả được những vẻ đẹp gì trong chiều xuân ?

A. Tả vẻ đẹp đầy sức sống của mùa xuân

B. Mọi chuyển động của cảnh vật, con người đều nhẹ nhàng tuy nhiên không khí nhộn nhịp, rộn ràng của lễ hội không còn nữa.

C. Gợi cảnh  nhộn nhịp, rộn ràng của lễ hội

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 11:** Đoạn trích "Cảnh ngày xuân" đã tả lễ hội mùa xuân diễn ra ở thời điểm nào?

A. Giữa mùa xuân

B. Đầu mùa xuân

C. Cuối mùa xuân

D. Bắt đầu bước sang mùa hè

**TRẮC NGHIỆM ĐOẠN TRÍCH KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

**Bài tập 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời 5 câu hỏi dưới đây**

“Xót người tựa cửa hôm mai,

Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?

Sân Lai cách mấy nắng mưa,

Có khi gốc tử đã vừa người ôm.”

(SGK *Ngữ văn 9*, tập một)

**Câu 1.** Đoạn trích thể hiện phẩm chất nào của Thúy Kiều?

A. Hiếu thảo

B. Tự trọng

C. Giữ chữ tín

D. Nhân hậu

**Câu 2.** Đâu là thành ngữ có trong đoạn trích trên?

A. Xót người tựa cửa

B. Quạt nồng ấp lạnh

C. Sân Lai cách mấy

D. Đã vừa người ôm

**Câu 3**. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

A. Nỗi nhớ của Thúy Kiều đối với cha mẹ

B. Nỗi xót xa của Thúy Kiều với Kim Trọng

C. Sự thương xót cho thân phận mình

D. Suy ngẫm của Thúy Kiều với cuộc đời

**Câu 4.** Truyện Kiều còn có tên gọi khác là gì?

A. Kim Vân Kiều truyện

B. Kiều Nguyệt Nga

C. Đoạn trường tân thanh

D.Thúy Kiều

**Câu 5.** Đoạn trích trên nằm ở phần nào của “Truyện Kiều”?

A. Phần 1: Gặp gỡ và đính ước

B. Phần 2: Gia biến và lưu lạc

C. Phần 3: Đoàn tụ

D.Cả 3 phương án trên

**Bài tập 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời 5 câu hỏi dưới đây**

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng*

*Tin sương luống những rày trong mai chờ*

*Bên trời góc bể bơ vơ*

*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*

*Xót người tựa cửa hôm mai*

*Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ*

*Sân Lai cách mấy nắng mưa*

*Có khi gốc tử đã vừa người ôm*

*(SGK Ngữ văn 9, tập một)*

**Câu 1**. Tác giả của văn bản chứa đoạn trích trên là ai?

A. Nguyễn Du

B. Nguyễn Dữ

C. Nguyễn Trãi

D. Nguyễn Duy

**Câu 2.** Đoạn trích trên nói về nỗi nhớ của Thúy Kiều dành cho ai?

A. Cha mẹ và các em

B. Cha mẹ và Từ Hải

C. Cha mẹ và Kim Trọng

D. Cha mẹ và Thúc Sinh

**Câu 3.** Tại sao Thúy Kiều lại nhớ Kim Trọng trước, nhớ cha mẹ sau?

A. Vì Thúy Kiều vẫn nợ Kim Trọng lời thề ước, còn cha mẹ thì nàng đã phần nào trả ơn.

B. Vì cha mẹ giờ đã ổn còn Kim Trọng không biết tình hình ra sao.

C. Vì Kim Trọng đã giúp đỡ cho Thúy Kiều nhiều thứ.

D. Cả ba phương án trên.

**Câu 4.** Nghệ thuật tiêu biểu được sử dụng trong đoạn trích trên là?

A. Ước lệ tượng trưng

B. Tả cảnh ngụ tình

C. Họa mây nảy trăng

D. Điển cố điển tích

**Câu 5.** Cách hiểu đúng nhất về từ “chén đồng” trong đoạn thơ trên?

A. Chén ăn cơm làm bằng đồng

B. Chén nước làm bằng đồng

C. Chén rượu làm bằng đồng thể hiện sự đồng lòng, đồng tâm

D. Chén rượu đồng cam cộng khổ

**Bài tập 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời 5 câu hỏi dưới đây**

*Buồn trông cửa bể chiều hôm*

*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa*

*Buồn trông ngọn nước mới sa*

*Hoa trôi man mác biết là về đâu*

*Buồn trông nội cỏ rầu rầu*

*Chân mây mặt đất một màu xanh xanh*

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh*

*Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi*

*(SGK Ngữ văn 9, tập một)*

**Câu 1**. Đoạn trích trên nói về tâm trạng của ai?

A. Nguyễn Du

B. Thúy Kiều

C. Kim Trọng

D. Thúy Vân

**Câu 2.** Các từ láy có trong đoạn trích trên là?

A. Thấp thoáng, xa xa, man mác, rầu rầu, xanh xanh, ầm ầm.

B. Chiều hôm, xa xa, man mác, rầu rầu, xanh xanh, ầm ầm.

C. Thấp thoáng, xa xa, man mác, rầu rầu, róc rách.

D. Chiều hôm, xa xa, rầu rầu, xanh xanh, ầm ầm.

**Câu 3.** Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên là?

A. Tự sự và thuyết minh

B. Nghị luận và biểu cảm

C. Miêu tả và biểu cảm

D.Thuyết minh và nghị luận

**Câu 4.** Bút pháp nghệ thuật tiêu biểu được sử dụng trong đoạn trích trên là?

A. Ước lệ tượng trưng

B. Tả cảnh ngụ tình

C. Họa mây nảy trăng

D. Điển cố điển tích

**Câu 5.** Biện pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong đoạn trích là gì?

A. Điệp ngữ, câu hỏi tu từ

B. So sánh, nhân hóa

C. Nói quá, điệp ngữ

D. Hoán dụ, câu hỏi tu từ

## ****PHIẾU ĐỌC HIỂU DẠNG CÂU HỎI TỰ LUẬN TRUYỆN KIỀU****

**ĐỀ SỐ 1**

**Cho câu thơ sau:**

“Ngày xuân con én đưa thoi”

(Trích “Truyện Kiều” – Nguyễn Du)

**Câu 1:** Chép chính xác ba câu thơ tiếp theo. Những câu thơ em vừa chép thuộc đoạn trích nào của Truyện Kiều? Nêu tên tác giả?

**Câu 2:** Theo em, hình ành “con én đưa thoi” trong đoạn thơ được hiểu như thế nào?

**Câu 3:** Trong chương trình Ngữ văn lớp 9 cũng có một bài thơ sử dụng hình ảnh “thoi”. Em hãy chép lại câu thơ đó và ghi rõ tên tác phẩm, tác giả? Nghĩa chung hình ảnh “thoi” trong hai câu thơ này là gì?

**Câu 4:** Hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu theo cách lập luận qui nạp, trình bày cảm nhận của em về cảnh ngày xuân trong đoạn thơ đã dẫn ở trên. Trong đoạn có sử dụng câu dùng lời dẫn trực tiếp và một câu ghép.

**Đáp án**

**Câu 1:**

– Chép tiếp ba câu thơ tiếp theo:

*“Ngày xuân con én đưa thoi*

*Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi*

*Cỏ non xanh tận chân trời*

*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.”*

– Xuất xứ: Văn bản “Cảnh ngày xuân” (trích Truyện Kiều)

– Tác giả: Nguyễn Du

**Câu 2:**

Hình ảnh “con én đưa thoi” trong đoạn thơ:

Hình ảnh “con én đưa thoi” có thể hiểu theo hai cách:

– Cánh én chao liệng đầy trời.

– Thời gian trôi rất nhanh tựa như những cánh én vụt bay trên bầu trời

–> Mùa xuân chín mươi ngày thì sáu mươi ngày đã trôi qua

**Câu 3:**

Chép câu thơ cũng sử dụng hình ảnh “thoi”, nêu tên tác giả, tác phẩm. Nghĩa chung hình ảnh “thoi” trong hai câu thơ:

– Chép đúng câu thơ:

*“Cá thu biển Đông như đoàn thoi*

*Đêm ngày dệt biền muôn luồng sáng”*

– Bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” – tác giả Huy Cận

– Nghĩa chung của hình ảnh “thoi” trong hai câu thơ: rất nhiều, tấp nập và nhanh.

**Câu 4:**

Viết đoạn văn trình bảy cảm nhận của em về cảnh ngày xuân trong đoạn thơ đã dẫn ở trên:

– Hình ảnh ẩn dụ “con én đưa thoi” + “thiều quang” -> Hình ảnh khái quát về khung cảnh thiên nhiên trong buổi sáng mùa xuân.

– Bức tranh tuyệt mĩ:

+ Hình ảnh “cỏ non”, “chân trời”, “bông hoa lê” đã mở ra một cảnh tượng khoáng đạt.

+ Màu sắc của cỏ non xanh, bông hoa lê trắng là sự kết hợp hài hòa tuyệt diệu

+ Đảo ngữ “trắng điểm” làm cho cảnh vật trở nên sinh động –> Tâm hồn con người hồn nhiên, nhạy cảm, tha thiết với thiên nhiên.

=> Ngòi bút tài hoa, giàu chất tạo hình, ngôn ngữ biểu cảm, gợi nhiều hơn tả đã tạo nên bức tranh tuyệt mĩ.

**ĐỀ SỐ 2**

**Nguyễn Du đã có những câu thơ khắc họa bức tranh thiên nhiên mùa xuân tươi đẹp như sau:**

“Ngày xuân con én đưa thoi

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi

Cỏ non xanh tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.”

(Trích Truyện Kiều)

**Câu 1:** Từ “Thiều quang” trong đoan trích trên có nghĩa là gì?

**Câu 2:** Em hãy chỉ ra phép đảo ngữ được Nguyễn Du sử dụng trong đoạn thơ trên. Cách sử dụng nghệ thuật đảo ngữ trong đoạn thơ đã góp phần khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên mùa xuân như thế nảo?

**Câu 3:** Trong chương trình Ngữ văn 9 cũng có một bài thơ sử dụng phép đảo ngữ để khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên mùa xuân. Em hãy chép lại những câu thơ tương tự và cho biết đó là bài thơ nào? Do ai sáng tác? So sánh cách sử dụng phép đảo ngữ của các tác giả trong cả hai bài thơ.

**Câu 4:** Viết một đoạn văn diễn dịch khoảng 10-12 câu, nêu cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong đoạn thơ trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu ghép và một thành phần biệt lập.

**Đáp án**

**Câu 1:**

Giải thích từ “thiều quang : ánh sáng đẹp của ngày xuân.

**Câu 2:**

|  |
| --- |
| – Phép đảo ngữ: “trắng điểm”.  – Tác dụng: làm cho cảnh vật trờ nên sinh động chứ không tĩnh tại không chỉ nhấn mạnh thần sắc của hoa lê mà còn tạo sự bất ngờ về vẻ mới mẻ, tinh khôi của sự vật. |
|  |

**Câu 3:**

– Chép câu thơ tương tự:

“Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc”

– Tên bài thơ: “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải

– So sánh:

+ Giống: nhấn mạnh sức sống của cảnh vật

+ Khác:

Cảnh ngày xuân: nhấn mạnh màu sắc -> sự mới mẻ, tinh khôi của sự vật

Mùa xuân nho nhỏ: nhấn mạnh trạng thái hoạt động -> sức sống của sự vật.

**Câu 4:**

Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong đoạn thơ trên:

– Hình ảnh ẩn dụ “con én đưa thoi” + “thiểu quang” –> Hình ảnh khái quát về khung cảnh thiên nhiên trong buổi sáng mùa xuân.

– Bức tranh tuyệt mĩ:

+ Hình ảnh “cỏ non”, “chân trời”, “bông hoa lê” đã mở ra một cảnh tượng khoáng đạt.

+ Màu sắc của cỏ non xanh, bông hoa lê trắng là sự kết hợp hài hòa tuyệt diệu

+ Nghệ thuật đào ngữ “trắng điểm” làm cho cảnh vật trở nên sinh động. Tâm hồn con người hồn nhiên, nhạy cảm, tha thiết với thiên nhiên.

=> Ngồi bút tài hoa, giàu chất tạo hình, ngôn ngữ biểu cảm, gợi nhiều hơn tả đã tạo nên bức tranh tuyệt mĩ.

**ĐỀ SỐ 3**

**Cho đoạn thơ sau:**

“Tà tà bóng ngả về tây

Chị em thơ thẩn dan tay ra về.

Bước dần theo ngọn tiểu khê

Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.

Nao nao dòng nước uốn quanh

Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.”

**Câu 1:** Những câu thơ trên trong đoạn trích nào? Của ai? Hãy nêu ngắn gọn nội dung của những câu thơ đó?

**Câu 2:** “Nao nao” là một từ láy diễn tả tâm trạng con người, vậy mà Nguyễn Du lại viết: “Nao nao dòng nước uốn quanh”. Cách dùng từ như vậy mang lại ý nghĩa như thế nào cho câu thơ?

**Câu 3:** Trong Truyện Kiều, cách dùng từ tả tâm trạng người để tả cảnh vật không chỉ xuất hiện một lần. Hây chép lại hai câu thơ liền nhau trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích có cách dùng từ như vậy

**Câu 4:** Viêt đoạn văn theo cách lập luận Tổng – Phân – Hợp khoảng 12 câu diễn tả cảm nhận của em về đoạn thơ trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu bị động và phép thế đề liên kết câu.

**Đáp án**

**Câu 1:**

– Đoạn trích Cảnh ngày xuân

– Tác giả: Nguyễn Du

– Nội dung đoạn thơ: Cảnh buổi chiều mùa xuân khi tan hội và tâm trạng của con người (hoặc cảnh chị em Thuý Kiều du xuân trở về).

**Câu 2:**

Từ láy “nao nao” và giá trị dùng từ:

– Chữ “nao nao” đâu chỉ gợi về hình dòng nước chảy liu diu, thoáng chút gợn trên bề mặt, mà còn diễn tả một nỗi buồn dịu nhẹ đang lan tỏa.

– Cảnh gợi cảm giác bâng khuâng, xao xuyến về một npày vui xuân đang còn và linh cảm về cuộc gặp gỡ định mệnh với nam mồ nàng Đạm Tiên bất hạnh và chàng thư sinh phong tư tài mạo hơn người Kim Trọng.

**Câu 3:** Câu thơ tả cảnh mang tâm trạng;

*“Buồn trông ngọn nước mới sa*

*Hoa trôi man mác biết là về đâu.”*

**TRUYỆN THƠ NÔM LỤC VÂN TIÊN – NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

* 1. **NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

**Nguyễn Đình Chiểu** ([chữ Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_H%C3%A1n): 阮廷炤; [1822](https://vi.wikipedia.org/wiki/1822) - [1888](https://vi.wikipedia.org/wiki/1888)), tục gọi là **cụ đồ Chiểu** (khi dạy học), tự **Mạnh Trạch**, hiệu **Trọng Phủ**, **Hối Trai** (sau khi bị mù), là một [nhà thơ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_th%C6%A1) lớn của [Nam Kỳ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_B%E1%BB%99) trong nửa cuối [thế kỷ 19](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_19). Vào ngày 24/11/2021, ông được UNESCO công nhận là Danh Nhân Văn Hoá Thế Giới.

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà nho tiết tháo, sống theo đạo nghĩa, tuy mang khiếm khuyết về cơ thể [mù lòa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Khi%E1%BA%BFm_th%E1%BB%8B) và gặp lúc biến loạn nhưng vẫn giữ được phẩm cách thanh cao. Ông không chỉ là người con có hiếu, người thầy thuốc mẫu mực mà còn là một nhà thơ yêu nước, đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị.

Ông là [nhà thơ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_th%C6%A1) có quan niệm văn chương nhất quán. Ông chủ trương dùng văn chương biểu hiện đạo lý và chiến đấu cho sự nghiệp chính nghĩa. Nói khác hơn, ông làm thơ là để *"chở đạo, sửa đời và dạy người"*.[[16]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_%C4%90%C3%ACnh_Chi%E1%BB%83u#cite_note-Ch%C3%AD_D%C5%A9ng_1129-16) Vì vậy, mỗi vần thơ của ông đều ngụ ý khen chê công bằng, rạch ròi, và đều bộc lộ một tấm lòng thương dân yêu nước của ông.

* 1. **TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN**

--Lục Vân Tiên là một tác phẩm truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu, được sáng tác theo thể lục bát vào đầu những năm 50 của thế kỷ 19 và được Trương Vĩnh Ký cho xuất bản lần đầu tiên vào năm 1889. Đây là một trong những sáng tác có vị trí cao của văn học miền Nam Việt Nam.

--Truyện Lục Vân Tiên (mà người miền Nam thường gọi là thơ Lục Vân Tiên) là một cuốn tiểu thuyết về luân lý, cốt bàn đạo làm người với quan niệm văn dĩ tải đạo. Tác giả muốn đem gương người xưa mà khuyên người ta về cương thường – đạo nghĩa.

***--Nội dung của truyện như sau:***

*Lục Vân Tiên quê ở huyện Đông Thành, khôi ngô tuấn tú, tài kiêm văn võ. Nghe tin triều đình mở khoa thi, Vân Tiên từ giã thầy xuống núi đua tài. Trên đường về nhà thăm cha mẹ, gặp bọn cướp Phong Lai đang hoành hành, chàng đã một mình đánh tan bọn cướp, cứu được Kiều Nguyệt Nga. Cảm ân đức ấy, Nguyệt Nga tự nguyện gắn bó suốt đời với Vân Tiên và tự tay vẽ một bức hình chàng giữ luôn bên mình. Còn Vân Tiên tiếp tục cuộc hành trình, gặp và kết bạn với Hớn Minh, một sĩ tử khác.*

*Sau khi về nhà thăm cha mẹ, Vân Tiên cùng tiểu đồng lên đường đi thi, ghé thăm Võ Công, người đã hứa gả con gái là Võ Thể Loan cho chàng. Từ đây, Vân Tiên có thêm người bạn đồng hành là Vương Tử Trực, tới kinh đô lại gặp Trịnh Hâm, Bùi Kiệm. Thấy Vân Tiên tài cao, Hâm và Kiệm sinh lòng đố kị, ghen ghét. Lúc sắp vào trường thi, Vân Tiên nhận được tin mẹ mất, liền bỏ thi trở về quê chịu tang. Dọc đường về, Vân Tiên đau mắt nặng rồi bị mù cả hai mắt, lại bị Trịnh Hâm lừa đẩy xuống sông. Nhờ giao long dìu đỡ đưa vào bãi, Vân Tiên được gia đình ông ngư cứu mạng. Sau đó, chàng lại bị cha con Võ Công hãm hại đem bỏ vào hang núi Thương Tòng. Được Du thần và ông Tiều cứu ra, Vân Tiên may mắn gặp lại Hớn Minh (vì trừng trị cậu công tử con quan ỷ thế làm càn mà Hớn Minh phải bỏ thi, sống lẩn tránh trong rừng). Hớn Minh đón Vân Tiên về an dưỡng bệnh. Khoa thi năm ấy Tử Trực đỗ thủ khoa, trở lại nhà họ Võ hỏi thăm tin tức Vân Tiên. Võ Công ngỏ ý muốn gả Thể Loan, bị Tử Trực cự tuyệt và mắng thẳng vào mặt, Võ Công hổ thẹn quá ốm chết.*

*Nghe tin Lục Vân Tiên đã chết, Kiều Nguyệt Nga thề sẽ thủ tiết suốt đời. Thái sư đương triều hỏi nàng cho con trai không được, đem lòng thù oán, tâu vua bắt Nguyệt Nga đi cống giặc Ô Qua. Thuyền đi tới biên giới, nàng mang theo bức hình Vân Tiên nhảy xuống sông tự tử. Phật Bà Quan Âm đưa nàng dạt vào vườn hoa nhà họ Bùi. Bùi Công nhận nàng làm con nuôi, nhưng Bùi Kiệm lại nằng nặc đòi lấy nàng làm vợ. Nguyệt Nga phải trốn khỏi nhà họ Bùi, vào rừng nương tựa một bà lão dệt vải.*

*Lục Vân Tiên ở với Hớn Minh, được tiên cho thuốc, mắt lại sáng, liền trở về nhà thăm cha, viếng mộ mẹ, thăm cha của Kiều Nguyệt Nga. Đến khoa thi, chàng đỗ Trạng nguyên và được nhà vua cử đi dẹp giặc Ô Qua. Hớn Minh được tiến cử làm phó tướng. Đánh tan giặc, Vân Tiên một mình lạc trong rừng và gặp lại Nguyệt Nga. Chàng về triều tâu hết sự tình, kẻ gian ác bị trừng trị, người nhân nghĩa được đền đáp, Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga sum vầy hạnh phúc*

Mục đích chính của Nguyễn Đình Chiểu khi viết tác phẩm Lục Vân Tiên là để truyền dạy đạo lý làm người:

*Hỡi ai lẳng lặng mà nghe*

*Dữ răn việc trước, lành dè thân sau*

*Trai thời trung hiếu làm đầu*

*Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.*

**CÁC ĐỀ ĐỌC HIỂU DẠNG TRẮC NGHIỆM XOAY QUANH TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN**

**Câu 1:** Hình ảnh Lục Vân Tiên trong đoạn trích gợi nhớ đến nhân vật trong truyện cổ tích nào em đã được đọc?

A. Anh Khoai trong truyện Cây tre trăm đốt

B. Người em trong truyện Cây khế

C. Thạch Sanh trong truyện Thạch Sanh

D. Nhà vua trong truyện Tấm Cám

**Câu 2:** Hai câu thơ “Vân Tiên tả đột hữu xông – Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang” sử dụng phép tu từ gì?

A. Nói quá

B. Ẩn dụ

C. Nhân hóa

D. So sánh

**Câu 3:** Tác dụng của phép tu từ trong câu thơ sau là gì ?

“Vân Tiên tả đột hữu xông – Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang”

A. Tô đậm vẻ đẹp của một người nông dân chất phác.

B. Ca ngợi vẻ đẹp của tấm lòng nhân hậu, vị tha.

C. Nhấn mạnh vẻ đẹp của một chàng thư sinh nho nhã.

D. Khắc họa được vẻ đẹp của một dũng tướng thời xưa.

**Câu 4:** Hình ảnh Lục Vân Tiên trong đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” khiến em liên tưởng đến nhân vật trong truyện cổ tích nào?

A. Người em trong truyện “Cây khế”

B. Nhà vua trong truyện “Tấm Cám”

C. Anh Khoai trong truyện “Cây tre trăm đốt”

D. Thạch Sanh trong truyện “Thạch Sanh”

**Câu 5:** “Truyện Lục Vân Tiên” được viết bằng loại chữ nào?

A. Chữ Hán

B. Chữ quốc ngữ

C. Chữ Nôm

D. Chữ Pháp

**Câu 6:** Hình ảnh “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” được khắc họa giống với mô-tip nào trong truyện cổ?

A. Một chàng trai tài giỏi, cứu một cô gái thoát khỏi hiểm nguy, họ trả nghĩa nhau và thành vợ chồng

B. Một ông vua mang hạnh phúc đến cho một con người đau khổ.

C. Những con người ăn ở hiền lành, thật thà, phúc đức sẽ được đền đáp xứng đáng.

D. Một anh nông dân nghèo nhờ chăm chỉ đã lấy được vợ đẹp và trở nên giàu có.

**Câu 7:** Hai câu thơ “Gẫm câu báo đức thù công – Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi” thể hiện tâm trạng gì của Kiều Nguyệt Nga trước việc làm của Lục Vân Tiên?

A. Băn khoăn, áy náy vì chưa biết làm thế nào để trả ơn Lục Vân Tiên.

B. Thán phục trước việc làm nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên.

C. Coi thường việc làm của Lục Vân Tiên.

D. Ngưỡng mộ tài năng của Lục Vân Tiên.

**Câu 8:** Nét đẹp nhất của nhân vật Kiều Nguyệt Nga khiến dân gian yêu mến nàng là gì ?

A. Xem trọng ơn nghĩa, chung thủy hi sinh với tình yêu tự nguyện của mình

B. Nhu mì , xem trọng ơn nghĩa,

C. Chung thuỷ, nết na, xinh đẹp

D. Giữ đúng khuôn phép, chung thuỷ

**Câu 9:** Nhân vật Lục Vân Tiên thuộc kiểu nhân vật nào trong văn học?

A. Nhân vật tư tưởng.

B. Nhân vật lý tưởng.

C. Nhân vật điển hình.

D. Nhân vật sử thi.

**Câu 10:** Qua lời lẽ của Kiều Nguyệt Nga, em thấy nàng là con người như thế nào?

A. Khuê các, nhút nhát, thuỳ mị , nết na và có học thức, ân tình thuỷ chung.

B. Khuê các, nết na và có học thức, ân tình thuỷ chung, tài sắc vện toàn.

C. Khuê các, thuỳ mị , nết na và có học thức, ân tình thuỷ chung.

D. Khuê các, thuỳ mị , nết na và có học thức, và rất nhạy cảm.

**Câu 11:** Ý nào nói đúng nhất bản chất con người của Lục Vân Tiên trong lời nói và thái độ của chàng với Kiều Nguyệt Nga?

A. Vì nghĩa lớn, không màng dah lợi

B. Từ tâm, nhân hậu

C. Chính trực, hào hiệp

D. Tất cả đều đúng

**Câu 12:** Ngôn ngữ của Truyện Lục Vân Tiên có đặc điểm gì ?

A. Mộc mạc, giản dị.

B. Biến đổi rất linh hoạt.

C. Ngôn ngữ trau chuot.

D. Đậm màu sắc Nam Bộ.

**Câu 13:**Văn bản Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga được trích từ tác phẩm nào?

A. Kim Vân Kiều truyện

B. Lục Vân Tiên

C. Truyện Kiều

D. Chuyện người con gái Nam Xương

**Câu 14:**Tác phẩm Lục Vân Tiên thuộc thể loại gì?

A. Tiểu thuyết

B. Truyện ngắn

C. Truyện thơ

D. Tùy bút

**Câu 15:**Chọn các đáp án đúng.

Đâu là giá trị nghệ thuật của văn bản Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga?

A. Khắc họa nhân vật bằng hành động

B. Ngôn ngữ bình dị, mộc mạc

C. Sử dụng ngòi bút đậm chất hội họa

D. Sử dụng điển tích, điển cố

E. Ước lệ tượng trưng

**Câu 16:**Văn bản nói về nội dung gì?

A. Cảnh Lục Vân Tiên đi thi

B. Cảnh Lục Vân Tiên đánh cướp cứu người

C. Cảnh Lục Vân Tiên đỗ trạng nguyên

D. Cảnh Lục Vân Tiên bị hại

**Câu 17:**Hình ảnh Lục Vân Tiên là nguyên mẫu của tác giả ngoài đời, đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

**Câu 18:**Dòng nào nói đúng nhất vẻ đẹp của Lục Vân Tiên thể hiện qua hành động đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga?

A. Có tính cách anh hùng

B. Có tài năng

C. Có tấm lòng vị nghĩa

D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 19:**Kiều Nguyệt Nga hiện lên là cô gái thế nào?

A. Mạnh mẽ, bản lĩnh

B. Có tài năng

C. Hiếu nghĩa, biết trước sau

D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 20:**Khi Kiều Nguyệt Nga muốn trả ơn, Lục Vân Tiên đã xử trí thế nào?

A. Không nhận ơn

B. Vui vẻ nhận tấm lòng của cô gái

C. Từ chối thẳng thừng và đi ngay

D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 21:**Cụm từ “kến nghĩa bất vi” trong câu thơ “Nhớ câu kiến nghĩa bất vi/ Làm người thế ấy cũng phi anh hùng” có nghĩa là?

A.Việc nhỏ như con kiến

B.Thấy việc nghĩa mà không làm

C.Thấy việc nghĩa phải làm

D.Làm việc nghĩa là anh hùng

**Câu 22:**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi dưới đây:

Vân Tiên nghe nói liền cười:

“Làm ơn há dễ trông người trả ơn

Nay đà rõ đặng nguồn cơn

Nào ai tính thiệt so hơn làm gì

Nhớ câu kiến nghĩa bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.”

(SGK Ngữ văn 9, tập một)

Trong đoạn thơ, Vân Tiên đã bộc lộ phẩm chất tốt đẹp gì?

A.Tự trọng

B.Hiếu thảo

C.Tình nghĩa

D.Trung thành

**PHIẾU ĐỌC HIỂU DẠNG CÂU HỎI TỰ LUẬN TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN**

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc văn bản sau:**

LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA

(Nguyễn Đình Chiểu)

*Vân Tiên ghé lại bên đàng,*

*Bẻ cây làm gậy, nhằm làng xông vô.*

*Kêu rằng: “Bớ đảng hung đồ!*

*Chớ quen làm thói hồ đồ (1) hại dân.”*

*Phong Lai(2) mặt đỏ phừng phừng:*

*“Thằng nào dám tới lẫy lừng(3) vào đây.*

*Trước gây việc dữ tại mầy, (4)*

*Truyền quân bốn phía phủ vây bịt bùng.”*

*Vân Tiên tả đột hữu xông(5),*

*Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang.*

*(6) Lâu la bốn phía vỡ tan,*

*Đều quăng gươm giáo tìm đàng chạy ngay.*

*Phong Lai trở chẳng kịp tay,*

*Bị Tiên một gậy thác rày thân vong.*

*(7) Dẹp rồi lũ kiến chòm ong,*

*Hỏi: “Ai than khóc ở trong xe này?”*

*Thưa rằng: “Tôi thiệt người ngay,*

*Sa cơ nên mới lầm tay hung đồ.*

*Trong xe chật hẹp khôn phô,*

*(8) Cúi đầu trăm lạy, cứu cô tôi cùng.”*

*Vân Tiên nghe nói động lòng,*

*Đáp rằng: “Ta đã trừ dòng lâu la.*

*Khoan khoan ngồi đó chớ ra,*

*Nàng là phận gái, ta là phận trai.*

*Tiểu thư con gái nhà ai,*

*Đi đâu nên nỗi mang tai bất kỳ.*

*(9) Chẳng hay tên họ là chi?*

*Khuê môn(10) phận gái việc gì đến đây?*

*Trước sau chưa hãn dạ nầy, (11)*

*Hai nàng ai tớ, ai thầy nói ra?”*

*Thưa rằng: “Tôi Kiều Nguyệt Nga,*

*Con này tì tất (12)tên là Kim Liên.*

*Quê nhà ở quận Tây Xuyên,*

*Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê.*

*Sai quân đem bức thư về,*

*Rước tôi qua đó định bề nghi gia.*

*Làm con đâu dám cãi cha,*

*Ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành!*

*Chẳng qua là sự bất bình,*

*(13) Hay vầy(14) cũng chẳng đăng trình (15) làm chi.*

*Lâm nguy chẳng gặp giải nguy,*

*Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi. (16)*

*Trước xe quân tử (17) tạm ngồi,*

*Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa:*

*Chút tôi(18) liễu yếu đào thơ, (19)*

*Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần. (20)*

*Hà Khê qua đó cũng gần,*

*Xin theo cùng thiếp đền ơn cho chàng.*

*Gặp đây đương lúc giữa đàng,*

*Của tiền không có, bạc vàng cũng không.*

*Gẫm câu báo đức thù công, (21)*

*Lấy chi cho phỉ(22) tấm lòng cùng ngươi.”*

*Vân Tiên nghe nói liền cười:*

*“Làm ơn há dễ trông người trả ơn.*

*Này đà rõ đặng nguồn cơn,*

*Nào ai tính thiệt so hơn làm gì?*

*Nhớ câu kiến ngãi bất vi,*

*Làm người thế ấy cũng phi anh hùng(23)”*

(Nguyễn Đình Chiểu, Truyện Lục Vân Tiên, trong Nguyễn Đình Chiểu toàn tập, tập 1, NXB Đại học và THCN, Hà Nội, 1980)

**Trả lời câu hỏi:**

# **Câu 1.** Xác định ngôi kể trong truyện thơ Nôm trên

# **Câu 2.** Hai câu thơ “Vân Tiên tả đột hữu xông – Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang” sử dụng phép tu từ gì?

# **Câu 3.** Truyện “Lục Vân Tiên được khắc họa giống với mô-tip nào trong truyện thơ Nôm?

# **Câu 4.**  Hai câu thơ “Gẫm câu báo đức thù công – Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi” thể hiện tâm trạng gì của Kiều Nguyệt Nga trước việc làm của Lục Vân Tiên?

# **Câu 5.** Qua lời lẽ của Kiều Nguyệt Nga, em thấy nàng là con người như thế nào?

# **Câu 6.** Qua hành động đánh cướp và cách cư xử với Kiều Nguyệt Nga, hình ảnh Vân Tiên nổi bật với những phẩm chất nào?

**Gợi ý đáp án**

**Câu 2:** Hai câu thơ “Vân Tiên tả đột hữu xông – Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang” sử dụng phép tu từ so sánh. => Hai câu thơ trên so sánh Lục Vân Tiên với Triệu Tử Long – một nhân vật chiến tướng dũng cảm trong Tam quốc diễn nghĩa của tác giả La Quán Trung.

**Câu 3:** Hình ảnh Lục Vân Tiên được khắc họa theo mô típ quen thuộc của truyện Nôm truyền thống: một chàng trai tài giỏi cứu một cô gái thoát khỏi tình huống hiểm nghèo, rồi từ ân nghĩa đến tình yêu… như chàng Thạch Sanh đánh đại bàng, cứu công chúa Quỳnh Nga (“Thạch Sanh”). Mô-típ này thể hiện niềm mong ước của tác giả và cũng là của nhân dân. Trong thời buổi nhiễu nhương hỗn loạn này, người ta trông mong ở những người tài đức, dám ra tay cứu nạn giúp đời.

**Câu 4:** Hai câu thơ “Gẫm câu báo đức thù công – Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi” thể hiện tâm trạng băn khoăn, áy náy vì chưa biết làm thế nào để trả ơn Lục Vân Tiên.

**Câu 5:** Qua lời lẽ của Kiều Nguyệt Nga, em thấy nàng là con người: => Khuê các, thuỳ mị, nết na và có học thức, ân tình thuỷ chung.

**Câu 6:** Qua hành động  đánh cướp và cách cư xử với Kiều Nguyệt Nga, hình ảnh Vân Tiên là Hình ảnh một người anh hùng hảo hán, có khí phách, trượng nghĩa, thượng võ, bênh vực kẻ yếu, trừ gian diệt ác cho nhân dân. Lục Vân Tiên không chỉ là một người có học thức mà còn là một người hào hiệp, trượng nghĩa. Đối với Vân Tiên, chàng coi việc nhân nghĩa trên đời là điều tất yếu, nếu làm ơn mà vì được đền đáp, trông ngóng đến việc trả ơn thì đó không còn là người anh hùng.

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi**

**LỤC VÂN TIÊN GẶP NẠN**

Đêm khuya lặng lẽ như tờ,  
Nghinh ngang sao mọc mịt mờ sương bay.  
Trịnh Hâm khi ấy ra tay,  
Vân Tiên bị ngã xô ngay xuống vời.  
Trịnh Hâm giả tiếng kêu trời,  
Cho người thức dậy lấy lời phui pha.  
Trong thuyền ai nấy kêu la,  
Đều thương họ Lục xót xa tấm lòng  
Vân Tiên mình lụy giữa dòng,  
Giao long dìu đỡ vào trong bãi rày.  
Vừa may trời đã sáng ngày,  
Ông chài xem thấy vớt ngay lên bờ  
Hối con vầy lửa một giờ,  
Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày.  
Vân Tiên vừa ấm chơn tay,  
Ngẩn ngơ hồn phách như say mới rồi.  
Ngỡ thân mình phải nước trôi,  
Hay đâu còn hãy đặng ngồi dương gian.  
Ngư ông khi ấy hỏi han,  
Vân Tiên thưa hết mọi đàng gần xa.  
Ngư rằng: “Người ở cùng ta,  
Hôm mai hẩm hút với già cho vui”  
Tiên rằng: “Ông lấy chi nuôi,  
Thân tôi như thể trái mùi trên cây.  
Nay đà trôi nổi đến đây,  
Không chi báo đáp mình này trơ trơ”.  
Ngư rằng: “Lòng lão chẳng mơ,  
Dốc lòng nhơn nghĩa há chờ trả ơn?  
Nước trong rửa ruột sạch trơn,  
Một câu danh lợi chi sờn lòng đây.  
Rày voi mai vịnh vui vầy,  
Ngày kia hứng gió đêm này chơi trăng.  
Một mình thong thả làm ăn,  
Khoẻ quơ chài kéo, mệt quăng câu dầm.  
Nghêu ngao nay chích mai đầm,  
Một bầu trời đất vui thầm ai hay.  
Kinh luân đã sẵn trong tay,  
Thung dung dưới thế vui say trong trời.  
Thuyền nan một chiếc ở đời,  
Tắm mưa chải gió trong vời Hàn Giang”.

**Câu 1:** Chủ đề của đoạn trích Lục Vân Tiên gặp nạn

###### Gợi ý: Phê phán cái ác, đề cao và ca ngợi cái thiện,  thể hiện niềm tin vào những điều tốt đẹp ở đời,

**Câu 2:** Nhận định nào nói đúng nghệ thuật kể chuyện của tác giả trong đoạn thơ trên?

Gợi ý: Sắp xếp các tình tiết hợp lí. Lời thơ mộc mạc, giản dị.Tạo diễn biến sự việc nhanh gọn.

**Câu 3:** Nhân vật ông Ngư không mang đặc điểm tính cách nào sau đây

###### Gợi ý: tính ích kỉ, nhỏ nhen, độc ác

**Câu 4:** Nhận định nào nói đúng nhất tính cách ông Ngư thể hiện qua những lời nói của nhân vật này?

Gợi ý. Là nhân vật có tấm lòng bao dung. Là người có lòng hào hiệp. Là người có tấm lòng nhân ái.

**Câu 5:** Nhận định nào nói đúng nhất về ngôn ngữ của đoạn trích?

Gợi ý. Dân dã, bình dị. Giàu cảm xúc, khoáng đạt

**Câu 6:** Nhận định nào nói đúng nhất thái độ của tác giả thể hiện qua việc miêu tả cuộc sống của ông Ngư?

Gợi ý: Gửi gắm khát vọng sống và niềm tin vào cái thiện.Trân trọng ước mơ của người lao động bình dị. Thi vị hóa cuộc sống của người lao động bình thường.

**Câu 7:** Các tình tiết của đoạn trích này giống với môtip nào trong truyện cổ dân gian mà em biết?

Gợi ý. Người tốt bị hãm hại nhưng lại được cứu giúp, hỗ trợ.

**Câu 8:** Nội dung chính của các câu thơ sau là gì?

Đêm khuya lặng lẽ như tờ,  
Nghinh ngang sao mọt mịt mờ sương bay.  
Trịnh Hâm khi ấy ra tay,  
Vân Tiên bị ngã xô ngay xuống vời.  
Trịnh Hâm giả điếc kêu trời,  
Cho người thức dậy lấy lời phui pha.

###### Gợi ý. Miêu tả tâm địa và hành động của Trịnh Hâm.

**Câu 9:** Đoạn trích “Lục Vân Tiên gặp nạn” kể lại sự việc cụ thể nào?

###### Gợi ý. Lục Vân Tiên bị Trịnh Hâm đẩy xuống sông và được ông chài vớt.

**Câu 10:** Em đánh giá như thế nào về hành động của Trịnh Hâm trong đoạn trích này?

###### Gợi ý. Vô cùng độc ác, bất nhân, bất nghĩa.

**Câu 11:** Đoạn thơ trên chủ yếu được viết theo phương thức nào?

###### Gợi ý. Tự sự

# **Sơ kính tân trang**

***Sơ kính tân trang*** (*Câu chuyện mới về lược và gương*)[[1]](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C6%A1_k%C3%ADnh_t%C3%A2n_trang#cite_note-1) là một truyện [thơ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%A1) do danh sĩ [Phạm Thái](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%A1m_Th%C3%A1i) sáng tác tại Việt Nam ở đầu thế kỷ 19. Truyện thơ *Sơ kính tân trang* được làm ra năm 1804 (khi ấy tác giả 21 tuổi), dài 1.484 câu thơ[[2]](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C6%A1_k%C3%ADnh_t%C3%A2n_trang#cite_note-2) [chữ Nôm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_N%C3%B4m) (chủ yếu là thơ [lục bát](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%A1#L%E1%BB%A5c_b%C3%A1t) có xen một ít thơ [Đường luật](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C6%B0%E1%BB%9Dng_lu%E1%BA%ADt), thơ [cổ phong](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%95_phong) và [song thất lục bát](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%A1_song_th%E1%BA%A5t_l%E1%BB%A5c_b%C3%A1t)). Nội dung truyện kể lại một câu chuyện tình duyên lãng mạn và trắc trở, hư cấu trên cơ sở mối tình cay đắng của chính tác giả.

Tác phẩm này lần đầu được Sở Cuồng [Lê Dư](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_D%C6%B0) phiên âm ra chữ [Quốc ngữ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_Qu%E1%BB%91c_ng%E1%BB%AF) rồi in trong cuốn *Phổ Chiêu thiền sư thi văn tập* (Nhà xuất bản Nam Ký, [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i), 1932). Sau đó, bản truyện này được Lại Ngọc Cang khảo dị, hiệu đính, chú thích và cho tái bản năm 1960 (Nhà xuất bản Văn hóa). Năm 1994, trên cơ sở bản văn này, GS Hoàng Hữu Yên giới thiệu, chú thích và cho tái bản năm 1960 ([Nhà xuất bản Giáo dục](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_xu%E1%BA%A5t_b%E1%BA%A3n_Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c_Vi%E1%BB%87t_Nam))…

## Nội dung sơ lược

***Sơ kính tân trang*** kể về cuộc tình duyên trắc trở giữa chàng Phạm Kim với Trương Quỳnh Thư. Nguyên trước kia ở [Từ Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%AB_S%C6%A1n) (nay thuộc [Bắc Ninh](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Ninh)) có một người họ Phạm (Phạm công) là bạn học chí thân với người họ Trương (Trương công), quê ở [Kiến Xương](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ki%E1%BA%BFn_X%C6%B0%C6%A1ng) (nay thuộc [Thái Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_B%C3%ACnh)). Hai người giao ước, hễ sau này một bên sinh trai, một bên sinh gái thì sẽ gả con cho nhau. Và họ đã trao đổi lược gương (Sơ 梳 là cái lược, kính 鏡 là cái gương) để làm tin. Sau đó, vợ Phạm công sinh con trai, đặt tên là Phạm Kim.

Bất chợt xảy ra quốc biến, Phạm công lo việc cần vương thất bại, nhà cửa tan nát. Phạm Kim lớn lên định nối chí cha, nhưng chẳng làm được gì, đành đi rong chơi. Một ngày kia đến Thú Hoa Dương, thấy cảnh đẹp, chàng ở lại rồi tình cờ biết được Quỳnh Thư, con gái của một viên quan cũng họ Trương. Nhờ có người giúp đỡ, Phạm kim và Quỳnh Như trao đổi thư từ, rồi sinh lòng yêu nhau tha thiết.

Sau đó, Phạm Kim có việc phải về quê. Khi đó có viên đô đốc ở kinh kỳ nghe tiếng Quỳnh Thư xinh đẹp liền đến hỏi nàng làm vợ. Gia đình Trương công không muốn gả, nhưng trước sức ép của người có quyền thế (tức viên đô đốc), cha Quỳnh Thư đành phải nhận lời. Biết được, Quỳnh Thư liền viết thư gọi Phạm Kim đến, lẻn ra tâm sự. Bế tắc, cả hai cùng thề hẹn sẽ lấy nhau ở kiếp sau. Trước khi chia tay, nàng còn giơ bàn tay có in hai chữ "Quỳnh Nương" cho Phạm Kim xem để làm tin. Về nhà, Quỳnh Thư [tự tử](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%B1_t%E1%BB%AD). Còn Phạm Kim thì ốm nặng vì quá đau khổ. Sau khi khỏi bệnh, chàng buồn bã gởi thân nơi cửa Phật, mong dịu vết thương lòng.

Trong lúc ấy, Trương công (bạn của cha Phạm Kim, không phải là viên quan họ Trương vừa nói trên) từ quan về nhà. Người vợ lẽ của ông sinh hạ được một gái, đặt tên là Thụy Châu. Thụy Châu có nhan sắc, tính tình phóng khoáng. Nàng cải dạng thành một đạo sĩ nay đây mai đó. Đến Kim Sơn, Thụy Châu gặp nhà sư Phạm Kim. Cả hai cùng đàm đạo, xướng họa với nhau.

Lúc vị "đạo sĩ" ra đi, Phạm Kim ngờ người nói chuyện với mình là phụ nữ. Tứ đó, chàng không thiết gì tu hành nữa. Nghe danh Trương công (bạn của cha Phạm Kim), chàng đến ra mắt và được mời làm gia sư. Một hôm nhờ tiếng đàn xướng họa mà Phạm Kim và Thụy Châu nhận ra nhau. Sau khi dò hỏi lai lịch, hai người lấy gương lược ra so thì đúng với lời ước cũ giữa hai bên. Trương công vui lòng cho hai người lấy nhau. Tuy vui duyên mới, Phạm Kim vẫn buồn vì luôn thương nhớ Quỳnh Thư. Bị vợ gặng hỏi, chàng phải thú thật. Nghe kể xong, Thụy Châu giơ bàn tay có dấu chữ "Quỳnh Nương" cho chàng xem. Bấy giờ Phạm Kim mới biết Thụy Châu chính là "hậu thân" của Quỳnh Thư.

# **Bích Câu kỳ ngộ**

Trước đây, nhiều người (trong đó có [Dương Quảng Hàm](https://vi.wikipedia.org/wiki/D%C6%B0%C6%A1ng_Qu%E1%BA%A3ng_H%C3%A0m), [Thanh Lãng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thanh_L%C3%A3ng)) cho rằng truyện thơ **Bích Câu kỳ ngộ** là của một tác giả *khuyết danh*; nhưng theo các nhà nghiên cứu [văn học](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%E1%BB%8Dc) [Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) hiện nay (trong đó có [Trần Văn Giáp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n_V%C4%83n_Gi%C3%A1p), Nguyễn Phương Chi, Hoàng Hữu Yên, Phạm Ngọc Lan), thì người sáng tác ra truyện thơ này là **Vũ Quốc Trân** (? - ?), người làng Đan Loan, huyện [Bình Giang](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_Giang), tỉnh [Hải Dương](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_D%C6%B0%C6%A1ng); nhưng sống ở phường Đại Lợi (một phần phố Hàng Đào thuộc [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i) ngày nay) vào khoảng giữa [thế kỷ 19](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_19). Vũ Quốc Trân sống đồng thời với [Nguyễn Văn Siêu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_V%C4%83n_Si%C3%AAu), [Cao Bá Quát](https://vi.wikipedia.org/wiki/Cao_B%C3%A1_Qu%C3%A1t). Ông đi đỗ mấy khoa [tú tài](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%BA_t%C3%A0i) nên thường được gọi là "cụ (ông) Mền Đại Lợi".

### Giới thiệu sơ lược

**Bích Câu kỳ ngộ** nguyên là một tiểu thuyết bằng [chữ Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_H%C3%A1n), xuất hiện trong tập [*Truyền kỳ tân phả*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Truy%E1%BB%81n_k%E1%BB%B3_t%C3%A2n_ph%E1%BA%A3) của nữ sĩ [Đoàn Thị Điểm](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90o%C3%A0n_Th%E1%BB%8B_%C4%90i%E1%BB%83m) ([1705](https://vi.wikipedia.org/wiki/1705)-[1748](https://vi.wikipedia.org/wiki/1748)). Có người cho rằng tập truyện này là của [Đặng Trần Côn](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%B7ng_Tr%E1%BA%A7n_C%C3%B4n) (? -[1745](https://vi.wikipedia.org/wiki/1745)), nhưng học giả [Trần Văn Giáp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n_V%C4%83n_Gi%C3%A1p) dựa vào nhiều tài liệu lại khẳng định là của [Đoàn Thị Điểm](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90o%C3%A0n_Th%E1%BB%8B_%C4%90i%E1%BB%83m).[[2]](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ADch_C%C3%A2u_k%E1%BB%B3_ng%E1%BB%99#cite_note-2)

Truyện thơ Bích Câu kỳ ngộ tuy chỉ là bản dịch ra [chữ Nôm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_N%C3%B4m), song do thành công về nghệ thuật nên được phổ biến rộng rãi hơn so với nguyên bản.[[3]](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ADch_C%C3%A2u_k%E1%BB%B3_ng%E1%BB%99#cite_note-NPC-3)

Theo [Dương Quảng Hàm](https://vi.wikipedia.org/wiki/D%C6%B0%C6%A1ng_Qu%E1%BA%A3ng_H%C3%A0m) thì phần nhiều các truyện Nôm cũ của [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) thường mượn sự tích ở sử sách hoặc tiểu thuyết của [Trung Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu%E1%BB%91c), nhưng truyện Bích Câu thì không thế, tức nội dung hoàn toàn là của [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam).

Bích Câu kỳ ngộ là một câu chuyện truyền kỳ xảy ra dưới triều [Hồng Đức](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Th%C3%A1nh_T%C3%B4ng) nhà Lê (tức thời vua [Lê Thánh Tông](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Th%C3%A1nh_T%C3%B4ng), ở ngôi từ năm [1460](https://vi.wikipedia.org/wiki/1460) đến [1497](https://vi.wikipedia.org/wiki/1497)).[[3]](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ADch_C%C3%A2u_k%E1%BB%B3_ng%E1%BB%99#cite_note-NPC-3)

Theo GS. [Dương Quảng Hàm](https://vi.wikipedia.org/wiki/D%C6%B0%C6%A1ng_Qu%E1%BA%A3ng_H%C3%A0m) thì truyện này có thể chia làm 4 hồi và có nội dung đại để như sau:

* Hồi I. **Tú Uyên gặp Giáng Kiều, về ốm tương tư**:

Tú Uyên, một thư sinh nghèo, cha mẹ mất sớm. Một lần đến Bích Câu, thấy phong cảnh đẹp bèn làm nhà ở đấy học. Một hôm nhân tiết [xuân](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%B9a_xu%C3%A2n), Tú Uyên đi chơi hội [chùa Ngọc Hồ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_B%C3%A0_Ng%C3%B4), nhặt được một chiếc "lá hồng" có đề một câu [thơ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%A1). Chàng định họa lại thì thấy một thiếu nữ tuyệt đẹp trước [cửa tam quan](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=C%E1%BB%ADa_tam_quan&action=edit&redlink=1), liền đi theo, nhưng đến đình Quảng Văn thì thiếu nữ bỗng biến mất. Về nhà, chàng ngày đêm tưởng nhớ người đẹp đến sinh bệnh.

* Hồi II. **Tú Uyên kết duyên cùng Giáng Kiều**:

Một người bạn học là Hà sinh đến thăm, khuyên chàng không nên tơ tưởng nữa, nhưng Tú Uyên vẫn không sao quên được. Chàng đến [đền Bạch Mã](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%81n_B%E1%BA%A1ch_M%C3%A3) bói thẻ. Đêm ấy, chàng nằm mộng thấy một vị thần dặn sớm mai ra đợi ở Cầu Đông. Hôm sau, Tú Uyên ra cầu đứng đợi đến chiều tối, thì thấy có một ông lão bán [tranh tố nữ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tranh_t%E1%BB%91_n%E1%BB%AF) mà hình dạng giống hệt người thiếu nữ đã gặp hôm trước. Chàng liền mua bức tranh về treo ở thư phòng. Cứ đến bữa ăn, dọn hai cái bát, hai đôi [đũa](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C5%A9a), mời người trong tranh cùng ăn.

Một hôm Tú Uyên bận việc ở trường nên về muộn. Về nhà thấy có một mâm cơm thịnh soạn bày sẵn, chàng lấy làm lạ nhưng vẫn ngồi vào ăn. Hôm sau chàng giả bộ đi đến trường, nhưng đi được một quãng liền quay trở lại nhà, nấp vào một chỗ. Một lát sau, một thiếu nữ từ trong tranh bước ra lo việc bếp núc, nhà cửa. Tú Uyên mừng rỡ, bước ra chào hỏi. Thiếu nữ cho biết tên là Giáng Kiều, vốn là người cõi [tiên](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%C3%AAn), vì có tiền duyên với chàng nên xuống hạ giới. Nói rồi, nàng hóa phép ra [lâu đài](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A2u_%C4%91%C3%A0i) nguy nga với đầy đủ người hầu hạ.

* Hồi III. **Giáng Kiều giận Tú Uyên bỏ đi, sau lại trở về**:

Vợ chồng sống hạnh phúc trong ba năm, thì Tú Uyên đâm ra [rượu](https://vi.wikipedia.org/wiki/R%C6%B0%E1%BB%A3u) chè say sưa. Giáng Kiều khuyên can nhưng vô hiệu, bèn bỏ đi. Đến lúc tỉnh rượu, Tú Uyên hết sức đau khổ và hối hận. Một hôm vì tuyệt vọng, chàng định quyên sinh thì Giáng Kiều bỗng hiện về tha lỗi cho chồng. Hai người lại sống với nhau mặn nồng hơn xưa.

* Hồi IV. **Tú Uyên và Giáng Kiều lên cõi tiên**:

Sau hai vợ chồng có được một con trai, đặt tên là Chân Nhi. Nghe lời Giáng Kiều, Tú Uyên học phép tu tiên. Một hôm sau khi dặn dò Chân Nhi ở lại cõi trần, hai vợ chồng cùng cưỡi [hạc](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A1c) bay lên cõi tiên.

Bích Câu kỳ ngộ là câu chuyện tình mang màu sắc hoang đường. Nhưng phía sau câu chuyện tình là một vấn đề xã hội. Tác phẩm bộc lộ một quan niệm nhân sinh muốn thoát ly thế giới thực tại. Tư tưởng yếm thế này ít nhiều cũng đã thể hiện cái nhìn phê phán xã hội của tác giả trong hoàn cảnh một đất nước loạn lạc, chiến tranh, đầy dẫy bất trắc. Mặt khác, ở đây cũng là một xu hướng giải tỏa tâm thức của những con người lúc bấy giờ: muốn rời bỏ [đạo Nho](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nho_gi%C3%A1o) mà tìm đến [Phật giáo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o) và [Đạo giáo](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1o_gi%C3%A1o).

Về hình thức, Bích Câu kỳ ngộ là câu chuyện thuần túy [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam), với những tên đất, tên người Việt Nam. Nhờ đó, âm hưởng dân tộc của truyện khá đậm nét. Hơn nữa, tác phẩm còn đạt tới một bút pháp nghệ thuật tinh vi: kết hợp tả cảnh với tả tình (có những chỗ còn táo bạo trình bày cả quan hệ nhục cảm) và khắc họa thành công tâm trạng nhân vật. Đặc biệt, ngôn ngữ truyện trong sáng, giàu hình ảnh và nhạc điệu do biết vận dụng [tục ngữ](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%A5c_ng%E1%BB%AF), [ca dao](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ca_dao) và nhất là tiếp thu những thành tựu của ngôn ngữ [Truyện Kiều](https://vi.wikipedia.org/wiki/Truy%E1%BB%87n_Ki%E1%BB%81u)[[4]](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ADch_C%C3%A2u_k%E1%BB%B3_ng%E1%BB%99#cite_note-4).

Bích Câu kỳ ngộ là câu chuyện ly kỳ thần bí xảy ra ở trên đất [Thăng Long](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C4%83ng_Long) ([Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i) bây giờ). Hiện nay, ở phố Cát Linh gần [Văn Miếu - Quốc Tử Giám](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_Mi%E1%BA%BFu_-_Qu%E1%BB%91c_T%E1%BB%AD_Gi%C3%A1m) ([Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i)) còn có một tòa nhà Bích Câu đạo quán, tương truyền được dựng trên nền nhà cũ của Tú Uyên thuở xưa. Ngoài ra, còn nhiều sự tích trong truyện, nào là [sông Tô Lịch](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B4ng_T%C3%B4_L%E1%BB%8Bch), chùa Bà Ngô (ở phố Sinh Từ, tức chùa Ngọc Hồ ở trong truyện), [đền Bạch Mã](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%81n_B%E1%BA%A1ch_M%C3%A3) (nay ở phố Hàng Buồm), gò Kim Quy ([Tháp Rùa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1p_R%C3%B9a)), Cầu Đông (nay ở phố Hàng Đường), đình Quảng Văn (vườn hoa Cửa Nam, Hà Nội ngày nay), v.v... Tên các di tích ấy, theo học giả [Trần Văn Giáp](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n_V%C4%83n_Gi%C3%A1p), đã đủ chứng thực tính dân tộc của truyện [[5]](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ADch_C%C3%A2u_k%E1%BB%B3_ng%E1%BB%99#cite_note-5).

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện theo các yêu cầu:**

Lược dẫn: Tú Uyên là một thư sinh nghèo, cha mẹ mất sớm. Một lần đến Bích Câu,

thấy phong cảnh đẹp chàng bèn làm nhà ở đấy để học. Một hôm nhân tiết xuân, Tú Uyên

đi chơi hội chùa Ngọc Hồ, nhặt được một chiếc "lá hồng" có đề một câu thơ. Chàng định

họa lại thì thấy một thiếu nữ tuyệt đẹp xuất hiện trước cửa tam quan. Cô gái ấy là Giáng

Kiều, một nàng tiên giáng trần. Đoạn trích dưới đây nói về cuộc gặp gỡ ấy.

Thấy người trước cửa tam quan

Theo sau ba bảy con hoàn nhởn nhơ

Lạ lùng con mắt người thơ

Hoa còn phong nhụy, trăng vừa tròn gương

Rành rành xuyến ngọc thoa vàng

Quần Nghê tha thướt, sóng Tương rườm rà

Mỉa chiều nét ngọc làn hoa

Cá chìm mặt nước, nhạn sa lưng trời

Gần xem vẻ mặt thêm tươi

Mùi hương thoang thoảng thơm rơi ít nhiều

Làn thu lóng lánh đưa theo

Não người nhăn chút lông nheo cũng tình

Vốn mang cái bệnh Trương sinh

Gặp người nghiêng nước nghiêng thành biết sao?

Đưa tình một nét sóng đào

Dẫu lòng sắt đá cũng xiêu, lọ người

Nhân duyên ví chẳng tự trời

Từ lang chưa dễ lạc vời non tiên

(Trích Bích Câu kì ngộ, Thi Nham Đinh Gia Thuyết đính chính và chú thích, Cổ văn Việt Nam, 1952)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Thể thơ được sử dụng trong đoạn trích trên là?

A. Tự do B. Lục bát

C. Song thất lục bát D.Thất ngôn bát cú

Đường luật

**Câu 2.** Đoạn trích trên sử dụng người kể chuyện ở ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và

ngôi thứ ba

**Câu 3.** Đề tài của đoạn trích trên là:

A. Hôn nhân B. Gặp gỡ

C. Đoàn tụ D.Chia li

**Câu 4.** Câu chuyện trên được kể từ điểm nhìn của nhân vật nào?

A. Nhân vật chàng trai B. Nhân vật cô gái

C. Nhân vật ẩn danh D. Cả A và C

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây nói về cảm xúc của chàng trai khi nhìn thấy cô gái?

A. Hồi hộp B. Ngạc nhiên

C. Buồn bã D. Say đắm

**Câu 6.** Tác giả sử dụng bút pháp nào sau đây khi miêu tả cô gái?

A. Bút pháp ước lệ B. Bút pháp tả thực

C. Bút pháp tả cảnh ngụ tình D. Bút pháp chấm phá

**Câu 7.** Phát biểu nào sau đây nói về nội dung khái quát của đoạn trích?

A. Nỗi buồn của chàng trai khi phải xa người yêu.

B. Tình yêu say đắm của chàng trai và cô gái

C. Cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa chàng trai và cô gái

D. Sự say đắm của chàng trai trước vẻ đẹp của cô gái

**Câu 8.** Câu thơ “Cá chìm mặt nước, nhạn sa lưng trời” lấy ý từ câu thành ngữ nào?

- Câu thơ “Cá chìm mặt nước, nhạn sa lưng trời” lấy ý từ câu thành ngữ “chim sa cá

lặn”.

**Câu 9.** Bạn có nhận xét gì về nhân vật chàng trai trong đoạn trích trên?

Nhận xét về nhân vật chàng trai trong đoạn trích: Đó là một chàng trai si tình. Khi

gặp cô gái, chàng đã ngay lập tức đắm đuối trước vẻ đẹp của cô gái, và cũng ngay lập

tức đem lòng yêu cô gái.

**Câu 10**. Bạn hãy lí giải vì sao tác giả gọi cuộc gặp gỡ nói trên của chàng trai và cô gái

là một cuộc kì ngộ?

Cuộc gặp gỡ trên được gọi là một cuộc kì ngộ (cuộc gặp gỡ kì lạ) vì:

– Cô gái ở đây là một nàng tiên giáng trần

– Vừa gặp họ đã đem lòng yêu nhau, như đã có duyên tiền định.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**GIÁNG KIỀU GIẬN BỎ ĐI**

(Trích Bích Câu kì ngộ)

Bích Câu kì ngộ (Cuộc gặp gỡ kì lạ ở Bích Câu) gồm 678 câu thơ. Bích Câu kì ngộ là câu chuyện tình yêu giữa Tú Uyên và Giáng Kiều, Tú Uyên là một thư sinh nghèo, cha mẹ mất sớm, nhờ chăm lo việc học hành, chàng trở thành một văn nhân nổi tiếng ở đất Thăng Long. Nhân ngày xuân, đi chơi hội chùa Ngọc Hồ, Tú Uyên đều thư xinh đẹp, nhưng chưa kịp làm quen thì nàng đã đi mất.

Về nhà, chàng tương từ rồi sinh bệnh. Theo lời một vị thần nhân trong mộng,

Tú Uyên ra Cầu Đông, đợi từ sáng đến tôi thì thấy một người bán bức tranh tố nữ hình dạng giống hệt người thiếu nữ đã gặp trong hội chùa. Chàng mua bức tranh, treo ở thư phòng, sớm khuya cùng người trong tranh tâm sự. Một hôm, Tú Uyên bận việc học nên về muộn. Về đến nhà, thấy có một mâm cơm thịnh soạn bày sẵn, chàng lấy làm lạ nhưng vẫn ngồi ăn. Sau, chàng giả vờ đến nơi học rồi về nhà quan sát. Điều kì lạ xảy đến thiếu nữ trong tranh ra, lo việc nhà cửa, cơm nước. Càng lạ lùng hơn, thiếu nữ đó lại chính là người con gái chàng đã gặp hôm đi chơi hội. Tú Uyên mừng rỡ, bước ra chào hỏi. Người thiếu nữ cho biết tên là Giáng Kiều, vốn người cõi tiên, vì có tiền duyên với chàng nên xuống hạ giới để kết duyên.

Cuộc sống đang hạnh phúc thì Tú Uyên rơi vào cảnh rượu chè. Giáng Kiều khuyên can nhưng không được, nàng bèn bỏ đi. Tỉnh rượu, Tú Uyên hết sức đau khổ và hỏi hận. Tuyệt vọng, chàng định tìm đến cái chết. Giáng Kiều hiện về tha lỗi cho chồng. Tình nghĩa hai người mặn nồng hơn xưa và họ sinh được một con trai đặt tên là Trần Nhi. Tú Uyên học phép tu tiên và hai vợ chồng cùng bay về cõi tiên. Ít lâu sau, Trần Nhi cũng cưỡi cá kình theo cha mẹ về tiên giới.

Đoạn sau đây kể việc Giáng Kiều bị ngược đãi, giận bỏ đi.

*445. Ngán thay khuyên nhủ đến lời*

*Nước kia dội đá có mùi gì đâu*

*Thôi ngày trọn, lại đêm thâu*

*Cạn chung Lý Bạch, nghiêng bầu Lưu Linh*

*Ma men quanh quẩn bên mình*

*450. Cho đàn trễ phím, cho bình nhạt hương*

*Mải mê say tỉnh tâm trường*

*Liệu bài nàng lại tìm đường van lơn*

*Trái tai vả lại ngứa gan*

*Đang tay nỡ dập hoa tàn tả tơi*

*455. Dây đồng đứt hẳn làm đôi*

*Cánh bèo theo ngọn nước trôi cũng rầu!*

*Nàng càng tầm tã tuôn châu*

*Ngán nhân tình khéo ra màu thắm phai*

*Rằng: “Thôi, tôi đã quá lời*

*460. Xui lòng nghĩ lại một hai kẻo mà…”*

*Sinh đang vui chén la đà*

*Vẩn vơ tính quỉ hồn ma biết gì*

*Nói thôi, nói cũng chi chi*

*Nghe ra tiếng nặng như chì, giọng say!*

*465. Nàng rằng: “Duyên nợ bấy nay*

*Thương ôi nước đổ bốc đầy được đầu*

*Tiếc cho nỗi vợ chồng Ngâu*

*Doành thu nên để bắc cầu mấy phen!*

*Sá chi nữa, cái hoạ hèn*

*470. Nghĩ làm chi nữa cái duyên cũ càng*

*Đã lòng rẽ thúy chia hương*

*Đành lòng rẫy ngọc, ruồng vàng thì vâng*

*Thôi thôi, thôi cũng cầm bằng*

*Tơ hồng phó trả bà trăng cho rồi”*

*475. Lạy rồi, đứng lại sân ngoài*

*Bên bàn say tỉnh mặc người ngồi trợ.*

(Theo Bích Câu kỳ ngộ, do Thi Nham Đinh Gia Thuyết đính chính, NXB Tân Việt, 1964)

**Chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Văn bản trên là truyện thơ vì:

A. Có sự việc, cốt truyện, được kể bằng văn vần

B. Có sự việc, cốt truyện, nhân vật và được kể bằng thơ (lục bát).

C. Có sự việc, cốt truyện và được kể bằng ngôi thứ 3.

D. Có nhiều nhân vật đối thoại và được kể bằng thơ lục bát

**Câu 2:** Thủ các từ sau vào vị trí phần ngoặc kép cho hợp lí.

Tú Uyên rơi vào (vị trí 1), Giáng Kiều khuyến nhủ, van lơn không được. Có khi đang say, Tú Uyên (vị trí 2), nàng buồn rầu chỉ biết khóc lóc, nhận lỗi về mình. Quá buồn thảm vì (vị trí 3), Giáng Kiều đành nói lời từ biệt với Tú Uyên.

A. Còn đánh

B. Tình nhạt phai

C. Cảnh rượu chè

D. Chỉ biết khóc lóc

**Câu 3:** Văn bản trên được thuật kể bằng lời của:

A. Tú Uyên

B. Giáng Kiều

C. Người nhà

D. Người kể chuyện

**Câu 4:** Dòng nào nói đúng về các nhân vật trong văn bản đọc.

A. Tú Uyên, Giáng Kiều.

B. Tú Uyên, Giáng Kiều, thầy bói.

C. Giáng Kiều, người bán tranh.

D. Tú Uyên, người bán tranh.

**Câu 5:** Dòng nào nói lên cảm xúc chủ đạo của văn bản đọc?

A. Mỉa mai, châm biếm

B. Trân trọng, thương cảm

C. Thương cảm, phê phán

D. Khinh bỉ, đau xót

**Câu 6:** Đoạn sau là lời của ai, nói với ai về điều gì?

Ngán thay khuyên nhủ đến lời

Nước kia dội đá có mùi gì đâu

A. Lời của Giáng Kiều, khuyên Tú Uyên đừng uống rượu.

B. Lời của người kể chuyện: nói về tâm trạng của Giáng Kiều.

C. Lời của Tú Uyên: ngán lời Giáng Kiều.

D. Lời của Giáng Kiều diễn tả tâm trạng chán ngán của mình.

**Câu 7:** “Nước kia dội đá có mùi gì đâu” được hiểu như thế nào?

A. Nước dội vào đá mất hết mùi vị.

B. Tú Uyên là đá nên Giáng Kiều không nên khuyên nhủ.

C. Lời khuyên của Giáng Kiều không có tác dụng đối với Tú Uyên.

D. Lời nói của Giáng Kiều lạnh lẽo vô tình.

**Câu 8:** Hai dòng thơ sau gợi tả cảnh tượngnào trong gia đình Tú Uyên

Ma men quanh quẩn bên mình

Cho đàn trễ phím, cho bình nhạt hương

A. Cảnh nồng nàn với rượu đàn, hương.

B. Người chìm đắm trong rượu khiến nghĩa tình nhạt phai.

C. Mải rượu nên không thiết gì đàn, hương.

D. Say men rượu lười đánh đàn.

**Trả lời câu hỏi/thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.** Tâm trạng của Giáng Kiều được miêu tả như thế nào? Được xây dựng bằng nguồn cảm hứng nào?

**Câu 10.** Em có đồng ý với cách ứng xử của Tú Uyên không? Vì sao?

**GỢI Ý CÁCH LÀM VÀ ĐÁP ÁN**

**Câu 1:** Văn bản trên là truyện thơ vì:

A. Có sự việc, cốt truyện, được kể bằng văn vần

B. Có sự việc, cốt truyện, nhân vật và được kể bằng thơ (lục bát).

C. Có sự việc, cốt truyện và được kể bằng ngôi thứ 3.

D. Có nhiều nhân vật đối thoại và được kể bằng thơ lục bát

Văn bản trên là văn bản truyện thơ vì có sự việc, cốt truyện, nhân vật và được kể bằng thơ (lục bát).

→ Đáp án: B

**Câu 2:** Thủ các từ sau vào vị trí phần ngoặc kép cho hợp lí.

Tú Uyên rơi vào (vị trí 1), Giáng Kiều khuyến nhủ, van lơn không được. Có khi đang say, Tú Uyên (vị trí 2), nàng buồn rầu chỉ biết khóc lóc, nhận lỗi về mình. Quá buồn thảm vì (vị trí 3), Giáng Kiều đành nói lời từ biệt với Tú Uyên.

A. Còn đánh

B. Tình nhạt phai

C. Cảnh rượu chè

D. Chỉ biết khóc lóc

Tú Uyên rơi vào cảnh rượu chè, Giáng Kiều khuyến nhủ, van lơn không được. Có khi đang say, Tú Uyên chỉ biết khóc lóc, nàng buồn rầu chỉ biết khóc lóc, nhận lỗi về mình. Quá buồn thảm vì tình nhạt phai, Giáng Kiều đành nói lời từ biệt với Tú Uyên.

→ Đáp án: 1C, 2A, 3B

**Câu 3:** Văn bản trên được thuật kể bằng lời của:

A. Tú Uyên

B. Giáng Kiều

C. Người nhà

D. Người kể chuyện

Văn bản được thuật kể bằng lời của người kể chuyện

→ Đáp án: D

**Câu 4:** Dòng nào nói đúng về các nhân vật trong văn bản đọc.

A. Tú Uyên, Giáng Kiều.

B. Tú Uyên, Giáng Kiều, thầy bói.

C. Giáng Kiều, người bán tranh.

D. Tú Uyên, người bán tranh.

Các nhân vật trong văn bản: Tú Uyên, Giáng Kiều

→ Đáp án: A

**Câu 5:** Dòng nào nói lên cảm xúc chủ đạo của văn bản đọc?

A. Mỉa mai, châm biếm

B. Trân trọng, thương cảm

C. Thương cảm, phê phán

D. Khinh bỉ, đau xót

Cảm xúc chủ đạo của văn bản đọc: bày tỏ tấm lòng trân trọng, thương cảm đối với số phận nàng Giáng Kiều

→ Đáp án: B

**Câu 6:** Đoạn sau là lời của ai, nói với ai về điều gì?

*Ngán thay khuyên nhủ đến lời*

*Nước kia dội đá có mùi gì đâu*

A. Lời của Giáng Kiều, khuyên Tú Uyên đừng uống rượu.

B. Lời của người kể chuyện: nói về tâm trạng của Giáng Kiều.

C. Lời của Tú Uyên: ngán lời Giáng Kiều

D. Lời của Giáng Kiều diễn tả tâm trạng chán ngán của mình.

Chú ý những từ ngữ: “khuyên nhủ”, “nước”, “đá”

Đoạn trên là lời của người kể chuyện: nói về tâm trạng của Giáng Kiều.

→ Đáp án: B

**Câu 7:** “Nước kia dội đá có mùi gì đâu” được hiểu như thế nào?

A. Nước dội vào đá mất hết mùi vị.

B. Tú Uyên là đá nên Giáng Kiều không nên khuyên nhủ.

C. Lời khuyên của Giáng Kiều không có tác dụng đối với Tú Uyên.

D. Lời nói của Giáng Kiều lạnh lẽo vô tình.

“Nước kia dội đá có mùi gì đâu”: Lời khuyên của Giáng Kiều không có tác dụng đối với Tú Uyên. (liên tưởng đến câu thành ngữ Trơ như đá)

→ Đáp án: C

**Câu 8:** Hai dòng thơ sau gợi tả cảnh tượng nào trong gia đình Tú Uyên

Ma men quanh quẩn bên mình

Cho đàn trễ phím, cho bình nhạt hương

A. Cảnh nồng nàn với rượu đàn, hương.

B. Người chìm đắm trong rượu khiến nghĩa tình nhạt phai.

C. Mải rượu nên không thiết gì đàn, hương.

D. Say men rượu lười đánh đàn.

Ma men quanh quẩn bên mình

Cho đàn trễ phím, cho bình nhạt hương

Tú Uyên đang chìm đắm trong rượu khiến nghĩa tình vợ chồng nhạt phai.

→ Đáp án B

**Câu 9.** Tâm trạng của Giáng Kiều được miêu tả như thế nào? Được xây dựng bằng nguồn cảm hứng nào?

Tâm trạng của Giáng Kiều được miêu tả qua nhiều cung bậc:

- Khuyên nhủ, van lơn, hy vọng

- Đau khổ, khóc lóc, thất vọng

- Chán chường, bất lực, từ bỏ

Được xây dựng bằng nguồn cảm hứng: xót thương, cảm thông sâu sắc

**Câu 10.** Em có đồng ý với cách ứng xử của Tú Uyên không? Vì sao?

Dựa vào quan niệm của bản thân

- Gợi ý: Căn cứ vào việc làm, lời nói của Tú Uyên; nỗi đau Tú Uyên gây ra cho Giáng Kiều… để đánh giá con người Tú Uyên (xây dựng bởi cảm hứng phê phán)

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 3** 

**Câu 1. Thể thơ của truyện thơ trên là:**

A. Thất ngôn xen lục ngôn

B. Song thất lục bát

C. Lục bát

D. Thơ trường thiên bảy chữ

**Câu 2. Nhân vật chính được nói đến trong đoạn trích trên là:**

A. Nhân vật nữ: Giáng Kiều

B. Nhân vật nam: Tú Uyên

C. Nhân vật nữ và nhân vật nam: Giáng Kiều – Tú Uyên

D. Nhân vật người kể chuyện

**Câu 3. Cảm xúc của nhân vật Tú Uyên được thể hiện trong bốn câu thơ dưới đây là gì?**

*Lần trăng ngơ ngẩn ra về,*

*Đèn thông khêu cạn, giấc hoè chưa nên.*

*Nỗi nàng canh cánh nào quên,*

*Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là!*

*Bướm kia vương lấy sầu hoa,*

*Đoạn tương tư ấy nghĩ mà buồn tênh!*

A. Tương tư, thương nhớ bất kể ngày đêm, nhớ người đẹp đến mức “ngẩn ngơ” trong lòng.

B. Tương tư, thương nhớ vì biết chắc sẽ không có ngày gặp lại

C. Tương tư, sầu muộn vì không gặp được người đẹp

D. Tương tư, sầu muộn, đau đớn đến nao lòng vì không được gặp lại người đẹp.

**Câu 4. Đoạn thơ từ “Có khi gẩy khúc đàn tranh” cho đến “Mõ quyên điểm nguyệt, chuông kình nện sương” sử dụng biện pháp tu từ gì?**

A. Biện pháp lặp cấu trúc

B. Biện pháp so sánh

C. Biện pháp nhân hóa

D. Biện pháp điệp từ

**Câu 5. Liệt kê những hành động, cử chỉ mà nhân vật Tú Uyên làm để giãi bày nỗi nhớ người đẹp.**

A. Gẩy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngắm bóng trăng tàn, cất lời ca tiếng hát.

B. Gẩy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngồi suốt năm canh, ngắm hoa thưởng nguyệt.

C. Gẩy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngồi suốt năm canh, ngắm bóng trăng tàn.

D. Gẩy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngắm bóng trăng tàn, ngâm thơ.

**Câu 6. Nội dung chính của đoạn truyện thơ trên là gì?**

A. Nỗi buồn của nhân vật Tú Uyên sau khi gặp người đẹp.

B. Nỗi niềm tương tư của nhân vật Tú Uyên sau khi gặp người đẹp.

C. Nỗi sầu của nhân vật Tú Uyên sau khi gặp người đẹp.

D. Nỗi xót xa của nhân vật Tú Uyên khi biết không thể gặp lại người đẹp.

**Câu 7. Nhân vật Tú Uyên hiện lên qua đoạn trích là người như thế nào?**

A. Chàng trai yêu đương mùa quáng.

B. Chàng trai si tình, có lòng thủy chung.

C. Chàng trai trân trọng cái đẹp và yêu thích cái đẹp.

D. Chàng trai biết yêu bản thân.

**Gợi ý đáp án**

**Câu 1**: C. Lục bát

=>> Thể thơ trên sáu chữ, dưới tám chữ

**Câu 2**: B. Nhân vật nam: Tú Uyên

**Câu 3**: A. Tương tư, thương nhớ bất kể ngày đêm, nhớ người đẹp đến mức “ngẩn ngơ” trong lòng.

**Câu 4**: A. Biện pháp lặp cấu trúc

=>> Lặp đi lặp lại 4 lần từ có khi

**Câu 5**: C. Gẩy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngồi suốt năm canh, ngắm bóng trăng tàn.

=>> Có khi gảy khúc đàn tranh; Có khi chuốc chén rượu đào; Có khi ngồi suốt năm canh; Có đêm ngắm bóng trăn tàn.

**Câu 6**: B. Nỗi niềm tương tư của nhân vật Tú Uyên sau khi gặp người đẹp.

**Câu 7**: B. Chàng trai si tình, có lòng thủy chung.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 4**  


**Câu 1: Thể thơ của truyện thơ trên là gì?**

**Câu 2. Phân tích giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:**

*Có khi gảy khúc đàn tranh,*  
*Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân.*  
*Cầu hoàng tay lựa nên vần,*  
*Tương Như lòng ấy, Văn Quân lòng nào!*  
*Có khi chuốc chén rượu đào,*  
*Tiệc mời chưa cạn, ngọc giao đã đầy.*  
*Hơi men không nhấp mà say,*  
*Như xông mùi nhớ, lại gây giọng tình.*  
*Có khi ngồi suốt năm canh,*  
*Mõ quyên điểm nguyệt, chuông kình nện sương.*  
*Lặng nghe những tiếng đoạn trường,*  
*Lửa tình dễ đốt, sông Tương khôn hn.*  
*Có đêm ngắm bóng trăn tàn,*  
*Tiếng chiêm hót sớm, trận nhàn bay khuya.*

**Câu 3. Chỉ ra những đặc điểm của truyện thơ Nôm trong văn bản.**

**Câu 4. Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) so sánh hai đoạn thơ nói về tâm trạng tương tư của Tú Uyên trong Bích Câu kì ngộ và của Kim Trọng trong Truyện Kiều:**

*- Lần trăng ngơ ngẩn ra về,*  
*Đèn thông khêu cạn, giấc hòe chưa nên.*  
*Nỗi nàng canh cánh nào quên,*  
*Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là?*

(Bích Câu kì ngộ)

*- Chàng Kim từ lại thư song*  
*Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuây.*  
*Sầu đong càng lắc càng đầy,*  
*Ba thu dọn lại một ngày dài ghê.*

(Truyện Kiều)

**Gợi ý đáp án**

**Câu 1**:

- Thể thơ lục bát

**Câu 2**:

- Biện pháp lặp cấu trúc “Có khi”

- Lặp đi lặp lại 4 lần thể hiện những hành động của Tú Uyên khi không thể không nghĩ về người thiếu nữ đó. Chàng nhớ nàng chỉ nghĩ thôi chưa đủ, phải “gảy nên khúc đàn tranh” mong nàng nghe được tấm chân tình này, giống như cô gái Văn Quân khi nghe được tiếng đàn “Cầu hoàng” của Tương Như nên phải lòng đi theo. Phải mượn men say của “chén rượu đào” để thổ lộ tâm tư thầm kín hay chính là “mượn rượu để tỏ tình”. Tú Uyên mong được uống với nàng chén “ngọc giao” để kết duyên đôi lứa.

**Câu 3**:

Đặc điểm truyện thơ trong văn bản

**- Về yếu tố tự sự**: đoạn trích xoay quanh câu chuyện của chàng Tú Uyên sau khi gặp thiếu nữ xinh đẹp đã về nhà tương tư, thầm nhớ nhung.

**- Về yếu tố trữ tình**: truyện tập trung bộc lộ yếu tố đó thông qua tâm trạng của nhân vật Tú Uyên. Đoạn trích là dòng tâm trạng, cảm xúc, giúp chúng ta đi sâu vào thế giới của những suy tư, nỗi niềm tâm trạng tương tư của nhân vật trong tình yêu. Ngoài ra, chất trữ tình còn được bộc lộ qua khung cảnh thiên nhiên. Việc xuất hiện của thiên trong truyện thơ được gắn chặt với việc thể hiện tâm tình nhân vật.

**Câu 4**:

**\*Giống:**

- Đều là nỗi tương tư, nhớ mong

- Đều thể hiện nỗi nhớ “canh cánh” trong lòng

**\*Khác**

*- Tú Uyên*

+ Ngẩn ngơ nhớ về người đẹp

+ Không thể gặp lại khiến Tú Uyên ngày càng nhớ mong

*- Kim Trọng*

+ Nhớ đến sầu muộn

+ Cảm thấy một ngày dài như “ba thu”, mong chờ để được gặp người yêu

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 5**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

Lược dẫn: Tú Uyên là một thư sinh nghèo, cha mẹ mất sớm. Một lần đến Bích Câu, thấy phong cảnh đẹp chàng bèn làm nhà ở đấy để học. Một hôm nhân tiết xuân, Tú Uyên đi chơi hội chùa Ngọc Hồ, nhặt được một chiếc "lá hồng" có đề một câu thơ. Chàng định họa lại thì thấy một thiếu nữ tuyệt đẹp xuất hiện trước cửa tam quan. Cô gái ấy là Giáng Kiều, một nàng tiên giáng trần. Đoạn trích dưới đây nói về cuộc gặp gỡ ấy.

*Thấy người trước cửa tam quan*​

*Theo sau ba bảy con hoàn nhởn nhơ*​

*Lạ lùng con mắt người thơ*

*Hoa còn phong nhụy, trăng vừa tròn gương*​

*Rành rành xuyến ngọc thoa vàng*

*Quần Nghê tha thướt, sóng Tương rườm rà*

*Mỉa chiều nét ngọc làn hoa*

*Cá chìm mặt nước, nhạn sa lưng trời*

*Gần xem vẻ mặt thêm tươi*​

*Mùi hương thoang thoảng thơm rơi ít nhiều*​

*Làn thu lóng lánh đưa theo*

*Não người nhăn chút lông nheo cũng tình*​

*Vốn mang cái bệnh Trương sinh*​

*Gặp người nghiêng nước nghiêng thành biết sao?*​

*Đưa tình một nét sóng đào*​

*Dẫu lòng sắt đá cũng xiêu, lọ người*​

*Nhân duyên ví chẳng tự trời*​

*Từ lang chưa dễ lạc vời non tiên.*​

(Trích *Bích Câu kì ngộ*, Thi Nham Đinh Gia Thuyết đính chính và chú thích, *Cổ văn Việt Nam,* 1952)  
**Chú thích**

*Trương sinh* **:** Trương Quân Thụy dan díu với nàng Thôi Oanh Oanh (Tây sương ký), ý nói kẻ si tình.

*Từ lang*: Từ Thức, người Tống Sơn, Thanh Hóa, đời nhà Trần làm tri huyện Tiên Du, đi xem hội mẫu đơn chùa Phật Tích (Bắc Ninh), gặp một nữ lang lỡ tay bẻ gẫy cành hoa, bị nhà chùa giữ lại bắt đền, Từ thương tình cởi áo ra chuộc cho về. Sau Từ thôi quan về quê, qua Nga Sơn gặp lại nữ lang, tức tiên nữ Giáng Hương. Nay ở Nga Sơn còn một cửa hang gọi là động Từ Thức, tương truyền là nơi Từ Thức gặp tiên.

**Câu 1.** Xác định thể thơ của văn bản trên?  
**Câu 2.** Nêu phương thức biểu đạt của đoạn trích?  
**Câu 3** . Chỉ ra các từ láy được sử dụng trong văn bản?  
**Câu 4** . Câu thơ *Hoa còn phong nhụy, trăng vừa tròn gương* có ý nghĩa gì?  
**Câu 5.** Tác giả sử dụng bút phápnghệ thuật nào khi miêu tả vẻ đẹp của nàng Giáng Kiều? Nêu tác dụng của bút pháp nghệ thuật đó?  
**Câu 6:** Việc sử dụng các điển tích trong đoạn trích Bích câu kỳ ngộ nhằm mục đích gì?  
**Câu 7.** Nhận xét về tình cảm của chàng Tú Uyên trong lần đâu gặp gỡ người đẹp?  
**Câu 8.** Từ nội dung của đoạn trích trên, anh/chị hãy cho biết thế nào là "người đẹp trong tranh" hay "người đẹp như tranh"? Hãy chia sẻ tưởng tượng của mình về hình ảnh người đẹp bước ra từ bức tranh?  
**GỢI Ý ĐÁP ÁN**  
**Câu 1:**  
Thể thơ lục bát  
**Câu 2:**  
Phương thức: Miêu tả, biểu cảm, tự sự  
**Câu 3:**  
Từ láy: Nhởn nhơ, tha thướt, rành rành, thoảng, lóng lánh, rườm rà  
**Câu 4:**  
Chỉ người con gái trinh nguyên, xuân thì, e ấp, có vẻ đẹp thanh thoát.  
**Câu 5:** Biện pháp ước lệ tương trưng  
Tác dụng:  
- Tăng sự sinh động, hấp dẫn cho lời thơ, giúp câu thơ cô đọng, hàm xúc  
- Nhấn mạnh vào sự say mê, si tình của Tú Uyên trước vẻ đẹp như tiên, như mộng của Giáng Kiều.  
**Câu 6:**  
Việc sử dụng các điển tích trong đoạn trích khiến cho chúng ta dễ dàng liên tưởng, khái quát về một vấn đề được nhắc tới trong văn bản. Không chỉ vậy, việc sử dụng điển tích còn khiến cho đoạn ăn trở nên giàu cảm xúc hơn, dễ gây ấn tượng với người đọc.  
**Câu 7:**  
Chàng Tú Uyên vô cùng say mê, bị hút hồn bởi vẻ đẹp như tiên nữ của Giáng Kiều, chàng như ngây dại trước vẻ đẹp nghiêng nước, nghiêng thành của nàng từ ánh mắt, đến dáng điệu..  
**Câu 8:**  
Người đẹp như tranh hay người đẹp trong tranh là nhận định để so sánh về vẻ đẹp xuất chúng, nghiêng nước nghiêng thành, dung mạo xuất thần, đẹp tựa như những qui chuẩn của tranh vẽ.  
- Hình ảnh người đẹp bước ra từ bức tranh theo tưởng tượng là vẻ đẹp tuyệt trần, hiếm có.

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 6**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện theo các yêu cầu:  
Lược dẫn:** Tú Uyên là một thư sinh nghèo, cha mẹ mất sớm. Một lần đến Bích Câu, thấy phong cảnh đẹp chàng bèn làm nhà ở đấy để học. Một hôm nhân tiết xuân, Tú Uyên đi chơi hội chùa Ngọc Hồ, nhặt được một chiếc "lá hồng" có đề một câu thơ. Chàng định họa lại thì thấy một thiếu nữ tuyệt đẹp xuất hiện trước cửa tam quan. Cô gái ấy là Giáng Kiều, một nàng tiên giáng trần. Đoạn trích dưới đây nói về cuộc gặp gỡ ấy.

***Thấy người trước cửa tam quan***  
*Theo sau ba bảy con hoàn nhởn nhơ*  
*Lạ lùng con mắt người thơ*  
*Hoa còn phong nhụy, trăng vừa tròn gương*  
*Rành rành xuyến ngọc thoa vàng*  
*Quần Nghê tha thướt, sóng Tương rườm rà*  
*Mỉa chiều nét ngọc làn hoa*  
*Cá chìm mặt nước, nhạn sa lưng trời*  
*Gần xem vẻ mặt thêm tươi*  
*Mùi hương thoang thoảng thơm rơi ít nhiều*  
*Làn thu lóng lánh đưa theo*  
*Não người nhăn chút lông nheo cũng tình*  
*Vốn mang cái bệnh Trương sinh*  
*Gặp người nghiêng nước nghiêng thành biết sao?*  
*Đưa tình một nét sóng đào*  
*Dẫu lòng sắt đá cũng xiêu, lọ người*  
*Nhân duyên ví chẳng tự trời*  
*Từ lang chưa dễ lạc vời non tiên.*​

**(Trích** ***Bích Câu kì ngộ*** **, Thi Nham Đinh Gia Thuyết đính chính và chú thích,** ***Cổ văn Việt Nam,*** **1952)**  
**Chú thích**:  
(1) *Trương sinh*: Trương Quân Thụy dan díu với nàng Thôi Oanh Oanh (Tây sương ký), ý nói kẻ si tình.  
(2) *Từ lang*: Từ Thức, người Tống Sơn, Thanh Hóa, đời nhà Trần làm tri huyện Tiên Du, đi xem hội mẫu đơn chùa Phật Tích (Bắc Ninh), gặp một nữ lang lỡ tay bẻ gẫy cành hoa, bị nhà chùa giữ lại bắt đền, Từ thương tình cởi áo ra chuộc cho về. Sau Từ thôi quan về quê, qua Nga Sơn gặp lại nữ lang, tức tiên nữ Giáng Hương. Nay ở Nga Sơn còn một cửa hang gọi là động Từ Thức, tương truyền là nơi Từ Thức gặp tiên.

**Trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1: Phương thức biểu đạt của đoạn trích là:**

A: Miêu tả, biểu cảm, tự sự  
B. Nghị luận, miêu tả  
C. Tự sự, nghị luận  
D. Biểu cảm, nghị luận.  
**Câu 2. Thể thơ được sử dụng trong đoạn trích trên là?**  
A. Tự do  
B. Lục bát  
C. Song thất lục bát  
D. Thất ngôn bát cú Đường luật  
**Câu 3. Đoạn trích trên sử dụng người kể chuyện ở ngôi thứ mấy?**  
A. Ngôi thứ nhất  
B. Ngôi thứ hai  
C. Ngôi thứ ba  
D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba  
**Câu 4. Đề tài của đoạn trích trên là:**  
A. Hôn nhân  
B. Gặp gỡ  
C. Đoàn tụ  
D. Chia li  
**Câu 5. Câu chuyện trên được kể từ điểm nhìn của nhân vật nào?**  
A. Nhân vật chàng trai  
B. Nhân vật cô gái  
C. Nhân vật ẩn danh  
D. Cả A và C  
**Câu 6. Phát biểu nào sau đây nói về cảm xúc của chàng trai khi nhìn thấy cô gái?**  
A. Hồi hộp  
B. Ngạc nhiên  
C. Buồn bã  
D. Say đắm  
**Câu 7. Tác giả sử dụng bút pháp nào sau đây khi miêu tả cô gái?**  
A. Bút pháp ước lệ  
B. Bút pháp tả thực  
C. Bút pháp tả cảnh ngụ tình  
D. Bút pháp chấm phá  
**Câu 8. Phát biểu nào sau đây nói về nội dung khái quát của đoạn trích?**  
A. Nỗi buồn của chàng trai khi phải xa người mình yêu dấu  
B. Tình yêu say đắm của chàng trai và cô gái  
C. Cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa chàng trai và cô gái  
D. Sự say đắm của chàng trai trước vẻ đẹp của cô gái  
**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:**  
**Câu 9. Câu thơ "Cá chìm mặt nước, nhạn sa lưng trời" lấy ý từ câu thành ngữ nào?**  
**Câu 10. Bạn có nhận xét gì về nhân vật chàng trai trong đoạn trích trên?**  
**Câu 11. Bạn hãy lí giải vì sao tác giả gọi cuộc gặp gỡ nói trên của chàng trai và cô gái là một cuộc kì ngộ?**  
**Gợi ý đáp án  
Câu 1: A** . Miêu tả, biểu cảm, tự sự  
**Câu 2. B** Lục bát  
**Câu 3. C** Ngôi thứ ba  
**Câu 4. B** Gặp gỡ  
**Câu 5. C** Nhân vật ẩn danh  
**Câu 6. D** Say đắm  
**Câu 7. A** Bút pháp ước lệ  
**Câu 8. D** Sự say đắm của chàng trai trước vẻ đẹp của cô gái.  
**Câu 9**  
Câu thơ "Cá chìm mặt nước, nhạn sa lưng trời" lấy ý từ câu thành ngữ "chim sa cá lặn".  
**Câu 10**  
Nhận xét về nhân vật chàng trai trong đoạn trích: Đó là một chàng trai si tình. Khi gặp cô gái, chàng đã ngay lập tức đắm đuối trước vẻ đẹp của cô gái, và cũng ngay lập tức đem lòng yêu cô gái.  
**Câu 11:**  
Cuộc gặp gỡ trên được gọi là một cuộc kì ngộ (cuộc gặp gỡ kì lạ) vì:  
– Cô gái ở đây là một nàng tiên giáng trần  
– Vừa gặp họ đã đem lòng yêu nhau, như đã có duyên tiền định.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**TUẦN …. - Tiết: ....**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CÁCH DẪN TRỰC TIẾP, CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- HS nhận biết và thấy được tác dụng chủ yếu của cách dẫn trực tiếp và gián tiếp.

**II. Phẩm chất**

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,  - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của cách dẫn trực tiếp và gián tiếp  **Câu hỏi:**  - Em hãy nêu lại một số kiến thức chung về cách dẫn trực tiếp và gián tiếp  -Em hãy nêu 1 số vd về cách dẫn trực tiếp và gián tiếp mà em biết.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức**  **Kiến thức cần nhớ**  **Có hai cách dẫn lời nói hay ý nghĩ (lời nói bên trong) của một người, một nhân vật:**  **- Dẫn trực tiếp, tức là nhắc lại nguyên vẹn lời nói hay ý nghĩa của người hoặc nhân vật; lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc ghép.**  **- Dẫn gián tiếp, tức là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật, có điều chỉnh cho thích hợp; lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép.** | * + 1. **CỦNG CỐ TRI THỨC**   **TÀI LIỆU CỦA GV CUNG CẤP THÊM**  **1**. **Lời dẫn trực tiếp** ***\** Lời dẫn trực tiếp là gì?** Lời dẫn trực tiếp là một phương pháp trong việc trích dẫn thông tin mà không thay đổi nội dung hoặc cách diễn đạt của người nói. Điều này đảm bảo rằng những gì được trích dẫn lại là chính xác và chính thống, không bị biến tấu hay thêm vào ý của người trích dẫn.  Lời dẫn trực tiếp thường được sử dụng trong lĩnh vực báo chí, truyền thông, phóng sự, các bài phát biểu hoặc trong việc trích dẫn lại trong các tài liệu nghiên cứu. Phương pháp này giúp truyền tải thông tin một cách chính xác và không bị biến tấu.  Khi sử dụng lời dẫn trực tiếp, người viết hoặc người nói cần phải chú ý đến việc trích dẫn đầy đủ và chính xác để tránh hiểu lầm hoặc thêm vào ý của mình. Nếu có sự thay đổi hoặc chỉnh sửa trong lời nói ban đầu, thì nên sử dụng lời dẫn gián tiếp thay vì lời dẫn trực tiếp.  Lời dẫn trực tiếp đóng vai trò quan trọng trong việc truyền đạt sự chính xác và độ tin cậy trong truyền thông và nghiên cứu. Việc sử dụng phương pháp này đòi hỏi sự tỉ mỉ và cẩn trọng trong việc trích dẫn để đảm bảo rằng người đọc hoặc người nghe hiểu đúng ý của người được trích dẫn và không gây hiểu lầm.   \* **Dấu hiệu nhận biết lời dẫn trực tiếp**  Dấu hiệu nhận biết lời dẫn trực tiếp rất đơn giản và dễ nhận thấy. Để nhận biết một lời dẫn trực tiếp, bạn chỉ cần chú ý đến một số đặc điểm quan trọng. Thông thường, một lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép và theo sau là dấu hai chấm.  Khi bạn đọc một câu chứa lời dẫn trực tiếp, hãy tìm dấu ngoặc kép đầu tiên xuất hiện trong câu. Đây là dấu mở để chỉ ra rằng một lời dẫn trực tiếp sắp được trích dẫn. Sau dấu ngoặc kép, bạn sẽ thấy dấu hai chấm, thường được sử dụng để ngăn cách giữa phần lời dẫn và phần được trích dẫn. Dấu hai chấm này giúp tạo ra một sự rõ ràng và chính xác trong việc trình bày lời dẫn.  Ví dụ:  Người nói: "Tôi rất hạnh phúc về thành tích đạt được." Lời dẫn trực tiếp: Người nói cho biết: "Tôi rất hạnh phúc về thành tích đạt được."  Trong ví dụ trên, dấu ngoặc kép đầu tiên " là dấu mở cho thấy rằng một lời dẫn trực tiếp sẽ được trích dẫn. Sau đó, dấu hai chấm : xuất hiện để ngăn cách giữa phần lời dẫn "Người nói cho biết" và phần được trích dẫn "Tôi rất hạnh phúc về thành tích đạt được."  Sử dụng dấu ngoặc kép và dấu hai chấm trong lời dẫn trực tiếp có vai trò quan trọng trong việc định rõ và phân biệt phần được trích dẫn. Điều này giúp người đọc hoặc người nghe nhận ra được phần nào là lời dẫn và phần nào là lời nói của người được trích dẫn. **\* Tác dụng của lời dẫn trực tiếp** Lời dẫn trực tiếp có nhiều tác dụng quan trọng trong việc truyền tải thông tin và ý nghĩa của một câu nói hoặc một bài phát biểu. Dưới đây là một số tác dụng của lời dẫn trực tiếp:  - Truyền tải thông tin chính xác: Lời dẫn trực tiếp giúp tái hiện chính xác những gì người nói đã nói và truyền đạt thông điệp của họ một cách chính xác. Điều này giúp người đọc hoặc người nghe hiểu rõ hơn về ý kiến hoặc thông tin được truyền tải. Thay vì diễn đạt điều gì đó theo cách của mình, người viết hoặc người nói có thể trích dẫn trực tiếp lời nói của người khác để đảm bảo sự chính xác và trung thực.  Ví dụ: Trích dẫn trực tiếp từ một bài phát biểu: "Chúng ta phải hành động ngay lập tức để bảo vệ môi trường. Không có thời gian để chần chừ nữa", tuyên bố mạnh mẽ của nhà hoạt động môi trường.  - Tăng tính chân thật và sống động: Lời dẫn trực tiếp giúp đưa người đọc hoặc người nghe đến gần hơn với người nói, tạo ra một cảm giác sống động và chân thật về nội dung được truyền tải. Thay vì chỉ nghe về ý kiến của người nói, lời dẫn trực tiếp cho phép người đọc hoặc người nghe trải nghiệm trực tiếp cảm xúc, giọng điệu và phong cách của người nói.  Ví dụ: "Tôi rất hạnh phúc và tự hào về thành tích của chúng ta!" nhà lãnh đạo tuyên bố với một nụ cười hân hoan trên môi. 2. Lời dẫn gián tiếp**\* Lời dẫn gián tiếp là gì?** Lời dẫn gián tiếp, trong viết văn và diễn đạt, là phương pháp truyền tải ý kiến, suy nghĩ hoặc thông tin của người hoặc nhân vật một cách không trực tiếp. Thay vì trích dẫn chính xác những gì người nói đã nói, lời dẫn gián tiếp được sử dụng để nêu lại ý nghĩ của người đó theo một cách tương đối hoặc đã điều chỉnh để phù hợp với ngữ cảnh của đoạn văn.  Lời dẫn gián tiếp giúp truyền tải thông điệp một cách linh hoạt và sáng tạo hơn. Nó cho phép người viết hoặc người nói sử dụng ngôn từ và cấu trúc câu của mình để tái hiện ý kiến hoặc tuyên bố một cách tinh tế và phù hợp với ngữ cảnh. Điều này đặc biệt hữu ích khi diễn đạt ý kiến của người khác trong các bài viết, báo cáo hoặc cuộc phỏng vấn.  Một ví dụ về lời dẫn gián tiếp là khi người nói ban đầu nói: "Tôi không thể tham gia buổi họp sáng mai vì lịch trình của tôi đã đầy." Lời dẫn gián tiếp có thể được sử dụng như sau: Người đó cho biết rằng họ sẽ không tham gia buổi họp sáng mai do lịch trình của họ đã bận rộn.  Lời dẫn gián tiếp cũng cho phép người viết hoặc người nói thể hiện sự sáng tạo và phong cách riêng của mình trong việc tái hiện ý kiến hoặc tuyên bố của người khác. Bằng cách sử dụng từ ngữ, ngữ điệu và cấu trúc câu riêng, người viết hoặc người nói có thể tạo ra một cảm giác sống động và chân thực hơn về ý kiến của người đó. Điều này giúp tạo ra sự kết nối và tương tác với người đọc hoặc người nghe.  Ví dụ, lời dẫn gián tiếp của một câu nói có thể được biến đổi như sau: "Người đó nói rằng anh ta cảm thấy rất vui mừng và tự hào về thành tựu của chúng ta." Ở đây, người viết đã sử dụng ngôn ngữ và cấu trúc câu riêng để tái hiện ý kiến của người đó một cách phù hợp với ngữ cảnh và phong cách của bài viết.  Lời dẫn gián tiếp cũng không yêu cầu sử dụng dấu ngoặc kép như trong lời dẫn trực tiếp. Thay vào đó, chúng được tích hợp vào câu văn một cách tự nhiên, giúp tạo ra một dòng chảy liền mạch và góp phần vào sự thống nhất của văn bản.  Tóm lại, lời dẫn gián tiếp là một công cụ linh hoạt và sáng tạo để truyền tải ý kiến hoặc tuyên bố của ngườihoặc nhân vật một cách không trực tiếp trong viết văn và diễn đạt. Chúng cho phép người viết sử dụng ngôn từ và cấu trúc câu của mình để tái hiện ý nghĩ của người đó theo một cách điều chỉnh và phù hợp với ngữ cảnh. Lời dẫn gián tiếp giúp truyền tải thông điệp linh hoạt và sáng tạo hơn, đồng thời cho phép người viết tự thể hiện phong cách riêng và tạo sự kết nối với độc giả.  **\* Dấu hiệu của lời dẫn gián tiếp**  Khác với lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp không yêu cầu đặt trong dấu ngoặc kép và có thể được tích hợp một cách tự nhiên vào văn bản chính. Thay vì trích dẫn chính xác những gì người nói đã nói, lời dẫn gián tiếp cho phép chúng ta điều chỉnh và thay đổi ý kiến một cách hài hòa với nội dung văn bản.  **\* Tác dụng lời dẫn gián tiếp**  Lời dẫn gián tiếp có tác dụng quan trọng trong [giao tiếp](https://luatminhkhue.vn/loi-dan-truc-tiep-la-gi.aspx) và viết văn. Dưới đây là một số tác dụng chính của lời dẫn gián tiếp:  Truyền đạt thông tin: Lời dẫn gián tiếp giúp truyền đạt thông tin từ nguồn gốc đến người nghe hoặc đọc một cách trung thực và chính xác. Thay vì trích dẫn trực tiếp, người sử dụng lời dẫn gián tiếp sẽ tái hiện lại ý kiến, suy nghĩ hoặc câu chuyện của người khác bằng cách sử dụng từ ngữ và ngữ cảnh riêng của mình.  Thể hiện sự suy nghĩ và phân tích: Lời dẫn gián tiếp cho phép người sử dụng thể hiện quan điểm, suy nghĩ và phân tích cá nhân về nội dung được truyền đạt. Bằng cách sử dụng lời dẫn gián tiếp, người sử dụng có thể đưa ra nhận định, đánh giá và đưa ra luận điểm của mình về vấn đề mà họ đang bàn luận.  Tạo sự tương tác và tiếp thu: Lời dẫn gián tiếp khuyến khích sự tương tác và tiếp thu thông tin. Người nghe hoặc đọc có thể tương tác và đưa ra câu hỏi, ý kiến hoặc phản biện với lời dẫn gián tiếp, tạo nên một cuộc trao đổi ý kiến đầy đủ hơn. Điều này thúc đẩy sự hiểu biết và sự phát triển của cả người nói và người nghe.  Tạo sự linh hoạt trong ngôn ngữ: Lời dẫn gián tiếp cho phép sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và sáng tạo hơn. Người sử dụng có thể tuỳ chỉnh và thay đổi cấu trúc câu, từ ngữ và ngữ cảnh để thích nghi với mục đích và người nghe hoặc đọc.  Tạo sự tinh tế và đa dạng trong diễn đạt: Lời dẫn gián tiếp cho phép người sử dụng diễn đạt thông tin một cách tinh tế và đa dạng hơn. Thay vì chỉ trích dẫn một cách trực tiếp, lời dẫn gián tiếp cho phép sử dụng các phương pháp diễn đạt khác nhau như mô tả, so sánh, ví dụ và tường thuật để làm cho thông tin trở nên thú vị và hấp dẫn hơn.  Tóm lại, lời dẫn gián tiếp có tác dụng truyền đạt thông tin, thể hiện suy nghĩ và phân tích, tạo sự tương tác và tiếp thu, tạo sự linh hoạt trong ngôn ngữ và tạo sự tinh tế và đa dạng trong diễn đạt. 3. Ví dụ về lời dẫn gián tiếp và lời dẫn trực tiếp Dưới đây là một ví dụ về lời dẫn gián tiếp và lời dẫn trực tiếp:  Lời dẫn trực tiếp:  Người nói A: "Tôi rất mệt sau một ngày làm việc căng thẳng."  Người nói B: "Tôi cũng rất mệt sau một ngày làm việc căng thẳng."  Lời dẫn gián tiếp:  Người nói A: "Tôi nói rằng tôi rất mệt sau một ngày làm việc căng thẳng."  Người nói B: Người nói A nói rằng anh ta cũng rất mệt sau một ngày làm việc căng thẳng.  Trong ví dụ trên, lời dẫn trực tiếp trích dẫn chính xác những gì người nói A nói, trong khi lời dẫn gián tiếp tái hiện lại ý kiến của người nói A bằng cách sử dụng từ ngữ và ngữ cảnh riêng của người nói B. Lời dẫn trực tiếp thường được sử dụng khi muốn trích dẫn chính xác ý kiến hoặc phát biểu của người khác, trong khi lời dẫn gián tiếp thường được sử dụng khi muốn tái hiện lại ý kiến một cách tự nhiên và sáng tạo.  **PHẦN CHỐT CỦA GV TRÊN BẢNG**  **Có hai cách dẫn lời nói hay ý nghĩ (lời nói bên trong) của một người, một nhân vật:**  **- Dẫn trực tiếp, tức là nhắc lại nguyên vẹn lời nói hay ý nghĩa của người hoặc nhân vật; lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc ghép.**  **- Dẫn gián tiếp, tức là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật, có điều chỉnh cho thích hợp; lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép.** |

**HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP**

**1. Mục tiêu**:

- HS biết giải quyết được các dạng bài tập

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| - GV phát các phiếu bài tập cho hs  - HS nhận phiếu  - GV tổ chức và hướng dẫn hs thực hiện việc giải quyết các bài tập  - HS thực hiện theo hướng dẫn; Báo cáo sản phẩm đã thực hiện  - GV đánh giá và chốt kiến thức | - BÀI LÀM CỦA HS  - ĐÁP ÁN CỦA GV |

**Bài tập 1: Làm việc cá nhân.**

Bài 1:

Tìm lời dẫn cho những đoạn trích sau, cho biết đó là lời nói hay ý nghĩa được dẫn, là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp?

a, Họa sĩ nghĩ thầm: “Khách tới bất ngờ chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”. Ông rất ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng đất, thấy người con trai đang hái hoa. Cô kĩ sư chỉ “ô” lên một tiếng! Sau gần hai ngày, qua ngót bốn trăm cây số đường cách dài xa Hà Nội…

b, Anh Nhuận Thổ nói:

- Lạy cụ ạ! Thư cụ con đã nhận được, biết ông có về chơi, thật mừng quá!

Mẹ tôi vui vẻ nói:

- Ấy, sao lại khách tình thế! Chẳng phải là trước kia, vẫn gọi nhau bằng anh em thế cơ mà? Cứ goi là anh Tấn như trước thôi!

Bài 2: Hãy chuyển đoạn trích sau trở thành lời dẫn gián tiếp:

a, Chưa đến bực cửa, ông lão đã bô bô:

- Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên đây cải chính, ông ấy cho biết… cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn sai sự mục đích cả.

b, Anh Sáu cứ vẫn ngồi im. Tôi dọa nó:

- Cơm mà nhão, mà cháu về thế nào cũng bị đòn. Sao cháu không gọi ba cháu. Cháu gọi một tiếng “ba” không được sao?

**Gợi ý:**

Bài 1:

a, Lời dẫn gián tiếp.

Tác giả dẫn ra suy nghĩ, lời nói của nhân vật

b, Lời dẫn trực tiếp

Các nhân vật tự thể hiện lời nói, suy nghĩ của mình.

**Bài tập 2: Làm việc cá nhân.**

**Bài 2: Đọc các đoạn trích dưới đây và nhận xét về phần in đậm:**

(1) Cháu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. ấy thế mà một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: **“Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”**

(2) Hoạ sĩ nghĩ thầm: **“Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu không kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”.**

(Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)

b) So sánh phần in đậm ở đoạn trích (1) và (2) rồi trả lời câu hỏi:

- Phần in đậm trong đoạn trích (1) là lời nói hay ý nghĩ? Dựa vào đâu để nhận biết được điều này? Bộ phận bày được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng dấu gì?

- Phần in đậm trong đoạn trích (2) là lời nói hay ý nghĩ? Dựa vào đâu để nhận biết được điều này? Bộ phận này được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng dấu gì?

Gợi ý: Phần in đậm ở đoạn trích (1) là lời nói của nhân vật (có chỉ dẫn “Cháu nói” trong lời của người dẫn); ở đoạn trích (2) là ý nghĩ của nhân vật (có chỉ dẫn “Hoạ sĩ nghĩ thầm” trong lời của người dẫn). Nội dung dẫn (in đậm) được đặt trong dấu ngoặc kép, và ngăn cách với phần lời dẫn bằng dấu hai chấm.

c) Thử thay đổi vị trí giữa phần in đậm và bộ phận đứng trước nó (trong cùng một câu với phần in đậm) trong hai đoạn trích và cho biết có thể thay đổi như thế được không? Nếu thay đổi thì cần có dấu gì để ngăn cách giữa chúng?

Gợi ý: Có thể thay đổi vị trí trước – sau giữa phần lời nói hay ý nghĩ được dẫn và phần lời dẫn, nếu phần lời dẫn đứng sau thì phải thay dấu hai chấm bằng dấu phảy hoặc dấu gạch ngang. Ví dụ:

“Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu không kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn” - hoạ sĩ nghĩ thầm.

**Bài tập số 3**

a) Đọc và nhận xét phần in đậm trong hai đoạn trích sau:

(3) [… Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu.] Lão khuyên nó **hãy dằn lòng bỏ đám này, để dùi dắng lại ít lâu, xem có đám nào khá mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu; chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ.**

(Nam Cao, Lão Hạc)

(4) Nhưng chớ hiểu lầm rằng **Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao kiểu nhà hiền triết ẩn dật.**

(Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại)

b) So sánh phần in đậm ở hai đoạn trích và cho biết:

- Phần in đậm ở đoạn trích (3) là lời nói hay ý nghĩ? Dựa vào đâu để nhận biết được điều này? Bộ phận in đậm có được ngăn cách với bộ phận đứng trước nó bằng dấu gì không?

- Phần in đậm ở đoạn trích (4) là lời nói hay ý nghĩ? Dựa vào đâu để nhận biết được điều này? Bộ phận in đậm có được ngăn cách với bộ phận đứng trước nó bằng dấu gì không?

Gợi ý: Phần in đậm ở đoạn trích (3) là lời nói (dựa vào câu trước và từ khuyên trong bộ phận lời người dẫn để nhận biết) được thuật lại; ở đoạn trích (4) là ý nghĩ (dựa vào từ hiểu trong bộ phận lời dẫn) được thuật lại. Giữa nội dung (lời nói hay ý nghĩ) được dẫn với lời người dẫn trong kiểu lời dẫn gián tiếp này không có dấu câu để ngăn cách. Người ta có thể sử dụng từ rằng hoặc là để ngăn cách giữa hai bộ phận (lời người dẫn và nội dung được dẫn) trong câu dẫn gián tiếp.

**Bài tập số 4: Các đoạn trích dưới đây là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp? Nội dung được dẫn ra trong mỗi đoạn trích là lời nói hay ý nghĩ?**

(a) Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?”

(Nam Cao, Lão Hạc)

(b) Sau khi thằng con đi, lão tự bảo rằng: “Cái vườn là của con ta. Hồi còn mồ ma mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu. Hồi ấy, mọi thức còn rẻ cả…”.

(Nam Cao, Lão Hạc)

Gợi ý: Cả hai đoạn trích đều là cách dẫn trực tiếp. Ở đoạn trích (a), nội dung dẫn được dẫn ra là lời. Ở đoạn trích (b), nội dung dẫn ra là ý. Lời và ý ở hai đoạn trích này đều được dẫn lại nguyên văn.

**Bài tập số 5: Hãy viết một đoạn văn có trích dẫn một trong ba ý kiến dưới đây theo cách dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp:**

(a) Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

(Hồ Chí Minh, Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng)

(b) Giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong tác phong, Hồ chủ tịch cũng rất giản dị trong lời nói và bài viết, vì muốn cho nhân dân hiểu được, nhớ được, làm được.

(Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại)

(c) Người Việt Nam ngày nay có lí do đầy đủ và vững chắc để tự hào với tiếng nói của mình.

(Đặng Thai Mai, Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc)

Gợi ý: Chú ý viết lời dẫn cho phù hợp với từng nội dung được dẫn; cách trình bày khác nhau giữa dẫn trực tiếp và dẫn gián tiếp.

Đối với ý (c):

- Dẫn trực tiếp: Nhà nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai từng viết: “Người Việt Nam ngày nay có lí do đầy đủ và vững chắc để tự hào với tiếng nói của mình.”.

- Dẫn gián tiếp: Trong Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc, nhà nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai từng nhấn mạnh rằng người Việt Nam chúng ta ngày nay hoàn toàn có lí do đầy đủ và vững chắc để tự hào về tiếng nói của dân tộc mình.

**Bài tập số 6: Lời của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích dưới đây được thuật lại dưới dạng trực tiếp hay gián tiếp?**

Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hỗn đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn:

- Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, tôi sẽ trở về.

(Nguyễn Dữ, Chuyện người con gái Nam Xương)

Gợi ý: Lời của nhân vật Vũ Nương có được thuật lại nguyên văn không? Nếu là sự thuật lại nguyên văn thì đó là cách dẫn trực tiếp. Như vậy, lời thoại trong truyện (gạch ngang đầu dòng) được dẫn trực tiếp. Đây cũng là kiểu lời dẫn trực tiếp mà chúng ta hay gặp trong các văn bản truyện.

**Bài tập số 7: Hãy viết lại đoạn trích trên theo cách dẫn gián tiếp.**

**Gợi ý:** Nhập vai vào người kể chuyện để dẫn lại lời của nhân vật Vũ Nương theo cách dẫn gián tiếp. Chú ý diễn đạt lại theo ý và thay đổi từ ngữ xưng hô cho phù hợp. Có thể tham khảo:

Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hỗn đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn nói hộ với chàng Trương rằng nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, thì xin lập một đàn giải oan ở bến sông rồi đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, nàng sẽ trở về.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**TUẦN ……- Tiết …..**

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT**

**(TRONG ĐỜI SỐNG CỦA HS HIỆN NAY)**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu thập thông tin, tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- HS nắm được cấu trúc của bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết trong đời sống.

- HS viết được bài văn nghị luận văn học bằng cách nêu vấn đề theo giới hạn nội dung của phần *Viết*, bài viết có bố cục rõ ràng, triển khai các phần hợp lí (có hệ thống luận điểm, sử dụng lí lẽ và bằng chứng làm rõ từng luận điểm), giàu sức thuyết phục.

**II. Phẩm chất**

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**CHỦ ĐỀ CẦN VIẾT THỨ HAI**

**VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT TRONG ĐỜI SỐNG CỦA HỌC SINH HIỆN NAY**

* Khi nêu vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa HS với chính bản thân mình, với bạn bè, gia đình, thầy cô và các mqhxh xã hội cần tường minh hoá bằng câu văn cụ thể để nhận thức đúng bản chất của nó, từ đó mới có thể triển khai bài viết theo đúng yêu cầu.
* Các luận điểm phải làm rõ từng khía cạnh của vấn đề (những khía cạnh thể hiện nhận thức của người viết và khía cạnh đề cập ý kiến trái chiều để phản bác). Phản bác ý kiến trái chiều phải có cơ sở và nhằm mục đích củng cố ý kiến của bản thân.
* Nếu bàn về vấn đề có tính tích cực, cần nêu cách phát huy tác dụng của nó đối với đời sống; nếu bàn về vấn đề có tính tiêu cực, cần đề xuất giải pháp hạn chế. Các giải pháp phải có tính khả thi.

**Thực hành viết theo các bước**

* *Hướng dẫn HS chọn đề tài*: GV lưu ý HS dựa vào nội dung đã nêu trong SHS để tìm đề tài. SHS đã nêu một số đề tài có tính chất gợi ý, HS có thể chọn một trong số đó hoặc tìm đề tài mà mình am hiểu và có hứng thú để viết bài.
* *Hướng dẫn HS tìm ý:* Sau khi HS chọn được đề tài, GV hướng dẫn các em tìm ý bằng cách điền thông tin vào các ô theo mẫu phiếu sau đây:

|  |  |
| --- | --- |
| Vấn đề nào cần được giải quyết? | .........................................................................................  ......................................................................................... |
| Em có ý kiến như thế nào về vấn đề? (*Lí lẽ, bằng chứng*) | .........................................................................................  ......................................................................................... |
| Có ý kiến trái chiều nào cần phản bác? Phải phản bác như thế nào?  (*Lí lẽ, bằng chứng*) | .........................................................................................  ......................................................................................... |
| Cần có giải pháp nào để giải quyết vấn đề? | .........................................................................................  ......................................................................................... |

* *Hướng dẫn HS lập dàn ý*: Từ kết quả tìm ý của HS, GV nhận xét, chỉnh sửa, bổ sung; cho HS sắp xếp các ý đã ghi chép vào các phần của bài viết (Mở bài, Thân bài, Kết bài) theo trật tự hợp lí để hoàn thành dàn ý.
* *Hướng dẫn HS viết bài*: HS dựa vào dàn ý để tiến hành viết bài. Cần đọc kĩ bài viết tham khảo để biết cách mở bài, kết bài trong một đoạn văn sao cho gây được ấn tượng. Mỗi luận điểm của phần Thân bài cũng cần được triển khai trong một đoạn văn, tổ chức theo các hình thức linh hoạt (diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp). Điều quan trọng nhất khi viết bài là sử dụng lí lẽ và bằng chứng ở từng luận điểm (khẳng định sự đúng đắn của ý kiến mình nêu hoặc phản bác ý kiến trái chiều) để bài viết giàu sức thuyết phục.
* *Nhận xét về kết quả viết và chỉnh sửa bài viết*
* GV nêu một số nét chung về bài viết của HS (mức độ bám sát yêu cầu viết, bố cục bài viết, cách triển khai các luận điểm, huy động kiến thức, dùng lí lẽ và bằng chứng, cách trình bày, diễn đạt,...), khái quát những mặt mạnh và mặt yếu, hướng dẫn cách khắc phục.
* Hướng dẫn HS sửa bài (căn cứ vào hướng dẫn chỉnh sửa nêu ở SHS, xem lại những chỗ GV đã đánh dấu và nhận xét cụ thể). Khuyến khích HS về nhà viết lại một bản mới, khắc phục những nhược điểm, phát huy ưu điểm của bài viết đã được đánh giá.

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH VIẾT VỀ KIỂU BÀI**

* **1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức
* **2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.
* **3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.
* **4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| - GV phát các phiếu bài tập cho hs  - HS nhận phiếu  - GV tổ chức và hướng dẫn hs thực hiện việc giải quyết các bài tập  - HS thực hiện theo hướng dẫn; Báo cáo sản phẩm đã thực hiện  - GV đánh giá và chốt kiến thức | - BÀI LÀM CỦA HS  - ĐÁP ÁN CỦA GV |

**MỘT SỐ BÀI LÀM THAM KHẢO**

**Đề 1: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Là học sinh, em nghĩ làm thế nào để rèn luyện được kĩ năng quan sát?”**

**Dàn ý**

**I. Mở bài**

- Trong cuộc sống hiện đại, kỹ năng quan sát trở thành một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của mỗi cá nhân. Đặc biệt đối với học sinh, giai đoạn hình thành và phát triển nhân cách, việc rèn luyện kỹ năng này càng trở nên cấp thiết.

- Vậy, học sinh cần làm gì để nâng cao khả năng quan sát của mình?

**II. Thân bài**

**1. Giải thích vấn đề**

- Kỹ năng quan sát là khả năng sử dụng các giác quan để thu thập thông tin về thế giới xung quanh. Nó bao gồm việc chú ý đến những chi tiết nhỏ, nhận biết sự thay đổi, so sánh và đối chiếu thông tin, từ đó đưa ra những nhận định và đánh giá chính xác. Kỹ năng này không chỉ đơn thuần là "nhìn" mà còn là "thấy", là sự kết hợp giữa việc tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin một cách có ý thức.

**2. Phân tích vấn đề**

**- Thực trạng:** Trong xã hội hiện nay, nhiều học sinh đang thiếu hụt kỹ năng quan sát. Thay vì tập trung vào việc quan sát và trải nghiệm thực tế, các bạn trẻ thường dành quá nhiều thời gian cho việc sử dụng điện thoại, máy tính và các thiết bị điện tử khác. Điều này khiến cho khả năng quan sát của các bạn bị hạn chế, dẫn đến việc khó tiếp thu kiến thức mới, thiếu sáng tạo và mất tập trung trong học tập.

**- Nguyên nhân:** Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, bao gồm:

* **Sự phát triển của công nghệ:** Việc tiếp xúc quá nhiều với các thiết bị điện tử khiến cho giới trẻ ít có cơ hội trải nghiệm thực tế, từ đó làm giảm khả năng quan sát.
* **Áp lực học tập:** Chương trình học nặng nề, lịch học dày đặc khiến học sinh không có thời gian để nghỉ ngơi, thư giãn và quan sát thế giới xung quanh.
* **Thiếu sự khuyến khích:** Gia đình và nhà trường chưa chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng quan sát cho học sinh.

**- Vì sao cần giải quyết vấn đề?** Kỹ năng quan sát kém có thể gây ra nhiều hệ lụy tiêu cực cho học sinh, bao gồm:

* **Học tập kém hiệu quả:** Khó tiếp thu kiến thức mới, khó ghi nhớ và vận dụng kiến thức vào thực tế.
* **Thiếu sáng tạo:** Không có khả năng quan sát và phân tích vấn đề một cách toàn diện, dẫn đến việc khó đưa ra những ý tưởng mới.
* **Mất tập trung:** Dễ bị phân tâm bởi những yếu tố bên ngoài, không thể tập trung vào công việc học tập.

**- Ý kiến trái chiều:** Một số người cho rằng trong thời đại công nghệ số, việc rèn luyện kỹ năng quan sát không còn quan trọng nữa. Họ cho rằng chúng ta có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin trên mạng Internet mà không cần phải quan sát thực tế.

**- Phản biện:** Mặc dù công nghệ mang lại nhiều lợi ích, nhưng nó không thể thay thế hoàn toàn cho việc quan sát thực tế. Quan sát giúp chúng ta có cái nhìn trực quan, sinh động và chân thực hơn về thế giới xung quanh, từ đó hiểu rõ bản chất của vấn đề và đưa ra những quyết định đúng đắn.

**3. Giải pháp giải quyết vấn đề**

**Giải pháp 1: Tự rèn luyện thông qua các hoạt động hàng ngày**

* **Người thực hiện:** Học sinh
* **Cách thực hiện:**
  + Quan sát mọi thứ xung quanh một cách có chủ đích và tập trung, từ những chi tiết nhỏ nhất đến những sự kiện lớn hơn.
  + Tập trung vào các chi tiết như màu sắc, hình dạng, âm thanh, mùi vị và cảm xúc của mình khi quan sát.
  + Ghi chép lại những gì mình quan sát được để củng cố trí nhớ và rèn luyện khả năng diễn đạt.
  + Thực hành quan sát trong các tình huống khác nhau như ở trường học, ở nhà, khi đi chơi,...
* **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Sổ tay ghi chép, máy ảnh, điện thoại để ghi lại những gì quan sát được.
* **Phân tích:** Việc tự rèn luyện thông qua các hoạt động hàng ngày giúp học sinh hình thành thói quen quan sát và nâng cao khả năng tập trung.
* **Bằng chứng:** Theo nghiên cứu của Đại học Harvard, việc ghi chép lại những gì mình quan sát được giúp tăng cường trí nhớ và khả năng tư duy lên đến 30%.

**Giải pháp 2: Tham gia các hoạt động ngoại khóa, trò chơi rèn luyện kỹ năng quan sát**

* **Người thực hiện:** Học sinh, giáo viên, phụ huynh
* **Cách thực hiện:**
  + Tham gia các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ khoa học, câu lạc bộ nhiếp ảnh, câu lạc bộ mỹ thuật,...
  + Chơi các trò chơi rèn luyện kỹ năng quan sát như tìm điểm khác biệt, giải đố, xếp hình,...
  + Tham gia các buổi tham quan, dã ngoại để quan sát thiên nhiên, con người và văn hóa.
* **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Các trò chơi, dụng cụ học tập, sách báo, tài liệu về kỹ năng quan sát.
* **Phân tích:** Các hoạt động ngoại khóa, trò chơi giúp học sinh rèn luyện kỹ năng quan sát một cách thú vị và hiệu quả.
* **Bằng chứng:** Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng trẻ em tham gia các hoạt động ngoại khóa có khả năng quan sát tốt hơn so với những trẻ không tham gia.

**Giải pháp 3: Gia đình và nhà trường tạo môi trường khuyến khích việc rèn luyện kỹ năng quan sát**

* **Người thực hiện:** Gia đình, nhà trường
* **Cách thực hiện:**
  + Gia đình khuyến khích con cái quan sát và khám phá thế giới xung quanh thông qua việc đọc sách, xem phim, trò chuyện,...
  + Nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trò chơi giúp học sinh rèn luyện kỹ năng quan sát.
  + Giáo viên lồng ghép các bài tập rèn luyện kỹ năng quan sát vào chương trình học.
* **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Sách báo, phim ảnh, trò chơi, dụng cụ học tập.
* **Phân tích:** Môi trường gia đình và nhà trường có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển kỹ năng quan sát của học sinh.
* **Bằng chứng:** Theo nghiên cứu của UNICEF, trẻ em được lớn lên trong môi trường khuyến khích sự tò mò và khám phá có khả năng quan sát tốt hơn so với những trẻ không được khuyến khích.

**4. Liên hệ bản thân**

- Bản thân tôi cũng đã từng gặp khó khăn trong việc rèn luyện kỹ năng quan sát. Tuy nhiên, nhờ sự kiên trì và nỗ lực, tôi đã dần cải thiện được khả năng này. Tôi thường xuyên tham gia các hoạt động ngoại khóa, đọc sách và viết nhật ký để ghi lại những điều mình quan sát được. Nhờ đó, tôi đã có thể học tập tốt hơn, có nhiều ý tưởng sáng tạo hơn và hiểu rõ bản thân mình hơn.

**III. Kết bài**

- Kỹ năng quan sát là một kỹ năng quan trọng mà mỗi học sinh cần phải rèn luyện. Nó không chỉ giúp chúng ta khám phá thế giới xung quanh một cách sâu sắc hơn mà còn nâng cao khả năng học tập và phát triển bản thân.

- Tôi tin rằng nếu mỗi học sinh đều ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng này và tích cực rèn luyện, chúng ta sẽ có thể đạt được nhiều thành công trong học tập và cuộc sống.

**Bài làm tham khảo**

Trong cuộc sống hiện đại, kỹ năng quan sát trở thành một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của mỗi cá nhân. Đặc biệt đối với học sinh, giai đoạn hình thành và phát triển nhân cách, việc rèn luyện kỹ năng này càng trở nên cấp thiết. Vậy, học sinh cần làm gì để nâng cao khả năng quan sát của mình?

Kỹ năng quan sát là khả năng tiếp nhận, xử lý và phân tích thông tin từ môi trường xung quanh thông qua các giác quan. Đối với học sinh, kỹ năng này đóng vai trò quan trọng trong quá trình học tập và phát triển toàn diện. Quan sát giúp học sinh tiếp thu kiến thức một cách chủ động và sâu sắc hơn. Việc quan sát các hiện tượng, sự vật, con người xung quanh sẽ giúp học sinh hiểu bài học một cách trực quan và sinh động hơn. Hơn nữa, quan sát kích thích sự tò mò, khám phá và sáng tạo của học sinh. Khi quan sát, học sinh sẽ đặt ra những câu hỏi, tìm hiểu nguyên nhân và cách giải quyết vấn đề, từ đó rèn luyện khả năng tư duy phản biện và logic. Không chỉ vậy, kỹ năng quan sát còn là nền tảng để phát triển các kỹ năng khác như giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm,...

**Đề 2: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Làm thế nào để rèn luyện thói quen đọc sách cho học sinh?”**

**Dàn ý**

**I. Mở bài**

Trong thời đại công nghệ số phát triển như vũ bão, việc thu hút học sinh đến với sách, nuôi dưỡng tình yêu đối với từng trang giấy dường như là một thách thức lớn. Tuy nhiên, không thể phủ nhận tầm quan trọng của việc đọc sách đối với sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân, đặc biệt là đối với học sinh – những chủ nhân tương lai của đất nước. Vậy làm thế nào để khơi dậy và nuôi dưỡng thói quen đọc sách cho các bạn? Đây là một vấn đề cấp thiết cần được quan tâm và giải quyết.

**II. Thân bài**

**1. Giải thích vấn đề**

Đọc sách là quá trình tiếp nhận thông tin, kiến thức, tư tưởng, tình cảm được thể hiện qua ngôn ngữ viết. Đọc sách không chỉ giúp mở mang tri thức, bồi dưỡng tâm hồn mà còn rèn luyện tư duy, khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin. Đối với học sinh, đọc sách còn giúp các bạn hoàn thiện nhân cách, phát triển kỹ năng sống, nâng cao khả năng giao tiếp và ứng xử.

**2. Phân tích vấn đề**

**a. Thực trạng:**

Theo một khảo sát gần đây của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ học sinh đọc sách ngoài giờ lên lớp còn rất thấp. Chỉ có khoảng 20% học sinh có thói quen đọc sách thường xuyên, trong khi đó, phần lớn thời gian rảnh của các bạn dành cho việc sử dụng điện thoại thông minh, chơi game và lướt mạng xã hội.

**b. Nguyên nhân:**

* Sự phát triển của công nghệ thông tin và sự hấp dẫn của các phương tiện giải trí hiện đại đã khiến sách trở nên kém hấp dẫn trong mắt học sinh.
* Chương trình học quá tải, áp lực thi cử khiến học sinh không có thời gian dành cho việc đọc sách.
* Sự thiếu quan tâm của gia đình và nhà trường đối với việc khuyến khích học sinh đọc sách.
* Thư viện trường học chưa được đầu tư đúng mức, sách báo chưa phong phú, đa dạng, không đáp ứng được nhu cầu của học sinh.

**c. Hậu quả:**

Nếu tình trạng này không được cải thiện, học sinh sẽ mất đi một kênh quan trọng để tiếp cận tri thức, phát triển tư duy và hoàn thiện nhân cách. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài của các bạn trong tương lai.

**d. Ý kiến trái chiều:**

Một số người cho rằng, trong thời đại công nghệ số, việc đọc sách đã trở nên lỗi thời. Họ cho rằng, học sinh có thể tiếp cận thông tin nhanh chóng và dễ dàng hơn thông qua internet, các phương tiện truyền thông và các khóa học trực tuyến. Tuy nhiên, quan điểm này là hoàn toàn sai lầm. Mặc dù internet và các phương tiện truyền thông có thể cung cấp một lượng lớn thông tin, nhưng không phải thông tin nào cũng chính xác và đáng tin cậy. Hơn nữa, việc đọc sách không chỉ là tiếp nhận thông tin mà còn là quá trình tư duy, phân tích và đánh giá thông tin.

**3. Giải pháp giải quyết vấn đề**

**3.1. Vai trò của bản thân học sinh:**

* **Người thực hiện:** Học sinh.
* **Cách thực hiện:**
  + Tự giác đọc sách mỗi ngày: Dành ít nhất 30 phút mỗi ngày để đọc sách, lựa chọn sách phù hợp với sở thích và trình độ.
  + Tham gia các hoạt động đọc sách: Câu lạc bộ đọc sách, các nhóm đọc sách trực tuyến, các sự kiện đọc sách cộng đồng.
  + Chia sẻ niềm đam mê đọc sách: Giới thiệu sách hay cho bạn bè, viết bài cảm nhận về sách, tham gia các diễn đàn đọc sách.
* **Công cụ hỗ trợ:** Ứng dụng đọc sách, các trang web giới thiệu sách, các nhóm đọc sách trên mạng xã hội.
* **Phân tích:** Học sinh là chủ thể của quá trình học tập, cần có ý thức tự giác và tinh thần chủ động trong việc đọc sách. Khi học sinh yêu thích đọc sách, các bạn sẽ tự tìm tòi, khám phá và tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả.
* **Bằng chứng:** Nhiều học sinh đã đạt thành tích cao trong học tập và cuộc sống nhờ có thói quen đọc sách từ nhỏ. Ví dụ như Bill Gates, Warren Buffett, Mark Zuckerberg đều là những người đam mê đọc sách và coi đó là bí quyết thành công của mình.

**3.2. Vai trò của gia đình:**

* **Người thực hiện:** Cha mẹ, người thân trong gia đình.
* **Cách thực hiện:**
  + Tạo môi trường đọc sách thuận lợi: Thiết kế góc đọc sách ấm cúng, trang bị đầy đủ các loại sách phù hợp với lứa tuổi và sở thích của con.
  + Làm gương cho con: Cha mẹ nên dành thời gian đọc sách mỗi ngày, chia sẻ với con những cuốn sách hay, những câu chuyện ý nghĩa.
  + Khuyến khích và động viên: Khen ngợi khi con đọc sách, cùng con thảo luận về nội dung sách, tạo không khí vui vẻ khi đọc sách.
  + Hạn chế thời gian sử dụng thiết bị điện tử: Quy định thời gian sử dụng hợp lý, khuyến khích con tham gia các hoạt động ngoài trời, vui chơi cùng bạn bè.
* **Công cụ hỗ trợ:** Thẻ thư viện, ứng dụng đọc sách trực tuyến, các câu lạc bộ đọc sách gia đình.
* **Phân tích:** Gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên và quan trọng nhất của trẻ. Cha mẹ có vai trò quyết định trong việc hình thành nhân cách và thói quen của con. Khi cha mẹ yêu sách, coi trọng việc đọc, con cái cũng sẽ tự nhiên noi theo.
* **Bằng chứng:** Theo một nghiên cứu của Đại học Harvard, trẻ em được cha mẹ đọc sách cho nghe từ nhỏ có khả năng đọc viết tốt hơn, vốn từ vựng phong phú hơn và thành tích học tập cao hơn so với những trẻ không được tiếp xúc với sách.

**3.3. Vai trò của nhà trường:**

* **Người thực hiện:** Giáo viên, cán bộ thư viện, ban giám hiệu nhà trường.
* **Cách thực hiện:**
  + Tổ chức các hoạt động đọc sách đa dạng: Cuộc thi kể chuyện theo sách, ngày hội đọc sách, giới thiệu sách mới, thành lập câu lạc bộ đọc sách...
  + Lồng ghép hoạt động đọc sách vào chương trình học: Yêu cầu học sinh đọc sách tham khảo, viết bài cảm nhận, thuyết trình về sách...
  + Xây dựng thư viện thân thiện: Cập nhật sách thường xuyên, tạo không gian đọc sách thoải mái, tổ chức các buổi hướng dẫn sử dụng thư viện.
  + Phối hợp với phụ huynh: Tổ chức các buổi hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm về việc khuyến khích trẻ đọc sách.
* **Công cụ hỗ trợ:** Thư viện điện tử, các phần mềm quản lý thư viện, các trang web giới thiệu sách.
* **Phân tích:** Nhà trường là môi trường giáo dục chính thức, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của học sinh. Khi nhà trường tạo ra môi trường đọc sách tích cực, học sinh sẽ có cơ hội tiếp cận với nhiều loại sách, khám phá thế giới tri thức rộng lớn.
* **Bằng chứng:** Trường THPT Chuyên Hà Nội – Amsterdam đã triển khai chương trình "Sách và Tôi" với nhiều hoạt động đọc sách đa dạng, giúp học sinh hình thành thói quen đọc sách và nâng cao trình độ văn hóa đọc.

**4. Liên hệ bản thân**

Bản thân tôi đã từng là một học sinh không thích đọc sách. Tuy nhiên, nhờ sự khuyến khích của gia đình và thầy cô, tôi đã dần dần tìm thấy niềm vui trong việc đọc sách. Sách đã giúp tôi mở mang tri thức, hiểu biết về thế giới xung quanh, rèn luyện tư duy và hoàn thiện nhân cách. Tôi tin rằng, nếu mỗi học sinh đều được tiếp cận với sách và tìm thấy niềm vui trong việc đọc sách, thì tương lai của đất nước sẽ tươi sáng hơn rất nhiều.

**III. Kết bài**

Việc rèn luyện thói quen đọc sách cho học sinh không chỉ là trách nhiệm của gia đình và nhà trường mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội. Chúng ta cần chung tay xây dựng một môi trường văn hóa đọc lành mạnh, khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận với sách. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể đào tạo ra những thế hệ trẻ có đủ tri thức, kỹ năng và phẩm chất để xây dựng đất nước phồn vinh.

**Bài làm tham khảo**

Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin, giữa muôn vàn phương tiện giải trí hiện đại, sách dường như đang dần mất đi vị thế vốn có của mình, đặc biệt là trong thế giới của những người trẻ tuổi. Tuy nhiên, không thể phủ nhận tầm quan trọng của việc đọc sách đối với sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân, đặc biệt là lứa tuổi học sinh - những mầm non tương lai của đất nước. Vậy làm thế nào để khơi dậy và nuôi dưỡng thói quen đọc sách cho các bạn? Đây là một vấn đề cấp thiết cần được quan tâm và giải quyết.

Đọc sách là một quá trình tương tác tích cực giữa người đọc và tác phẩm. Qua từng trang sách, người đọc không chỉ tiếp thu tri thức, mở mang hiểu biết về thế giới xung quanh mà còn được bồi đắp tâm hồn, nuôi dưỡng những giá trị tinh thần cao đẹp. Đối với học sinh, việc đọc sách còn giúp các bạn rèn luyện tư duy phản biện, khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin, từ đó hình thành một nhân cách hoàn thiện, phát triển kỹ năng sống và nâng cao khả năng giao tiếp, ứng xử.

Tuy nhiên, thực tế đáng buồn là văn hóa đọc trong lứa tuổi học sinh hiện nay đang ở mức báo động. Theo một khảo sát gần đây của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ học sinh đọc sách ngoài giờ lên lớp còn rất thấp. Chỉ có khoảng 20% học sinh có thói quen đọc sách thường xuyên, trong khi phần lớn thời gian rảnh của các bạn dành cho việc sử dụng điện thoại thông minh, chơi game và lướt mạng xã hội.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này. Sự phát triển của công nghệ thông tin và sự hấp dẫn của các phương tiện giải trí hiện đại đã khiến sách trở nên kém hấp dẫn hơn trong mắt các bạn. Chương trình học quá tải, áp lực thi cử cũng là một trong những rào cản lớn khiến các bạn không có thời gian dành cho việc đọc sách. Bên cạnh đó, sự thiếu quan tâm của gia đình và nhà trường, cũng như hệ thống thư viện trường học chưa được đầu tư đúng mức, sách báo chưa phong phú, đa dạng cũng góp phần làm giảm hứng thú đọc sách của học sinh.

Nếu tình trạng này không được cải thiện, học sinh sẽ mất đi một kênh quan trọng để tiếp cận tri thức, phát triển tư duy và hoàn thiện nhân cách. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài của các bạn trong tương lai.

Tuy nhiên, một số người cho rằng, trong thời đại công nghệ số, việc đọc sách đã trở nên lỗi thời. Họ cho rằng, học sinh có thể tiếp cận thông tin nhanh chóng và dễ dàng hơn thông qua internet, các phương tiện truyền thông và các khóa học trực tuyến. Tuy nhiên, quan điểm này là hoàn toàn sai lầm. Mặc dù internet và các phương tiện truyền thông có thể cung cấp một lượng lớn thông tin, nhưng không phải thông tin nào cũng chính xác và đáng tin cậy. Hơn nữa, việc đọc sách không chỉ là tiếp nhận thông tin mà còn là quá trình tư duy, phân tích và đánh giá thông tin.

Vậy, làm thế nào để rèn luyện thói quen đọc sách? Trước hết, bản thân mỗi học sinh cần có ý thức tự giác và tinh thần chủ động trong việc đọc sách. Các bạn cần tự giác đọc sách mỗi ngày, dành ít nhất 30 phút mỗi ngày để đọc sách, lựa chọn sách phù hợp với sở thích và trình độ. Bên cạnh đó, việc tham gia các hoạt động đọc sách như câu lạc bộ đọc sách, các nhóm đọc sách trực tuyến, các sự kiện đọc sách cộng đồng cũng sẽ giúp các bạn mở rộng kiến thức và giao lưu với những người yêu sách khác. Các bạn cũng có thể chia sẻ niềm đam mê đọc sách của mình bằng cách giới thiệu sách hay cho bạn bè, viết bài cảm nhận về sách, tham gia các diễn đàn đọc sách. Ứng dụng đọc sách, các trang web giới thiệu sách, các nhóm đọc sách trên mạng xã hội là những công cụ hỗ trợ đắc lực cho các bạn trong quá trình đọc sách. Nhiều học sinh đã đạt thành tích cao trong học tập và cuộc sống nhờ có thói quen đọc sách từ nhỏ. Ví dụ như Bill Gates, Warren Buffett, Mark Zuckerberg đều là những người đam mê đọc sách và coi đó là bí quyết thành công của mình.

Tiếp theo, không thể không nhắc đến vai trò của gia đình trong việc hình thành thói quen đọc sách cho trẻ. Cha mẹ, người thân trong gia đình chính là những người thầy đầu tiên của con trẻ. Chính vì vậy, cha mẹ cần tạo một môi trường đọc sách thuận lợi cho con, bằng cách thiết kế một góc đọc sách ấm cúng, trang bị đầy đủ các loại sách phù hợp với lứa tuổi và sở thích của con. Hơn thế nữa, cha mẹ hãy là tấm gương cho con cái noi theo bằng cách dành thời gian đọc sách mỗi ngày, chia sẻ với con những cuốn sách hay, những câu chuyện ý nghĩa. Bên cạnh đó, cha mẹ cũng cần khuyến khích và động viên con cái đọc sách, khen ngợi khi con đọc sách, cùng con thảo luận về nội dung sách, tạo không khí vui vẻ khi đọc sách. Đồng thời, cha mẹ cũng cần hạn chế thời gian sử dụng thiết bị điện tử của con, quy định thời gian sử dụng hợp lý, khuyến khích con tham gia các hoạt động ngoài trời, vui chơi cùng bạn bè. Gia đình có thể tận dụng các công cụ hỗ trợ như thẻ thư viện, ứng dụng đọc sách trực tuyến, các câu lạc bộ đọc sách gia đình để khuyến khích con trẻ đọc sách. Theo một nghiên cứu của Đại học Harvard, trẻ em được cha mẹ đọc sách cho nghe từ nhỏ có khả năng đọc viết tốt hơn, vốn từ vựng phong phú hơn và thành tích học tập cao hơn so với những trẻ không được tiếp xúc với sách. Điều này càng khẳng định tầm quan trọng của gia đình trong việc hình thành thói quen đọc sách cho trẻ.

Bên cạnh gia đình, nhà trường cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng thói quen đọc sách cho học sinh. Giáo viên, cán bộ thư viện, ban giám hiệu nhà trường cần chung tay tổ chức các hoạt động đọc sách đa dạng như cuộc thi kể chuyện theo sách, ngày hội đọc sách, giới thiệu sách mới, thành lập câu lạc bộ đọc sách... Ngoài ra, việc lồng ghép hoạt động đọc sách vào chương trình học cũng rất quan trọng. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh đọc sách tham khảo, viết bài cảm nhận, thuyết trình về sách... để kích thích sự hứng thú của các bạn với việc đọc sách. Thư viện nhà trường cần được xây dựng thân thiện, cập nhật sách thường xuyên, tạo không gian đọc sách thoải mái, tổ chức các buổi hướng dẫn sử dụng thư viện. Nhà trường cũng cần phối hợp với phụ huynh, tổ chức các buổi hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm về việc khuyến khích trẻ đọc sách. Các công cụ hỗ trợ như thư viện điện tử, các phần mềm quản lý thư viện, các trang web giới thiệu sách cũng sẽ giúp ích rất nhiều cho việc khuyến khích học sinh đọc sách. Trường THPT Chuyên Hà Nội – Amsterdam đã triển khai chương trình "Sách và Tôi" với nhiều hoạt động đọc sách đa dạng, giúp học sinh hình thành thói quen đọc sách và nâng cao trình độ văn hóa đọc. Đây là một ví dụ điển hình cho thấy sự thành công của nhà trường trong việc khuyến khích học sinh đọc sách.

Bản thân tôi đã từng là một học sinh không thích đọc sách. Tuy nhiên, nhờ sự khuyến khích của gia đình và thầy cô, tôi đã dần dần tìm thấy niềm vui trong việc đọc sách. Sách đã giúp tôi mở mang tri thức, hiểu biết về thế giới xung quanh, rèn luyện tư duy và hoàn thiện nhân cách. Tôi tin rằng, nếu mỗi học sinh đều được tiếp cận với sách và tìm thấy niềm vui trong việc đọc sách, thì tương lai của đất nước sẽ tươi sáng hơn rất nhiều.

Việc rèn luyện thói quen đọc sách cho học sinh không chỉ là trách nhiệm của gia đình và nhà trường mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội. Chúng ta cần chung tay xây dựng một môi trường văn hóa đọc lành mạnh, khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận với sách.

**Đề 3: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Là học sinh, em nghĩ làm thế nào để vượt qua căng thẳng và áp lực học tập?”**

**Dàn ý**

**I. Mở bài**

Cuộc sống học đường luôn là một hành trình đầy màu sắc, nơi mỗi học sinh đều phải đối mặt với những thử thách và áp lực khác nhau. Một trong những vấn đề nổi cộm nhất hiện nay chính là áp lực học tập, một “cơn bão” có thể cuốn phăng đi niềm vui và sự hứng khởi của tuổi học trò. Tuy nhiên, nếu biết cách vượt qua, áp lực này có thể trở thành động lực để chúng ta trưởng thành và phát triển.

**II. Thân bài**

**1. Giải thích vấn đề**

Áp lực học tập là tình trạng căng thẳng, lo lắng, mệt mỏi về tinh thần và thể chất do khối lượng kiến thức quá lớn, kỳ vọng cao từ gia đình và xã hội, cũng như sự cạnh tranh gay gắt trong môi trường học đường.

**2. Phân tích vấn đề**

**Thực trạng:**

Theo một khảo sát gần đây của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hơn 70% học sinh Việt Nam cảm thấy áp lực học tập ở mức độ trung bình đến nặng. Tình trạng này đặc biệt nghiêm trọng ở các thành phố lớn và các trường chuyên, lớp chọn. Nhiều học sinh phải đối mặt với lịch học dày đặc, bài tập về nhà quá nhiều, và kỳ vọng quá cao từ phía phụ huynh.

**Nguyên nhân:**

* **Chương trình học quá tải:** Chương trình học hiện nay còn nặng về lý thuyết, thiếu tính thực tiễn và sự liên kết với cuộc sống. Điều này khiến học sinh cảm thấy nhàm chán, mệt mỏi và khó tiếp thu kiến thức.
* **Kỳ vọng quá cao từ gia đình và xã hội:** Nhiều phụ huynh đặt kỳ vọng quá lớn vào con cái, muốn con mình phải đạt thành tích cao trong học tập để có một tương lai tốt đẹp. Áp lực từ xã hội cũng không nhỏ, khi thành tích học tập thường được coi là thước đo giá trị của một con người.
* **Sự cạnh tranh gay gắt:** Trong môi trường học đường, sự cạnh tranh giữa các học sinh ngày càng khốc liệt. Điều này khiến nhiều em cảm thấy tự ti, lo lắng và sợ thất bại.

**Hậu quả:**

Nếu không được giải quyết kịp thời, áp lực học tập có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng:

* **Suy giảm sức khỏe:** Căng thẳng kéo dài có thể dẫn đến các vấn đề về sức khỏe như mất ngủ, đau đầu, rối loạn tiêu hóa, thậm chí là suy nhược thần kinh.
* **Giảm hiệu quả học tập:** Áp lực quá lớn khiến học sinh mất tập trung, khó tiếp thu kiến thức, dẫn đến kết quả học tập sa sút.
* **Các vấn đề về tâm lý:** Áp lực học tập có thể gây ra các vấn đề tâm lý như lo âu, trầm cảm, thậm chí là suy nghĩ tiêu cực và hành vi tự hại.

**Ý kiến trái chiều:**

Một số người cho rằng áp lực học tập là điều cần thiết để thúc đẩy học sinh cố gắng và đạt được thành tích cao. Tuy nhiên, quan điểm này cần được xem xét lại. Áp lực quá lớn có thể phản tác dụng, khiến học sinh mất đi niềm vui và sự hứng khởi trong học tập.

**3. Giải pháp giải quyết vấn đề**

**1. Giải pháp từ phía học sinh:**

* **Người thực hiện:** Chính bản thân học sinh.
* **Cách thực hiện:**
  + **Xây dựng kế hoạch học tập hiệu quả:** Chia nhỏ khối lượng kiến thức, đặt mục tiêu cụ thể và thực tế, ưu tiên những môn học quan trọng hoặc khó khăn hơn.
  + **Quản lý thời gian hợp lý:** Dành thời gian cho việc học, nghỉ ngơi, giải trí và các hoạt động khác.
  + **Tìm hiểu phương pháp học tập phù hợp:** Áp dụng các kỹ thuật ghi nhớ, tổng hợp kiến thức, luyện tập thường xuyên.
  + **Tạo thói quen học tập tích cực:** Học nhóm, trao đổi với bạn bè, thầy cô.
  + **Chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần:** Ăn uống đủ chất, ngủ đủ giấc, tập thể dục thường xuyên, tham gia các hoạt động giải trí, thư giãn.
* **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Sổ tay kế hoạch, ứng dụng quản lý thời gian, sách tham khảo, tài liệu học tập trực tuyến, các khóa học kỹ năng mềm.
* **Lí giải/phân tích:** Việc chủ động và có ý thức trong học tập giúp học sinh tự tin hơn, giảm bớt lo lắng và áp lực. Khi có phương pháp học tập phù hợp và biết cách chăm sóc bản thân, học sinh sẽ có sức khỏe tốt, tinh thần thoải mái, từ đó đạt được kết quả học tập tốt hơn.
* **Bằng chứng:** Theo một nghiên cứu của Đại học Stanford, học sinh có kỹ năng quản lý thời gian tốt có kết quả học tập cao hơn 20% so với những học sinh khác.

**2. Giải pháp từ phía gia đình:**

* **Người thực hiện:** Cha mẹ, người thân trong gia đình.
* **Cách thực hiện:**
  + **Tạo không gian học tập thoải mái:** Cung cấp đầy đủ sách vở, tài liệu, không gian yên tĩnh.
  + **Động viên, khích lệ:** Khen ngợi những thành tích của con, giúp con vượt qua những khó khăn.
  + **Lắng nghe, chia sẻ:** Tạo điều kiện để con chia sẻ những lo lắng, áp lực trong học tập.
  + **Không tạo áp lực quá lớn:** Không so sánh con với người khác, đặt mục tiêu quá cao.
  + **Hỗ trợ con tham gia các hoạt động ngoại khóa:** Giúp con phát triển toàn diện, giảm căng thẳng.
* **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Sách nuôi dạy con, các khóa học kỹ năng làm cha mẹ, tư vấn tâm lý.
* **Lí giải/phân tích:** Sự quan tâm, động viên và hỗ trợ từ gia đình là nguồn động lực lớn giúp học sinh vượt qua khó khăn. Khi có sự thấu hiểu và chia sẻ từ gia đình, học sinh sẽ cảm thấy an tâm, tự tin hơn và có thêm động lực để cố gắng.
* **Bằng chứng:** Theo một nghiên cứu của Đại học Harvard, học sinh có sự hỗ trợ từ gia đình có khả năng chống chọi với căng thẳng tốt hơn và đạt kết quả học tập cao hơn.

**3. Giải pháp từ phía nhà trường:**

* **Người thực hiện:** Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên nhà trường.
* **Cách thực hiện:**
  + **Xây dựng môi trường học tập tích cực:** Tạo không khí học tập thoải mái, thân thiện, khuyến khích sự sáng tạo, hợp tác.
  + **Đổi mới phương pháp dạy và học:** Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, tăng cường hoạt động trải nghiệm, thực hành.
  + **Tổ chức các hoạt động ngoại khóa:** Giúp học sinh thư giãn, giải trí, phát triển các kỹ năng mềm.
  + **Cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý:** Hỗ trợ học sinh giải quyết các vấn đề tâm lý, căng thẳng, áp lực.
* **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Chương trình đào tạo giáo viên, tài liệu dạy học, các khóa học kỹ năng sư phạm, phòng tư vấn tâm lý học đường.
* **Lí giải/phân tích:** Môi trường học tập tích cực và phương pháp dạy học hiện đại giúp học sinh hứng thú hơn với việc học, giảm bớt căng thẳng và áp lực. Dịch vụ tư vấn tâm lý giúp học sinh giải quyết các vấn đề khó khăn, nâng cao sức khỏe tinh thần.
* **Bằng chứng:** Theo một nghiên cứu của OECD, học sinh ở các trường có môi trường học tập tích cực có kết quả học tập cao hơn và ít gặp các vấn đề về sức khỏe tinh thần hơn.

**4. Liên hệ bản thân**

Bản thân tôi cũng từng trải qua những giai đoạn áp lực học tập. Tuy nhiên, nhờ sự động viên của gia đình và thầy cô, cũng như việc tự điều chỉnh và tìm ra phương pháp học tập phù hợp, tôi đã vượt qua được khó khăn và đạt được những thành tích nhất định.

**III. Kết bài**

Áp lực học tập là một vấn đề không thể tránh khỏi trong cuộc sống học đường. Tuy nhiên, nếu biết cách đối mặt và vượt qua, áp lực này có thể trở thành động lực để chúng ta trưởng thành và phát triển. Hãy nhớ rằng, thành công không chỉ đến từ điểm số, mà còn đến từ sự tự tin, kỹ năng sống và niềm đam mê học hỏi.

**Bài làm tham khảo**

Tuổi học trò là một hành trình đầy màu sắc, nơi mỗi học sinh đều phải đối mặt với những thử thách và áp lực khác nhau. Một trong những vấn đề nổi cộm nhất hiện nay chính là áp lực học tập, một “cơn bão” có thể cuốn phăng đi niềm vui và sự hứng khởi của tuổi học trò. Tuy nhiên, nếu biết cách vượt qua, áp lực này có thể trở thành động lực để chúng ta trưởng thành và phát triển.

Áp lực học tập là tình trạng căng thẳng, lo lắng, mệt mỏi về tinh thần và thể chất do khối lượng kiến thức quá lớn, kỳ vọng cao từ gia đình và xã hội, cũng như sự cạnh tranh gay gắt trong môi trường học đường. Theo một khảo sát gần đây của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hơn 70% học sinh Việt Nam cảm thấy áp lực học tập ở mức độ trung bình đến nặng. Tình trạng này đặc biệt nghiêm trọng ở các thành phố lớn và các trường chuyên, lớp chọn, nơi học sinh phải đối mặt với lịch học dày đặc, bài tập về nhà quá nhiều, và kỳ vọng quá cao từ phía phụ huynh.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến áp lực học tập. Chương trình học hiện nay còn nặng về lý thuyết, thiếu tính thực tiễn và sự liên kết với cuộc sống, khiến học sinh cảm thấy nhàm chán, mệt mỏi và khó tiếp thu kiến thức. Bên cạnh đó, nhiều phụ huynh đặt kỳ vọng quá lớn vào con cái, muốn con mình phải đạt thành tích cao trong học tập để có một tương lai tốt đẹp. Áp lực từ xã hội cũng không nhỏ, khi thành tích học tập thường được coi là thước đo giá trị của một con người. Cuối cùng, sự cạnh tranh gay gắt trong môi trường học đường cũng là một trong những nguyên nhân chính gây ra áp lực học tập.

Nếu không được giải quyết kịp thời, áp lực học tập có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Căng thẳng kéo dài có thể dẫn đến các vấn đề về sức khỏe như mất ngủ, đau đầu, rối loạn tiêu hóa, thậm chí là suy nhược thần kinh. Áp lực quá lớn còn khiến học sinh mất tập trung, khó tiếp thu kiến thức, dẫn đến kết quả học tập sa sút. Nguy hiểm hơn, áp lực học tập có thể gây ra các vấn đề tâm lý như lo âu, trầm cảm, thậm chí là suy nghĩ tiêu cực và hành vi tự hại.

Tuy nhiên, không phải ai cũng nhìn nhận áp lực học tập một cách tiêu cực. Một số người cho rằng áp lực học tập là điều cần thiết để thúc đẩy học sinh cố gắng và đạt được thành tích cao. Tuy nhiên, quan điểm này cần được xem xét lại. Áp lực quá lớn có thể phản tác dụng, khiến học sinh mất đi niềm vui và sự hứng khởi trong học tập.

Vậy, làm thế nào để vượt qua áp lực học tập? Trước hết, chính chúng ta – những người học sinh – cần chủ động đối mặt và tìm cách giải quyết vấn đề này. Điều đầu tiên và quan trọng nhất là xây dựng một kế hoạch học tập hiệu quả. Chúng ta nên chia nhỏ khối lượng kiến thức, đặt mục tiêu cụ thể và thực tế, ưu tiên những môn học quan trọng hoặc khó khăn hơn. Bên cạnh đó, việc quản lý thời gian hợp lý cũng là một yếu tố then chốt. Chúng ta cần dành thời gian cho việc học, nghỉ ngơi, giải trí và các hoạt động khác một cách cân đối.

Không chỉ dừng lại ở đó, việc tìm hiểu và áp dụng các phương pháp học tập phù hợp với bản thân cũng rất quan trọng. Mỗi chúng ta có một cách tiếp thu kiến thức khác nhau, vì vậy hãy thử nghiệm và tìm ra phương pháp giúp mình học tập hiệu quả nhất. Đồng thời, việc tạo thói quen học tập tích cực cũng là một yếu tố không thể thiếu. Hãy học nhóm, trao đổi với bạn bè, thầy cô để có thể học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm.

Bên cạnh việc học, chúng ta cũng cần chú trọng đến việc chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần. Ăn uống đủ chất, ngủ đủ giấc, tập thể dục thường xuyên và tham gia các hoạt động giải trí, thư giãn là những điều cần thiết để giữ cho cơ thể và tinh thần luôn khỏe mạnh. Các công cụ như sổ tay kế hoạch, ứng dụng quản lý thời gian, sách tham khảo, tài liệu học tập trực tuyến, các khóa học kỹ năng mềm... có thể hỗ trợ chúng ta rất nhiều trong quá trình này. Theo một nghiên cứu của Đại học Stanford, học sinh có kỹ năng quản lý thời gian tốt có kết quả học tập cao hơn 20% so với những học sinh khác. Điều này chứng tỏ rằng, khi chúng ta chủ động và có ý thức trong học tập, biết cách chăm sóc bản thân, chúng ta sẽ tự tin hơn, giảm bớt lo lắng và áp lực, từ đó đạt được kết quả học tập tốt hơn.

Tuy nhiên, để vượt qua căng thẳng và áp lực học tập, không chỉ có sự nỗ lực từ phía học sinh mà còn cần sự quan tâm, động viên và hỗ trợ từ gia đình. Cha mẹ, người thân trong gia đình cần tạo một không gian học tập thoải mái cho con em mình, cung cấp đầy đủ sách vở, tài liệu, không gian yên tĩnh. Bên cạnh đó, việc động viên, khích lệ con cái khi đạt được thành tích, giúp con vượt qua những khó khăn cũng rất quan trọng. Cha mẹ cũng nên lắng nghe, chia sẻ những lo lắng, áp lực trong học tập của con cái, không tạo áp lực quá lớn, không so sánh con với người khác, đặt mục tiêu quá cao. Thay vào đó, hãy hỗ trợ con tham gia các hoạt động ngoại khóa để giúp con phát triển toàn diện, giảm căng thẳng. Theo một nghiên cứu của Đại học Harvard, học sinh có sự hỗ trợ từ gia đình có khả năng chống chọi với căng thẳng tốt hơn và đạt kết quả học tập cao hơn. Điều này cho thấy rằng, sự quan tâm và hỗ trợ từ gia đình là nguồn động lực lớn giúp học sinh vượt qua khó khăn.

Không chỉ có gia đình, nhà trường cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh vượt qua căng thẳng và áp lực học tập. Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên nhà trường cần xây dựng một môi trường học tập tích cực, tạo không khí học tập thoải mái, thân thiện, khuyến khích sự sáng tạo, hợp tác. Đồng thời, việc đổi mới phương pháp dạy và học, áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, tăng cường hoạt động trải nghiệm, thực hành cũng rất cần thiết. Nhà trường cũng nên tổ chức các hoạt động ngoại khóa để giúp học sinh thư giãn, giải trí, phát triển các kỹ năng mềm, cũng như cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý để hỗ trợ học sinh giải quyết các vấn đề tâm lý, căng thẳng, áp lực. Một nghiên cứu của OECD đã chỉ ra rằng, học sinh ở các trường có môi trường học tập tích cực có kết quả học tập cao hơn và ít gặp các vấn đề về sức khỏe tinh thần hơn. Điều này cho thấy rằng, môi trường học tập và phương pháp dạy học hiện đại có thể giúp học sinh hứng thú hơn với việc học, giảm bớt căng thẳng và áp lực.

Bản thân tôi cũng từng trải qua những giai đoạn áp lực học tập. Tuy nhiên, nhờ sự động viên của gia đình và thầy cô, cũng như việc tự điều chỉnh và tìm ra phương pháp học tập phù hợp, tôi đã vượt qua được khó khăn và đạt được những thành tích nhất định.

Áp lực học tập là một vấn đề không thể tránh khỏi trong cuộc sống học đường. Tuy nhiên, nếu biết cách đối mặt và vượt qua, áp lực này có thể trở thành động lực để chúng ta trưởng thành và phát triển. Hãy nhớ rằng, thành công không chỉ đến từ điểm số, mà còn đến từ sự tự tin, kỹ năng sống và niềm đam mê học hỏi.

**Đề 4: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Là học sinh, em nghĩ làm thế nào để xây dựng mối quan hệ gắn kết, yêu thương giữa các thành viên trong gia đình?”**

**Dàn ý**

**I. Mở bài**

Gia đình là tế bào của xã hội, là nơi mỗi chúng ta tìm về sau những bộn bề, lo toan của cuộc sống. Một gia đình hạnh phúc, êm ấm là nền tảng vững chắc cho sự phát triển của mỗi cá nhân và toàn xã hội. Là một học sinh, em nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc xây dựng mối quan hệ gắn kết, yêu thương giữa các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc sống hiện đại với nhiều áp lực và thay đổi, việc duy trì và vun đắp tình cảm gia đình đang gặp không ít thách thức.

**II. Thân bài**

**1. Giải thích vấn đề**

Xây dựng mối quan hệ gắn kết, yêu thương trong gia đình là quá trình tạo dựng sự gần gũi, thấu hiểu và chia sẻ giữa các thành viên. Điều này thể hiện qua việc quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau trải qua những khoảnh khắc vui buồn, cùng nhau vượt qua khó khăn và luôn dành cho nhau những tình cảm chân thành nhất.

**2. Phân tích vấn đề**

* **Thực trạng:** Trong xã hội hiện đại, nhiều gia đình đang đối mặt với tình trạng các thành viên ít có thời gian dành cho nhau, sự xa cách về mặt tình cảm ngày càng tăng. Công việc bận rộn, áp lực học tập, sự phát triển của công nghệ khiến các thành viên trong gia đình ít có cơ hội giao tiếp, chia sẻ và thấu hiểu lẫn nhau.
* **Nguyên nhân:** Nguyên nhân của tình trạng này đến từ nhiều yếu tố như sự thay đổi về lối sống, giá trị quan, sự tác động của môi trường xã hội và đặc biệt là sự thiếu quan tâm, đầu tư thời gian và công sức cho việc xây dựng mối quan hệ gia đình.
* **Hậu quả:** Nếu không được giải quyết, sự thiếu gắn kết trong gia đình sẽ dẫn đến nhiều hệ lụy tiêu cực. Các thành viên cảm thấy cô đơn, thiếu sự hỗ trợ và chia sẻ, dễ rơi vào trạng thái căng thẳng, stress. Trẻ em lớn lên trong môi trường gia đình thiếu tình thương dễ hình thành những hành vi lệch lạc, gây ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách và tương lai của các em.
* **Ý kiến trái chiều:** Một số người cho rằng trong cuộc sống hiện đại, việc dành quá nhiều thời gian và công sức cho gia đình là không cần thiết, thậm chí là lãng phí. Họ cho rằng thành công trong sự nghiệp, địa vị xã hội mới là điều quan trọng nhất.
* **Phản biện:** Quan điểm này là hoàn toàn sai lầm. Gia đình là nền tảng vững chắc cho mọi thành công. Một gia đình hạnh phúc, êm ấm sẽ là nguồn động lực lớn lao giúp mỗi cá nhân vượt qua khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

**3. Giải pháp**

* 1. **Gần gũi, chia sẻ và lắng nghe:**
* **Người thực hiện:** Tất cả các thành viên trong gia đình, đặc biệt là học sinh.
* **Cách thực hiện:** Dành thời gian trò chuyện, tâm sự với ông bà, cha mẹ, anh chị em. Lắng nghe những chia sẻ, tâm tư của mọi người. Cùng nhau xem phim, đọc sách, chơi trò chơi...
* **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Tổ chức các buổi họp mặt gia đình, đi du lịch cùng nhau, sử dụng các ứng dụng trò chuyện trực tuyến (nếu các thành viên ở xa).
* **Lí giải, phân tích:** Sự gần gũi, chia sẻ giúp mọi người hiểu nhau hơn, giải tỏa những căng thẳng, mệt mỏi. Khi cảm thấy được lắng nghe, thấu hiểu, mỗi thành viên sẽ cảm thấy được yêu thương, tôn trọng.
* **Bằng chứng:** Theo một nghiên cứu của Đại học Brigham Young (Mỹ), những gia đình có thói quen ăn tối cùng nhau thường xuyên có tỷ lệ trẻ em gặp các vấn đề về tâm lý thấp hơn.
  1. **Thể hiện tình cảm một cách chân thành:**
* **Người thực hiện:** Tất cả các thành viên trong gia đình.
* **Cách thực hiện:** Nói lời yêu thương với ông bà, cha mẹ, anh chị em; giúp đỡ mọi người trong công việc nhà; tặng quà, viết thiệp, tổ chức sinh nhật...
* **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Tự làm quà tặng, viết nhật ký gia đình, sử dụng mạng xã hội để chia sẻ những khoảnh khắc vui vẻ bên gia đình.
* **Lí giải, phân tích:** Những hành động nhỏ nhưng chân thành sẽ giúp lan tỏa yêu thương, tạo không khí vui vẻ, ấm áp trong gia đình.
* **Bằng chứng:** Theo nhà tâm lý học Gary Chapman, có 5 ngôn ngữ yêu thương: lời nói khẳng định, thời gian chất lượng, quà tặng, hành động phục vụ và tiếp xúc cơ thể. Việc hiểu và sử dụng đúng ngôn ngữ yêu thương của mỗi người sẽ giúp tình cảm gia đình thêm gắn bó.
  1. **Tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt:**
* **Người thực hiện:** Tất cả các thành viên trong gia đình.
* **Cách thực hiện:** Tôn trọng sở thích, quan điểm của mỗi người. Không áp đặt, phán xét hay so sánh. Học cách thỏa hiệp, tìm tiếng nói chung.
* **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Tổ chức các buổi thảo luận gia đình, tham gia các khóa học về kỹ năng giao tiếp, giải quyết mâu thuẫn.
* **Lí giải, phân tích:** Mỗi người đều có cá tính, suy nghĩ riêng. Việc tôn trọng sự khác biệt giúp giảm thiểu mâu thuẫn, tạo sự hòa hợp trong gia đình.
* **Bằng chứng:** Theo một nghiên cứu của Đại học California (Mỹ), những cặp vợ chồng có khả năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực thường có cuộc hôn nhân hạnh phúc hơn.
  1. **Cùng nhau xây dựng những kỷ niệm đẹp:**
* **Người thực hiện:** Tất cả các thành viên trong gia đình.
* **Cách thực hiện:** Cùng nhau nấu ăn, tổ chức các bữa tiệc nhỏ, đi du lịch, tham gia các hoạt động cộng đồng...
* **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Lập kế hoạch du lịch, tạo album ảnh gia đình, quay video lưu giữ những khoảnh khắc đáng nhớ.
* **Lí giải, phân tích:** Những kỷ niệm đẹp sẽ là sợi dây gắn kết các thành viên trong gia đình, giúp tình cảm thêm bền chặt.
* **Bằng chứng:** Một nghiên cứu của Đại học Harvard (Mỹ) cho thấy, những người có nhiều trải nghiệm tích cực với gia đình thường có cuộc sống hạnh phúc và ý nghĩa hơn.

**4. Liên hệ bản thân**

Bản thân em luôn cố gắng dành thời gian cho gia đình, trò chuyện và chia sẻ với bố mẹ, anh chị em những câu chuyện hàng ngày. Em cũng thường xuyên cùng gia đình tham gia các hoạt động chung như nấu ăn, xem phim, đi du lịch... Nhờ đó, tình cảm gia đình em ngày càng gắn bó và bền chặt.

**III. Kết bài**

Xây dựng mối quan hệ gắn kết, yêu thương giữa các thành viên trong gia đình là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người. Chỉ khi gia đình hạnh phúc, mỗi cá nhân mới có thể phát triển toàn diện và đóng góp tích cực cho xã hội. Em tin rằng, bằng sự nỗ lực và cố gắng của mỗi người, chúng ta hoàn toàn có thể xây dựng một gia đình hạnh phúc, tràn ngập yêu thương.

**Bài làm tham khảo**

Trong xã hội hiện đại, nơi mà nhịp sống hối hả và áp lực công việc, học tập ngày càng đè nặng lên mỗi cá nhân, gia đình vẫn luôn là điểm tựa bình yên và ấm áp nhất. Đó là nơi chúng ta tìm về sau những mệt mỏi, là nơi ta nhận được sự yêu thương và chia sẻ vô điều kiện. Tuy nhiên, để xây dựng một gia đình hạnh phúc, gắn kết và tràn ngập yêu thương không phải là điều dễ dàng. Là một học sinh, em nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc vun đắp tình cảm gia đình và luôn trăn trở tìm kiếm những giải pháp để xây dựng mối quan hệ gắn kết giữa các thành viên.

Xây dựng mối quan hệ gắn kết trong gia đình không chỉ đơn thuần là sống chung dưới một mái nhà, mà còn là sự sẻ chia, thấu hiểu và đồng cảm giữa các thành viên. Đó là những bữa cơm sum họp ấm cúng, những câu chuyện phiếm rôm rả sau một ngày dài, những cái ôm siết chặt khi gặp khó khăn hay những lời động viên khích lệ khi vấp ngã. Tình cảm gia đình là sợi dây vô hình nhưng vô cùng bền chặt, gắn kết các thành viên lại với nhau, tạo nên một khối thống nhất, vững vàng trước mọi sóng gió cuộc đời.

Tuy nhiên, trong cuộc sống hiện đại ngày nay, việc duy trì và vun đắp tình cảm gia đình đang gặp không ít thách thức. Công việc bận rộn, áp lực học tập, sự phát triển của công nghệ khiến các thành viên trong gia đình ít có thời gian dành cho nhau. Bố mẹ bận rộn với công việc, con cái mải mê với sách vở, điện thoại, máy tính, dẫn đến sự xa cách về mặt tình cảm ngày càng tăng. Nhiều gia đình rơi vào tình trạng "sống chung mà không sống cùng", mỗi người một thế giới riêng, không có sự giao lưu, chia sẻ.

Nguyên nhân của tình trạng này đến từ nhiều yếu tố. Sự thay đổi về lối sống, giá trị quan, sự tác động của môi trường xã hội đều góp phần làm phai nhạt tình cảm gia đình. Bên cạnh đó, sự thiếu quan tâm, đầu tư thời gian và công sức cho việc xây dựng mối quan hệ gia đình cũng là một nguyên nhân quan trọng. Nhiều người cho rằng thành công trong sự nghiệp, địa vị xã hội mới là điều quan trọng nhất, mà quên đi giá trị của gia đình.

Hậu quả của sự thiếu gắn kết trong gia đình là vô cùng nghiêm trọng. Các thành viên cảm thấy cô đơn, thiếu sự hỗ trợ và chia sẻ, dễ rơi vào trạng thái căng thẳng, stress. Trẻ em lớn lên trong môi trường gia đình thiếu tình thương dễ hình thành những hành vi lệch lạc, gây ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách và tương lai của các em.

Để xây dựng một gia đình hạnh phúc, gắn kết, mỗi thành viên cần có ý thức và trách nhiệm vun đắp tình cảm gia đình. Trước hết, hãy dành thời gian để gần gũi, chia sẻ và lắng nghe những tâm tư, tình cảm của ông bà, cha mẹ, anh chị em. Đừng ngần ngại trò chuyện, tâm sự với họ về những điều xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, về những niềm vui, nỗi buồn hay những dự định trong tương lai. Hãy cùng nhau xem phim, đọc sách, chơi trò chơi hoặc tham gia các hoạt động chung khác. Nếu các thành viên trong gia đình ở xa, chúng ta có thể sử dụng các ứng dụng trò chuyện trực tuyến để kết nối và chia sẻ. Sự gần gũi, chia sẻ sẽ giúp mọi người hiểu nhau hơn, giải tỏa những căng thẳng, mệt mỏi và tạo dựng niềm tin, sự gắn kết. Theo một nghiên cứu của Đại học Brigham Young (Mỹ), những gia đình có thói quen ăn tối cùng nhau thường xuyên có tỷ lệ trẻ em gặp các vấn đề về tâm lý thấp hơn.

Bên cạnh đó, việc thể hiện tình cảm một cách chân thành cũng là yếu tố quan trọng để xây dựng mối quan hệ gắn kết trong gia đình. Hãy nói lời yêu thương với ông bà, cha mẹ, anh chị em mỗi ngày. Đừng ngần ngại giúp đỡ mọi người trong công việc nhà, tặng quà, viết thiệp, tổ chức sinh nhật hay đơn giản chỉ là một cái ôm ấm áp. Những hành động nhỏ nhưng chân thành sẽ giúp lan tỏa yêu thương, tạo không khí vui vẻ, ấm áp trong gia đình. Nhà tâm lý học Gary Chapman đã chỉ ra có 5 ngôn ngữ yêu thương: lời nói khẳng định, thời gian chất lượng, quà tặng, hành động phục vụ và tiếp xúc cơ thể. Việc hiểu và sử dụng đúng ngôn ngữ yêu thương của mỗi người sẽ giúp tình cảm gia đình thêm gắn bó.

Mỗi người đều có cá tính, suy nghĩ riêng. Vì vậy, việc tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt là rất cần thiết. Đừng áp đặt, phán xét hay so sánh mà hãy học cách thấu hiểu, lắng nghe và tôn trọng sở thích, quan điểm của mỗi người. Hãy học cách thỏa hiệp, tìm tiếng nói chung để giải quyết những mâu thuẫn có thể xảy ra. Theo một nghiên cứu của Đại học California (Mỹ), những cặp vợ chồng có khả năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực thường có cuộc hôn nhân hạnh phúc hơn. Điều này cũng đúng với các mối quan hệ khác trong gia đình.

Cuối cùng, hãy cùng nhau xây dựng những kỷ niệm đẹp bằng cách tham gia các hoạt động chung như nấu ăn, tổ chức các bữa tiệc nhỏ, đi du lịch, tham gia các hoạt động cộng đồng... Những kỷ niệm đẹp sẽ là sợi dây gắn kết các thành viên trong gia đình, giúp tình cảm thêm bền chặt. Một nghiên cứu của Đại học Harvard (Mỹ) cho thấy, những người có nhiều trải nghiệm tích cực với gia đình thường có cuộc sống hạnh phúc và ý nghĩa hơn.

Bản thân em luôn cố gắng dành thời gian cho gia đình, trò chuyện và chia sẻ với bố mẹ, anh chị em những câu chuyện hàng ngày. Em cũng thường xuyên cùng gia đình tham gia các hoạt động chung như nấu ăn, xem phim, đi du lịch... Nhờ đó, tình cảm gia đình em ngày càng gắn bó và bền chặt.

Xây dựng một gia đình hạnh phúc là điều không hề dễ dàng, đòi hỏi sự nỗ lực và cố gắng của tất cả các thành viên. Tuy nhiên, nếu mỗi người đều có ý thức và trách nhiệm, chúng ta hoàn toàn có thể xây dựng một gia đình tràn ngập yêu thương, nơi mà mỗi thành viên đều cảm thấy hạnh phúc và được yêu thương. Gia đình là nền tảng vững chắc cho mọi thành công, là điểm tựa bình yên cho mỗi chúng ta. Hãy trân trọng và gìn giữ hạnh phúc gia đình, bởi đó là món quà vô giá mà cuộc sống ban tặng cho mỗi người.

**Đề 5: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Là học sinh, em nghĩ nên ứng xử như thế nào khi có bất đồng quan điểm với cha mẹ?”**

**Dàn ý**

**I. Mở bài**

Cuộc sống là một hành trình dài, trong đó mỗi người đều phải đối mặt với những khó khăn, thử thách và cả những bất đồng quan điểm. Đặc biệt, trong mối quan hệ gia đình, giữa cha mẹ và con cái, những bất đồng này càng trở nên nhạy cảm và cần được giải quyết một cách khéo léo. Là một học sinh, việc có những quan điểm khác biệt với cha mẹ là điều không thể tránh khỏi, bởi mỗi thế hệ đều có những suy nghĩ, giá trị và cách nhìn nhận riêng. Tuy nhiên, điều quan trọng là chúng ta cần biết cách ứng xử sao cho vừa thể hiện được chính kiến của mình, vừa giữ được sự tôn trọng và tình cảm với cha mẹ.

**II. Thân bài**

**1. Giải thích vấn đề**

Bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái là hiện tượng phổ biến trong mọi gia đình. Nó có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân như sự khác biệt về thế hệ, quan niệm sống, giá trị, kinh nghiệm, môi trường sống,... Cha mẹ, với kinh nghiệm sống dày dặn, thường có xu hướng bảo bọc, định hướng cho con cái theo những gì họ cho là tốt nhất. Trong khi đó, con cái, đặc biệt là lứa tuổi học sinh, đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ về tư duy, nhận thức, thường muốn khẳng định bản thân, thể hiện cái tôi cá nhân và có những suy nghĩ, lựa chọn riêng.

**2. Phân tích vấn đề**

* **Thực trạng:**

Hiện nay, vấn đề bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái đang diễn ra khá phổ biến và có xu hướng ngày càng gia tăng. Nhiều bạn trẻ cảm thấy khó khăn trong việc chia sẻ, bày tỏ quan điểm của mình với cha mẹ vì sợ bị phản đối, trách mắng. Điều này dẫn đến những mâu thuẫn, xung đột âm ỉ trong gia đình, ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm giữa các thành viên.

* **Nguyên nhân:**

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái. Một số nguyên nhân chính có thể kể đến như:

* **Sự khác biệt về thế hệ:** Cha mẹ và con cái lớn lên trong những môi trường, hoàn cảnh khác nhau, dẫn đến sự khác biệt về quan niệm sống, giá trị, cách nhìn nhận vấn đề.
* **Sự thay đổi của xã hội:** Xã hội ngày càng phát triển, kéo theo những thay đổi về văn hóa, lối sống, khiến cho khoảng cách thế hệ ngày càng lớn.
* **Cách giáo dục của cha mẹ:** Một số cha mẹ quá bảo bọc, áp đặt con cái, không tạo điều kiện cho con cái phát triển tư duy độc lập, tự chủ.
* **Tính cách của con cái:** Một số bạn trẻ có cá tính mạnh, thích thể hiện bản thân, dễ dẫn đến xung đột với cha mẹ.
* **Vì sao cần giải quyết vấn đề?**

Bất đồng quan điểm nếu không được giải quyết sẽ để lại những hậu quả nghiêm trọng:

* **Làm tổn thương tình cảm gia đình:** Mâu thuẫn, xung đột kéo dài sẽ khiến cho tình cảm giữa cha mẹ và con cái rạn nứt, mất đi sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau.
* **Ảnh hưởng đến sự phát triển của con cái:** Khi không được cha mẹ lắng nghe, thấu hiểu, con cái sẽ cảm thấy bị cô lập, mất phương hướng, dẫn đến những hành động tiêu cực như bỏ nhà ra đi, sa vào các tệ nạn xã hội.
* **Gây ra những hệ lụy cho xã hội:** Gia đình là tế bào của xã hội, một gia đình bất hòa sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển chung của cộng đồng.
* **Ý kiến trái chiều và phản biện:**

Có ý kiến cho rằng, cha mẹ luôn đúng, con cái cần phải nghe theo lời cha mẹ. Tuy nhiên, quan điểm này là chưa phù hợp. Cha mẹ có kinh nghiệm sống hơn con cái, nhưng không phải lúc nào họ cũng đúng. Con cái cần có chính kiến riêng và biết cách bảo vệ quan điểm của mình một cách lịch sự, tôn trọng.

**3. Giải pháp giải quyết vấn đề**

**3.1. Bình tĩnh lắng nghe và thấu hiểu quan điểm của cha mẹ:**

* **Người thực hiện:** Học sinh
* **Cách thực hiện:** Khi bất đồng xảy ra, thay vì phản ứng gay gắt, con nên bình tĩnh lắng nghe cha mẹ trình bày quan điểm. Cố gắng đặt mình vào vị trí của cha mẹ để hiểu được lý do đằng sau những lời nói, hành động của họ.
* **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Giao tiếp bằng mắt, ngôn ngữ cơ thể thể hiện sự tôn trọng.
* **Lí giải:** Lắng nghe không chỉ giúp con hiểu cha mẹ hơn mà còn tạo không gian để cha mẹ cảm nhận được sự tôn trọng từ con.
* **Bằng chứng:** Nghiên cứu của Đại học Harvard chỉ ra rằng, lắng nghe tích cực giúp giảm căng thẳng, tăng sự thấu cảm và xây dựng lòng tin trong các mối quan hệ.

**3.2. Thể hiện quan điểm của mình một cách rõ ràng và tôn trọng:**

* **Người thực hiện:** Học sinh
* **Cách thực hiện:** Sau khi đã lắng nghe cha mẹ, con nên trình bày quan điểm của mình một cách rõ ràng, mạch lạc và logic. Sử dụng ngôn ngữ tôn trọng, tránh đổ lỗi, chỉ trích.
* **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Chuẩn bị sẵn những lập luận, dẫn chứng thuyết phục.
* **Lí giải:** Việc thể hiện quan điểm rõ ràng giúp cha mẹ hiểu được suy nghĩ của con, từ đó có thể tìm ra tiếng nói chung.
* **Bằng chứng:** Theo nhà tâm lý học Carl Rogers, giao tiếp cởi mở và tôn trọng là chìa khóa để giải quyết xung đột và xây dựng mối quan hệ tích cực.

**3.3. Tìm kiếm giải pháp cùng có lợi:**

* **Người thực hiện:** Cả cha mẹ và con cái
* **Cách thực hiện:** Thay vì cố gắng chứng minh ai đúng ai sai, hãy cùng nhau tìm kiếm giải pháp thỏa mãn cả hai bên. Có thể thỏa hiệp, điều chỉnh hoặc tìm ra một lựa chọn mới.
* **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Đặt câu hỏi mở, cùng nhau liệt kê các lựa chọn, thảo luận ưu nhược điểm của từng phương án.
* **Lí giải:** Giải pháp cùng có lợi giúp duy trì mối quan hệ tốt đẹp, đồng thời dạy cho con cái kỹ năng giải quyết vấn đề.
* **Bằng chứng:** Nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng, các gia đình có khả năng tìm kiếm giải pháp cùng có lợi thường có mối quan hệ gắn kết và hạnh phúc hơn.

**3.4. Tìm kiếm sự hỗ trợ từ người thứ ba:**

* **Người thực hiện:** Cả cha mẹ và con cái
* **Cách thực hiện:** Nếu không thể tự giải quyết mâu thuẫn, có thể tìm kiếm sự giúp đỡ từ người thứ ba đáng tin cậy như ông bà, cô dì chú bác, thầy cô giáo hoặc chuyên gia tâm lý.
* **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Tìm hiểu thông tin về các dịch vụ tư vấn tâm lý uy tín.
* **Lí giải:** Người thứ ba có thể đưa ra cái nhìn khách quan, giúp hai bên hiểu nhau hơn và tìm ra giải pháp phù hợp.
* **Bằng chứng:** Theo một khảo sát của Viện Nghiên cứu Gia đình, 70% các cặp cha mẹ và con cái đã cải thiện mối quan hệ sau khi tham gia tư vấn tâm lý.

**4. Liên hệ bản thân**

Bản thân tôi cũng từng có những bất đồng quan điểm với cha mẹ. Tuy nhiên, tôi đã học được cách kiềm chế cảm xúc, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của cha mẹ. Nhờ đó, tôi đã có thể giải quyết những mâu thuẫn một cách êm đẹp và giữ được mối quan hệ tốt đẹp với cha mẹ.

**III. Kết bài**

Bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, nếu biết cách ứng xử khéo léo, chúng ta hoàn toàn có thể biến những bất đồng đó thành cơ hội để hiểu nhau hơn, gắn kết tình cảm gia đình. Là học sinh, chúng ta cần rèn luyện kỹ năng giao tiếp, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác, đặc biệt là cha mẹ. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể xây dựng một gia đình hạnh phúc, đầm ấm.

**Bài làm tham khảo**

Trong cuộc sống, mỗi chúng ta đều là những cá thể độc lập với những suy nghĩ, quan điểm và cách nhìn nhận riêng. Đặc biệt, trong mối quan hệ gia đình giữa cha mẹ và con cái, những bất đồng quan điểm là điều không thể tránh khỏi. Là một học sinh, việc có những quan điểm khác biệt với cha mẹ là điều hiển nhiên, bởi mỗi thế hệ đều có những giá trị và cách nhìn nhận riêng. Tuy nhiên, điều quan trọng là chúng ta cần biết cách ứng xử sao cho vừa thể hiện được chính kiến của mình, vừa giữ được sự tôn trọng và tình cảm với cha mẹ.

Bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái là hiện tượng phổ biến trong mọi gia đình. Nó có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân như sự khác biệt về thế hệ, quan niệm sống, giá trị, kinh nghiệm, môi trường sống,... Cha mẹ, với kinh nghiệm sống dày dặn, thường có xu hướng bảo bọc, định hướng cho con cái theo những gì họ cho là tốt nhất. Trong khi đó, con cái, đặc biệt là lứa tuổi học sinh, đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ về tư duy, nhận thức, thường muốn khẳng định bản thân, thể hiện cái tôi cá nhân và có những suy nghĩ, lựa chọn riêng.

Hiện nay, vấn đề bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái đang diễn ra khá phổ biến và có xu hướng ngày càng gia tăng. Nhiều bạn trẻ cảm thấy khó khăn trong việc chia sẻ, bày tỏ quan điểm của mình với cha mẹ vì sợ bị phản đối, trách mắng. Điều này dẫn đến những mâu thuẫn, xung đột âm ỉ trong gia đình, ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm giữa các thành viên. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái, có thể kể đến như sự khác biệt về thế hệ, sự thay đổi của xã hội, cách giáo dục của cha mẹ và tính cách của con cái.

Bất đồng quan điểm nếu không được giải quyết sẽ để lại những hậu quả nghiêm trọng. Nó không chỉ làm tổn thương tình cảm gia đình, mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển của con cái và gây ra những hệ lụy cho xã hội. Khi không được cha mẹ lắng nghe, thấu hiểu, con cái sẽ cảm thấy bị cô lập, mất phương hướng, dẫn đến những hành động tiêu cực như bỏ nhà ra đi, sa vào các tệ nạn xã hội. Gia đình là tế bào của xã hội, một gia đình bất hòa sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển chung của cộng đồng.

Có ý kiến cho rằng, cha mẹ luôn đúng, con cái cần phải nghe theo lời cha mẹ. Tuy nhiên, quan điểm này là chưa phù hợp. Cha mẹ có kinh nghiệm sống hơn con cái, nhưng không phải lúc nào họ cũng đúng. Con cái cần có chính kiến riêng và biết cách bảo vệ quan điểm của mình một cách lịch sự, tôn trọng.

Trước hết, khi có bất đồng quan điểm với cha mẹ, chúng ta cần bình tĩnh lắng nghe và thấu hiểu. Thay vì phản ứng gay gắt, hãy dành thời gian lắng nghe cha mẹ trình bày quan điểm của họ. Cố gắng đặt mình vào vị trí của cha mẹ để hiểu được lý do đằng sau những lời nói, hành động của họ. Nghiên cứu của Đại học Harvard đã chỉ ra rằng, lắng nghe tích cực giúp giảm căng thẳng, tăng sự thấu cảm và xây dựng lòng tin trong các mối quan hệ. Khi chúng ta thể hiện sự tôn trọng và lắng nghe cha mẹ, chúng ta cũng sẽ nhận được sự tôn trọng và lắng nghe từ họ.

Sau khi đã lắng nghe và thấu hiểu, chúng ta cần thể hiện quan điểm của mình một cách rõ ràng và tôn trọng. Hãy chuẩn bị sẵn những lập luận, dẫn chứng thuyết phục để trình bày quan điểm của mình một cách mạch lạc và logic. Sử dụng ngôn ngữ tôn trọng, tránh đổ lỗi, chỉ trích. Nhà tâm lý học Carl Rogers đã khẳng định rằng, giao tiếp cởi mở và tôn trọng là chìa khóa để giải quyết xung đột và xây dựng mối quan hệ tích cực. Khi chúng ta thể hiện quan điểm một cách rõ ràng và tôn trọng, cha mẹ sẽ hiểu được suy nghĩ của chúng ta và có thể tìm ra tiếng nói chung.

Thay vì cố gắng chứng minh ai đúng ai sai, hãy cùng cha mẹ tìm kiếm giải pháp cùng có lợi. Thỏa hiệp, điều chỉnh hoặc tìm ra một lựa chọn mới là những cách để giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực. Đặt câu hỏi mở, cùng nhau liệt kê các lựa chọn, thảo luận ưu nhược điểm của từng phương án là những cách để tìm ra giải pháp thỏa mãn cả hai bên. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng, các gia đình có khả năng tìm kiếm giải pháp cùng có lợi thường có mối quan hệ gắn kết và hạnh phúc hơn.

Nếu không thể tự giải quyết mâu thuẫn, đừng ngần ngại tìm kiếm sự hỗ trợ từ người thứ ba đáng tin cậy như ông bà, cô dì chú bác, thầy cô giáo hoặc chuyên gia tâm lý. Người thứ ba có thể đưa ra cái nhìn khách quan, giúp hai bên hiểu nhau hơn và tìm ra giải pháp phù hợp. Theo một khảo sát của Viện Nghiên cứu Gia đình, 70% các cặp cha mẹ và con cái đã cải thiện mối quan hệ sau khi tham gia tư vấn tâm lý.

Bản thân tôi cũng từng có những bất đồng quan điểm với cha mẹ. Tuy nhiên, tôi đã học được cách kiềm chế cảm xúc, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của cha mẹ. Nhờ đó, tôi đã có thể giải quyết những mâu thuẫn một cách êm đẹp và giữ được mối quan hệ tốt đẹp với cha mẹ.

Bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, nếu biết cách ứng xử khéo léo, chúng ta hoàn toàn có thể biến những bất đồng đó thành cơ hội để hiểu nhau hơn, gắn kết tình cảm gia đình. Là học sinh, chúng ta cần rèn luyện kỹ năng giao tiếp, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác, đặc biệt là cha mẹ. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể xây dựng một gia đình hạnh phúc, đầm ấm và góp phần xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ.